

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

ĐINH THỊ THU HUYỀN

**NHÂN VẬT TRẺ THƠ TRONG SÁNG TÁC
VĂN XUÔI CỦA TRẦN HOÀI DƯƠNG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH VĂN HỌC VIỆT NAM**

HÀ NỘI, 2016

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

ĐINH THỊ THU HUYỀN

**NHÂN VẬT TRẺ THƠ TRONG SÁNG TÁC
VĂN XUÔI CỦA TRẦN HOÀI DƯƠNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ VĂN HỌC

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 60 22 01 21

NGƯỜI HƯỚNG DẪN: PGS. TS. LƯU KHÁNH THƠ

HÀ NỘI, 2016

LỜI CẢM ƠN

Luận văn này là kết quả học tập, nghiên cứu suốt hai năm trong chương trình đào tạo Thạc sỹ dưới sự giảng dạy nhiệt tình, nghiêm túc và khoa học của các Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sỹ...của trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Để hoàn thành luận văn thạc sỹ, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn tới thầy cô khoa Văn học, phòng Đào tạo Sau đại học, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tôi trong quá trình học tập, thực hiện và hoàn thành luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong chuyên ngành Văn học Việt Nam, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã giảng dạy và giúp đỡ tôi trong quá trình thực hiện luận văn. Đặc biệt, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới PGS.TS Lưu Khánh Thơ - người đã chỉ bảo, hướng dẫn tận tình, chu đáo cho tôi hoàn thành luận văn.

Nhân đây tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến gia đình, người thân, bạn bè đồng nghiệp đã giúp đỡ, động viên tôi trong quá trình học tập và thực hiện đề tài.

Dù đã rất cố gắng nhưng luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót, tác giả mong nhận được sự góp ý của quý thầy, cô giáo và các bạn.

Hà Nội, tháng 9 năm 2016

Tác giả

Đinh Thị Thu Huyền

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, dưới sự hướng dẫn của PGS.TS Lưu Khánh Thơ. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực, khách quan. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước những luận điểm khoa học nêu ra trong công trình này.

Hà Nội, tháng 9 năm 2016

Tác giả

Đinh Thị Thu Huyền

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	6
4. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu	6
5. Phương pháp nghiên cứu	7
6. Đóng góp của đề tài	8
7. Cấu trúc đề tài	8
NỘI DUNG	9
Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC THIẾU NHI VÀ SÁNG TÁC CỦA NHÀ VĂN TRẦN HOÀI DƯƠNG	9
1.1. Khái quát về văn học thiếu nhi thời kì đổi mới	9
1.1.1. Khái niệm về văn học thiếu nhi	9
1.1.2. Quá trình phát triển của văn học thiếu nhi thời kì đổi mới	13
1.2. Trần Hoài Dương – nhà văn của thế giới trẻ thơ	19
1.2.1. Vài nét về Trần Hoài Dương	19
1.2.2. Quan điểm sáng tác cho thiếu nhi của Trần Hoài Dương	23
1.2.3. Vấn đề tiếp nhận truyện viết cho thiếu nhi của Trần Hoài Dương	25
Chương 2: THẾ GIỚI NHÂN VẬT TRẺ THƠ TRONG SÁNG TÁC VĂN XUÔI CỦA TRẦN HOÀI DƯƠNG NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN NỘI DUNG	30
2.1. Thế giới nhân vật trẻ thơ trong mối quan hệ với hoàn cảnh sống	30
2.1.1. Cuộc sống lam lũ nhưng ấm áp tình người	30
2.1.2. Nhân cách cao thượng trong cuộc sống lầm than	45
2.2. Thế giới nhân vật trẻ thơ trong mối quan hệ với chính mình	51
2.2.1. Những tâm hồn thanh khiết, trong sáng, giàu lòng nhân ái	51
2.2.2. Những tâm hồn ngây thơ, giàu ước mơ, khát vọng	55
2.3. Bài học cuộc sống từ nhân vật trẻ thơ	61
2.3.1. Bài học cho thiếu nhi	61
2.3.2. Bài học cho người lớn – Những đứa trẻ thơ trong quá khứ	64

Chương 3: THẾ GIỚI NHÂN VẬT TRẺ THƠ TRONG SÁNG TÁC VĂN XUÔI CỦA TRẦN HOÀI DƯƠNG NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN NGHỆ THUẬT	66
3.1. Khái quát về nghệ thuật xây dựng nhân vật	66
3.1.1. Khái niệm nhân vật	66
3.1.2. Vai trò của nhân vật	68
3.2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật trẻ thơ trong sáng tác văn xuôi của Trần Hoài Dương	69
3.2.1. Nghệ thuật miêu tả ngoại hình	69
3.2.3. Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí của nhân vật	77
3.2.4. Ngôn ngữ	85
KẾT LUẬN.....	93
TÀI LIỆU THAM KHẢO	96

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Khác với thơ ca in đậm dấu ấn chủ quan, truyện phản ánh đời sống trong tính khách quan của nó, qua con người, hành vi, sự kiện được miêu tả và kể lại bởi một người kể chuyện (trần thuật) nào đó. Trong đó, nhân vật là phương tiện cơ bản giúp người nghệ sĩ miêu tả đời sống con người thông qua những hình tượng nghệ thuật. Do đó, nghiên cứu văn chương từ góc độ tìm hiểu nhân vật sẽ làm sáng tỏ nhiều điều về thể loại, trào lưu, quan niệm văn học, phong cách sáng tạo của nhà văn.... Văn học ở bất kì thời đại nào, trong bất cứ thể loại nào cũng đều phản ánh mối quan hệ mật thiết của nó với đời sống. Và nhằm tái hiện cuộc sống, văn học phải nhờ đến nhân vật (những chủ thể nhất định) để mô hình hóa thực tại. Như thế, việc chiếm lĩnh các mặt giá trị của tác phẩm sẽ khó có thể thực hiện nếu không tìm hiểu phương diện nhân vật – thành quả nghệ thuật quan trọng trong sáng tác của mỗi nhà văn.

1.2. Trần Hoài Dương là nhà văn suốt cuộc đời gắn bó với nền văn học thiếu nhi Việt Nam. Ông luôn tâm niệm đến với văn học thiếu nhi như là đến với một thứ Đạo. Ông viết văn là để vươn tới những gì cao đẹp nhất, viết là để tự hoàn thiện dần con người mình, viết là để đem lại lòng yêu thương và vẻ đẹp tuyệt vời của văn chương cho trẻ nhỏ. Trần Hoài Dương là người suốt đời đi tìm và chất lọc từ cuộc sống ngổn ngang bề bộn tất cả những gì tinh túy nhất, trong ngần nhất để viết lên những thiên truyện bồi đắp, nuôi dưỡng tâm hồn cho bao thế hệ trẻ thơ. Suốt gần nửa thế kỷ nay, hàng triệu lượt bạn đọc nhỏ tuổi dù không quen biết tác giả nhưng vẫn say mê với các tác phẩm hay và đẹp của ông. Những trang viết của nhà văn không chỉ dành riêng cho trẻ em đọc mà tất cả những ai muốn tìm lại tuổi thơ đã mất của mình, những ai muốn có những giây phút sống yên bình trong thế giới trắng trong của cái Đẹp và cái Thiện đều có thể tìm đến các sáng tác của ông.

1.3. Trần Hoài Dương là một trong hiếm hoi các nhà văn ở nước ta dành cả cuộc đời để viết cho một đối tượng duy nhất: thiếu nhi. Sau gần 50 năm đeo đuổi văn nghiệp, Trần Hoài Dương đã có được gần 40 đầu sách xuất bản, gồm đoản văn, truyện ngắn, truyện dài, tiểu thuyết, kịch bản phim hoạt hình và phim rối... trong đó có những tác phẩm đáng chú ý như: *Lá non*, *Cuộc phiêu lưu của những con chữ*, *Miền xanh thẳm*, *Nàng công chúa biển*... Ông cũng là người chủ biên hoặc trực tiếp biên soạn rất nhiều bộ sách văn học trong nước và nước ngoài dành cho thiếu nhi. Văn của Trần Hoài Dương tinh tế, sâu sắc về cảnh vật, đậm ám, đôn hậu với con người. Nhiều trang văn mẫu mực của ông đã được chọn đưa vào sách giáo khoa dạy trong nhà trường. Với khối lượng tác phẩm đồ sộ của mình, nhân vật chủ yếu trong các sáng tác của ông là nhân vật trẻ thơ. Nhân vật trẻ thơ trong văn xuôi của Trần Hoài Dương thu hút được nhiều sự quan tâm của giới chuyên môn. Tuy nhiên chưa có một công trình nào đi sâu nghiên cứu về thế giới nhân vật trẻ thơ trong các tác phẩm của nhà văn, để qua đó có thể thấy được phong cách của nhà văn cũng như những ghi nhận đóng góp của nhà văn cho nền văn học trẻ em nước nhà. Trong khi ở nước ta hiện nay, văn học thiếu nhi nước ngoài cũng như các trò vui chơi giải trí hiện đại đang ồ ạt xâm nhập, trong đó có truyện tranh – đặc biệt là truyện tranh Nhật Bản...đang thu hút sự chú ý của độc giả trẻ thì việc nghiên cứu về thành tựu của một tác giả viết cho thanh thiếu niên trong nước là một việc làm cần thiết.

Chính vì những lí do trên mà chúng tôi lựa chọn đề tài ***Nhân vật trẻ thơ trong sáng tác văn xuôi của Trần Hoài Dương*** làm đề tài nghiên cứu khoa học của mình.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Có rất nhiều các công trình nghiên cứu về tác giả Trần Hoài Dương, các vấn đề xoay quanh các tác phẩm của ông; nhân vật trẻ thơ cũng là một đề tài thú vị tồn không ít giấy mực của các nhà nghiên cứu. Tuy nhiên,

trong phần lịch sử vấn đề, chúng tôi chỉ đưa ra một vài công trình nghiên cứu tiêu biểu:

2.1. Kiểu nhân vật trẻ thơ trong văn học

Qua nghiên cứu, tìm hiểu chúng tôi nhận thấy vấn đề nhân vật trẻ thơ trong văn học cũng đón nhận được khá nhiều sự quan tâm của giới nghiên cứu.

Luận văn thạc sĩ của tác giả Nguyễn Thị Thơm bàn về *Nhân vật trẻ thơ trong truyện cổ tích và ý nghĩa giáo dục đối với học sinh tiểu học* [52]. Ở luận văn này, tác giả đã đi sâu vào việc tìm hiểu, khai thác đặc điểm nhân vật trẻ thơ trong truyện cổ tích và nghệ thuật thể hiện nhân vật trẻ thơ. Từ đó khái quát lên hình tượng nhân vật trẻ thơ trong truyện cổ tích ở sách Tiếng Việt tiểu học và ý nghĩa giáo dục đối với học sinh.

Có lẽ nhắc đến văn học thiếu nhi Việt Nam, ngoài Trần Hoài Dương thì tên tuổi được độc giả nhớ đến nhiều và khá quen thuộc là Nguyễn Nhật Ánh. Trên rất nhiều bài báo, tạp chí, các trang thông tin điện tử, các công trình nghiên cứu về văn học thiếu nhi Việt Nam đã nhắc đến Nguyễn Nhật Ánh. Trước hết là ở các ấn phẩm mang tính chất chuyên ngành như các sách nghiên cứu về văn học thiếu nhi, *Tạp chí nghiên cứu văn học*, *báo Văn nghệ*, *Văn nghệ trẻ*, *Văn nghệ quân đội*.... Trong đó đặc biệt chú ý là công trình *Bách khoa thư văn học thiếu nhi Việt Nam* [48] do hai tác giả Vân Thanh và Nguyễn An biên soạn. Ở tập 1, một số tác giả cũng đã đề cập đến Nguyễn Nhật Ánh và tác phẩm của ông.

Trong bài viết *Truyện viết cho thiếu nhi sau 1975: Diện mạo và quá trình phát triển* [36] của Bắc Lý đã có nhiều đoạn mang tính chất giới thiệu, phân tích khái quát giá trị của tác phẩm *Kính vạn hoa*, bộ truyện dài đầu tiên của Nguyễn Nhật Ánh.

Nguyễn Nhật Ánh là nhà văn còn được nhắc đến khá nhiều trên các diễn đàn văn học, văn hóa và cả tạp chí chuyên môn. Tuy nhiên, những bài

viết có liên quan đến nhân vật, đặc biệt là nhân vật trẻ em trong tác phẩm của ông thì còn riêng lẻ và chưa có hệ thống.

Ngoài ra, còn phải kể đến luận văn thạc sĩ và ngôn ngữ văn hóa Việt Nam của tác giả Nguyễn Thị Đài Trang bàn về *Nhân vật trẻ em trong truyện ngắn Nguyễn Nhật Ánh* [56]. Trong luận văn, tác giả đã đi tìm hiểu về quan niệm nghệ thuật về con người và kiểu nhân vật trẻ em trong truyện Nguyễn Nhật Ánh; nghệ thuật xây dựng nhân vật trong truyện ngắn của ông. Đây là công trình đầu tiên đi sâu vào việc khai thác một cách tổng hợp thế giới nhân vật trẻ em trong truyện ngắn của Nguyễn Nhật Ánh. Luận văn cũng là cơ sở nhìn nhận, đánh giá về phong cách của Nguyễn Nhật Ánh trong lĩnh vực viết cho trẻ em và những đóng góp của nhà văn cho nền văn học thiếu nhi đương đại.

Tuy chưa thật đầy đủ nhưng đó sẽ là những tài liệu quý báu, là cơ sở để chúng tôi tiếp cận và triển khai đề tài *Nhân vật trẻ thơ trong sáng tác văn xuôi của Trần Hoài Dương*.

2.2. Tác giả Trần Hoài Dương và tác phẩm

Gần nửa thế kỉ viết cho thiếu nhi, Trần Hoài Dương đã hun đúc, góp phần xây dựng, bồi dưỡng cho bao tâm hồn. Cũng đã có một số công trình nghiên cứu, các bài tiểu luận phê bình viết về nhà văn và các tác phẩm của ông.

Cuốn sách *Trần Hoài Dương - Con người - Tác phẩm* [55] do Trần Lê Quỳnh – Huy Thắng biên soạn là một tác phẩm quý báu sau 5 năm sau ngày mất của nhà văn Trần Hoài Dương (2011 - 2016) gia đình nhà văn đã phối hợp với Nhà xuất bản Hội Nhà văn cho ra mắt tập sách dày hơn 800 trang. Cuốn sách được chia làm hai phần chính: Phần thứ nhất là những hình ảnh lưu lại những khoảnh khắc nhà văn Trần Hoài Dương với gia đình thân yêu của ông và những bài viết của bạn bè viết về ông trước và sau khi ông mất. Phần thứ hai là những tác phẩm chọn lọc của nhà văn, chỉ giới hạn trong

khoảng một phần mười những tác phẩm đã in và chưa công bố, gồm truyện ngắn, truyện dài, tiểu thuyết, kịch bản phim, tạp bút... Qua cuốn sách này, bạn đọc có được cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về con người, cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của nhà văn.

Trong luận văn thạc sĩ *Thế giới nghệ thuật truyện đồng thoại của Trần Hoài Dương và ý nghĩa giáo dục đối với học sinh tiểu học (Khảo sát qua tập truyện Cô bé mảnh khảnh)*[30]. Tác giả Nguyễn Thanh Hà đã khảo sát và chỉ ra những đặc sắc trong thế giới nghệ thuật truyện đồng thoại viết cho thiếu nhi của Trần Hoài Dương qua những chủ đề chính, thế giới nhân vật, thời gian, không gian nghệ thuật. Luận văn đã giúp người đọc có được cái nhìn sâu sắc hơn về thế giới nghệ thuật truyện đồng thoại cũng như những ý nghĩa giáo dục hết sức cao đẹp được nhà văn gửi gắm vào trong tác phẩm của mình.

Nhà báo Trần Bá Thủy trong bài tiểu luận *Trần Hoài Dương – Mãi mãi miền xanh thắm* [55] đã đưa ra những lời chia sẻ, tâm sự chân thành về nhà văn Trần Hoài Dương. Qua bài tiểu luận này, người đọc thêm hiểu, thêm yêu hơn nhà văn của một miền xanh thắm – nhà văn của thế giới tuổi thơ.

Trong tiểu luận *Thương tiếc Nhà văn Trần Hoài Dương: một thế giới trong ngàn còn mãi* [55, tr. 280,281] nhà thơ Vi Thùy Linh có nhận định: “*Tâm hồn dịu dàng ấy không ngừng xao động, mỗi cuốn sách của ông như một ô cửa, dẫn chúng ta tới “Thế giới trắng của cái đẹp và cái thiện” mà ông tôn thờ, say mê theo đuổi suốt đời.... Điệp từ “trong sáng, trong vắt” luôn được cất lên khi nhắc tới Trần Hoài Dương. Ông đã mở ra những ô cửa xanh cho bao lứa trẻ*”. Ông là một cửa hiem trong các nhà văn Việt Nam đương đại có đời sống và sáng tạo nhất quán: chân thành, tử tế. Con người thuần phác, ngay thẳng, hiền và nhiều khi rụt rè, e ngại trước những chấn động, ồn ã, lại cực đoan, quyết liệt trước những thói xấu xa đê hèn.

Nhà văn Lê Phương Liên trong *Gửi lại miền ấu thơ* [55, tr. 125] cũng cho biết: Kể từ cuốn sách đầu tiên *Em bé và bông hồng* cho đến phút cuối

của cuộc đời, nhà văn Trần Hoài Dương đã dành tất cả tâm huyết và tài năng của mình cống hiến cho Văn học Thiếu nhi Việt Nam. Đối với ông, Văn học Thiếu nhi như một lẽ sống của đời người, một ánh sáng trong ngần và thuần khiết hương ngòi bút của mình vươn đến một cái đẹp lí tưởng....

Như vậy, phần lớn các tác phẩm cũng đã có những đánh giá và ghi nhận Trần Hoài Dương – nhà văn của thiếu nhi. Tuy nhiên, chưa có một công trình cụ thể nào nghiên cứu sâu về thế giới trẻ thơ trong các tác phẩm của ông. Do đó, trên cơ sở kế thừa thành tựu và kinh nghiệm của những người đi trước, đề tài của chúng tôi tập trung nghiên cứu về nhân vật trẻ thơ trong các sáng tác của nhà văn Trần Hoài Dương nhìn từ phương diện nội dung và nghệ thuật. Hi vọng đề tài nghiên cứu của chúng tôi sẽ cung cấp cho người đọc những vấn đề cơ bản về nhân vật trẻ thơ trong các sáng tác của nhà văn. Từ đó, thấy được thế giới trong ngần của tuổi thơ, khơi gợi những kỉ niệm thời thơ ấu, tạo cho người đọc cảm nhận được tình yêu cuộc sống, yêu thiên nhiên, yêu thương con người.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu *Nhân vật trẻ thơ trong sáng tác văn xuôi của Trần Hoài Dương*.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là khảo sát qua một số tác phẩm: *Em bé và bông hồng*, *Cây lá đỏ*, *Cuộc phiêu lưu của những con chữ*, *Con đường nhỏ*, *Lá non*, *Miền xanh thắm* của Trần Hoài Dương.

4. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những vấn đề cơ bản về nhân vật trẻ thơ trong sáng tác văn xuôi của Trần Hoài Dương. Từ đó, thấy được thế giới trong

ngần của tuổi thơ, khơi gợi những kỉ niệm thời thơ ấu, tạo cho người đọc cảm nhận được tình yêu cuộc sống, yêu thiên nhiên, yêu thương con người.

Luận văn thông qua việc tìm hiểu nhân vật trẻ thơ trong văn xuôi Trần Hoài Dương đã phân định được các kiểu loại nhân vật một cách rõ nét, để từ đó giúp người đọc có cái nhìn sâu sắc hơn với từng kiểu nhân vật.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn tìm hiểu những kiến thức lí luận chung có liên quan đến một số khái niệm như: Khái niệm về văn học thiếu nhi, khái niệm nhân vật trẻ thơ, những phương thức, phương tiện nghệ thuật cơ bản.

Luận văn tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của tác giả Trần Hoài Dương.

Luận văn khảo sát và chỉ ra những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong thế giới nhân vật trẻ thơ trong sáng tác văn xuôi của Trần Hoài Dương thông qua một số tác phẩm tiêu biểu *Em bé và bông hồng*, *Cây lá đỏ*, *Cuộc phiêu lưu của những con chữ*, *Con đường nhỏ*, *Lá non*, *Miền xanh thẳm*.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp phân tích: Phân tích lí giải nhân vật trẻ thơ trong tác phẩm có những đặc điểm gì nổi bật, phân tích tâm lí nhân vật (niềm hạnh phúc, nỗi đau khổ, bất hạnh,...). Đây là phương pháp sẽ được sử dụng chủ yếu trong đề tài này.

5.2. Phương pháp so sánh văn học: Phương pháp này giúp cho việc phân tích các tác phẩm có chiều sâu và thuyết phục hơn, nhằm đối chiếu thế giới nhân vật trẻ thơ trong các sáng tác cho thiếu nhi của Trần Hoài Dương với các tác giả khác cùng viết về đề tài thiếu nhi (Nguyễn Nhật Ánh) từ đó chỉ ra sự độc đáo mới mẻ trong sáng tác thiếu nhi của Trần Hoài Dương.

5.3. Phương pháp loại hình: Phương pháp này nhằm giúp nghiên cứu, khảo sát các tác phẩm theo đúng đặc trưng loại hình của tác phẩm.

5.4. Phương pháp đánh giá tổng hợp: Sau khi sử dụng các phương pháp phân tích và so sánh, phương pháp này giúp cho việc nhìn nhận và đánh giá vấn đề một cách khái quát nhất.

6. Đóng góp của đề tài

Đề tài giúp cho người đọc có một cái nhìn khái quát về nhân vật trẻ thơ trong các tác phẩm của Trần Hoài Dương... Từ đó khẳng định những đóng góp của nhà văn về mặt nội dung và nghệ thuật cho văn xuôi Việt Nam đương đại.

Đề tài cũng góp phần làm tư liệu tham khảo cho các sinh viên, học viên, những người yêu thích tác phẩm của Trần Hoài Dương và văn học Việt Nam hiện đại.

7. Cấu trúc đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và thư mục tham khảo, nội dung đề tài gồm có ba chương:

Chương 1. Khái quát về văn học thiếu nhi và sáng tác của nhà văn Trần Hoài Dương

Chương 2. Thế giới nhân vật trẻ thơ trong sáng tác văn xuôi của Trần Hoài Dương nhìn từ phương diện nội dung

Chương 3. Thế giới nhân vật trẻ thơ trong sáng tác văn xuôi của Trần Hoài Dương nhìn từ phương diện nghệ thuật

NỘI DUNG

Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC THIẾU NHI VÀ SÁNG TÁC CỦA NHÀ VĂN TRẦN HOÀI DƯƠNG

1.1. Khái quát về văn học thiếu nhi thời kì đổi mới

1.1.1. Khái niệm về văn học thiếu nhi

Trong *Từ điển thuật ngữ Văn học*: Theo nghĩa hẹp: *Văn học thiếu nhi* gồm những tác phẩm văn học hoặc phổ cập khoa học dành cho thiếu nhi. Tuy vậy, khái niệm văn học thiếu nhi cũng thường bao gồm một phạm vi rộng rãi những tác phẩm văn học thông thường (cho người lớn) đã đi vào phạm vi đọc của thiếu nhi. [27, tr.412]. Như vậy, thuật ngữ văn học không đưa ra một khái niệm hay định nghĩa cụ thể về văn học thiếu nhi mà chỉ giới hạn những “loại” tác phẩm được gọi là văn học thiếu nhi. Mà trong số những loại của văn học thiếu nhi ấy cũng gồm cả những tác phẩm không thuộc về văn học (tác phẩm phổ cập khoa học).

Cũng về khái niệm Văn học thiếu nhi nhưng ở *Bách khoa toàn thư mở* (Wikipedia) lại cho rằng: *Văn học thiếu nhi* hay *văn học dành cho trẻ em* là các tác phẩm dành cho các độc giả và thính giả đến khoảng mười hai tuổi và thường có tranh minh họa. Thuật ngữ này được dùng với nhiều nghĩa, đôi khi nó loại trừ các loại truyện viễn tưởng cho tuổi mới lớn, các sách truyện hài hước hoặc các thể loại truyện khác. Văn học thiếu nhi có thể là những tác phẩm do trẻ em (thiếu nhi) viết, những tác phẩm viết cho trẻ em, những tác phẩm lựa chọn cho trẻ em hoặc những tác phẩm được trẻ em lựa chọn. So với *Từ điển thuật ngữ văn học* thì khái niệm về văn học thiếu nhi ở đây đã được cụ thể hơn về lứa tuổi (đến mười hai tuổi), về đặc điểm (thường có tranh minh họa), về thể loại, về lực lượng sáng tác và về tính định hướng vào đối tượng tiếp nhận.

Hai tác giả Vân Thanh và Nguyễn An trong cuốn *Bách khoa thư Văn học thiếu nhi Việt Nam*, tập 1 đã đưa ra quan niệm về văn học thiếu nhi tương đối rộng và mang tính bao quát: Văn học thiếu nhi bao gồm:

- Những tác phẩm văn học được mọi nhà sáng tạo ra với mục đích giáo dục, bồi dưỡng tâm hồn, tính cách cho thiếu nhi. Nhân vật trung tâm của nó là thiếu nhi, và nhiều khi cũng là người lớn, hoặc là một cơn gió, một loài vật hay một đồ vật, một cái cây.... Tác giả của văn học thiếu nhi không chỉ là chính các em, mà cũng là các nhà văn thuộc mọi lứa tuổi.

- Những tác phẩm được thiếu nhi thích thú tìm đọc. Bởi vì các em đã tìm thấy trong đó cách nghĩ, cách cảm và các hành động của chính các em, hơn thế, các em còn tìm được ở trong đó một lời nhắc nhở, một sự răn dạy, với những nguồn động viên, khích lệ, những sự dẫn dắt ý nhị, bổ ích ... trong quá trình hoàn thiện tính cách của mình.

Như vậy, chúng ta thấy quan niệm của hai tác giả Vân Thanh và Nguyên An về văn học thiếu nhi có nét tương đồng với khái niệm đã được đưa ra trong *Từ điển thuật ngữ văn học* ở chỗ cũng phân loại được những tác phẩm được gọi là văn học thiếu nhi. Không dừng lại ở đây, các tác giả còn bổ sung vào quan niệm của mình tính mục đích (nhấn mạnh vào mục đích giáo dục) của các tác phẩm thiếu nhi, loại nhân vật và lực lượng sáng tác trong văn học thiếu nhi (về điểm này gần gũi với khái niệm được đưa ra trong bách khoa toàn thư mở).

Lựa chọn và triển khai đề tài *Nhân vật trẻ thơ trong sáng tác văn xuôi của Trần Hoài Dương*, chúng tôi đã tập trung vào tìm hiểu các tác phẩm của Trần Hoài Dương dành cho thiếu nhi. Tuy nhiên, chúng tôi không nhằm đưa ra một định nghĩa riêng về văn học thiếu nhi mà trên cơ sở tham khảo các khái niệm và quan điểm về văn học thiếu nhi kể trên, chúng tôi rút ra một số điểm cơ bản mang tính đặc trưng về văn học thiếu nhi như là một cơ sở lý luận cho những phần trình bày tiếp theo của đề tài.

Tuy các quan điểm của các tác giả có thể khác nhau nhưng chúng ta cũng sẽ thấy được một số nét tương đồng trong quan niệm về văn học thiếu nhi như xác định lứa tuổi của văn học thiếu nhi, đặc điểm của văn học thiếu

nhi trong đó đặc biệt là tính giáo dục mà văn học thiếu nhi mang lại. Và tính giáo dục trở thành yêu cầu đầu tiên, thậm chí là yêu cầu bắt buộc đối với các tác phẩm văn học thiếu nhi.

Sau khi tổng hợp một số ý kiến về văn học thiếu nhi, chúng tôi xin đưa ra một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, về việc sử dụng thuật ngữ, bên cạnh thuật ngữ “*văn học thiếu nhi*”, có thể thấy có rất nhiều thuật ngữ được sử dụng như văn học trẻ em, văn học trẻ thơ, văn học tuổi thơ hay văn học thiếu niên.... Trong luận văn này, chúng tôi sử dụng thuật ngữ “*văn học trẻ thơ*” bởi mỗi độ tuổi sẽ có một đặc điểm tâm sinh lý, đặc điểm nhận thức khác nhau, do đó cũng đòi hỏi một sản phẩm văn học phù hợp. Và chúng tôi sử dụng thuật ngữ văn học trẻ thơ để chỉ các em ở độ tuổi mầm non và tiểu học. Và đây cũng là đối tượng chính chúng tôi tìm hiểu, khai thác trong một số tác phẩm của Trần Hoài Dương. Vì chúng tôi nhận thấy phần lớn các câu chuyện của Trần Hoài Dương rất đơn giản về cốt truyện, ngôn ngữ trong sáng, tập trung khá nhiều ở lứa tuổi trẻ thơ (Mầm non và tiểu học).

Thứ hai, dù có nhiều quan điểm khác nhau song mọi người vẫn phải thống nhất rằng: Văn học thiếu nhi là một loại văn học, hơn nữa là một loại văn học đặc biệt. Văn học thiếu nhi dù xuất hiện nhiều hay ít vẫn là một phần không thể thiếu của bất kì nền văn học dân tộc nào. Sự đặc biệt của loại văn học này chính là ở đối tượng đã được thể hiện ngay trong nội hàm thuật ngữ: thiếu nhi. Vấn đề cần làm rõ ở đây là xác định vai trò của đối tượng ấy mà mình miêu tả là gì để có cách xử lý mọi yếu tố của tác phẩm cho phù hợp. Nhưng chắc chắn các tác giả sẽ không thể giới hạn và xác định đối tượng tiếp nhận tác phẩm của mình chỉ ở một lứa tuổi nhất định nào đó. Sự giao tiếp giữa độc giả và thính giả thông qua tác phẩm là một sự giao tiếp ngầm và hoàn toàn tự do. Không ai có thể cấm trẻ em khám phá một tác phẩm viết về những người lớn tuổi hơn chúng hay cấm người lớn tìm hiểu những tác phẩm

viết về đám trẻ con. Sự giao thoa về đối tượng tiếp nhận có thể là một biểu hiện rất rõ ràng cho tính giá trị của tác phẩm. Giá trị tạo nên sức sống của tác phẩm cũng như xóa nhòa giới hạn về không – thời gian. Do đó, văn học thiếu nhi có lẽ nên hiểu một cách rộng rãi là những tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi, viết về thiếu nhi, cả những tác phẩm văn học do thiếu nhi sáng tác, hoặc những tác phẩm phù hợp với văn học thiếu nhi, được thiếu nhi yêu quý, tìm đọc.

Thứ ba, có thể coi tính giáo dục là một chức năng đặc trưng của văn học thiếu nhi. Tất nhiên, giáo dục là một trong nhiều chức năng của văn học, các tác phẩm văn học dành cho người lớn không phải là không có tính giáo dục, nhưng đối với tác phẩm của văn học thiếu nhi, tính giáo dục luôn được quan tâm nhiều hơn, có xu hướng được thể hiện một cách cụ thể, rõ ràng hơn. Thậm chí, có khi tính giáo dục được coi là tiêu chí hàng đầu của tác phẩm văn học thiếu nhi cũng như để đánh giá một tác phẩm văn học thiếu nhi. Điều này có lẽ xuất phát từ tâm lý của người lớn luôn nhìn thiếu nhi như một đối tượng bé bỏng, hầu như chưa biết gì về cuộc sống và cần được dạy dỗ, cần được chỉ bảo. Hiện tượng này thường xảy ra đối với những tác phẩm thiếu nhi được sáng tác bởi người lớn. Vậy còn đối với những tác phẩm do chính các em thiếu nhi sáng tác, chức năng giáo dục có còn là nét chủ đạo? Chắc hẳn các em chưa thể ý thức được về việc tự giáo dục mình, do đó hầu hết các tác phẩm văn học do thiếu nhi sáng tác thường mang màu sắc hồn nhiên, trong sáng như tâm lý lứa tuổi các em. Khi sáng tác chắc hẳn các em chỉ nghĩ đơn thuần là ghi lại những cảm nhận của bản thân trước một sự vật, hiện tượng, một con người hay đối tượng, hay đối với những gì mà các em cảm nhận thích thú và yêu quý. Ví dụ như nhà thơ Trần Đăng Khoa với tập thơ *Góc sân và khoảng trời* được sáng tác khi nhà thơ mới mười tuổi. Những bài thơ ấy vừa hồn nhiên, trong sáng, vừa ngộ nghĩnh đáng yêu, vừa có nét cảm nhận tinh tế và cũng đầy tính giáo dục. Thơ Trần Đăng Khoa góp phần bồi dưỡng

tình yêu quê hương đất nước, yêu quý cha mẹ, gia đình, yêu lao động, yêu thiên nhiên loài vật. Hay như cuốn tiểu thuyết *Vị khách trẻ tuổi* của Daisy Ashford được sáng tác khi tác giả mới chín tuổi với đầy lỗi chính tả, và mỗi chương chỉ là một đoạn văn nhưng sau này vẫn được xuất bản và coi như một tác phẩm văn học thiếu nhi thực thụ.

Thứ tư, minh họa cũng là một đặc trưng độc đáo của văn học thiếu nhi. Bởi lứa tuổi thiếu nhi là lứa tuổi chủ yếu tư duy bằng hình tượng, lứa tuổi thường bị hấp dẫn bởi những đường nét, hình khối, màu sắc, vì vậy việc minh họa cho tác phẩm thiếu nhi sẽ làm tăng sức mạnh của nghệ thuật ngôn từ, giúp thiếu nhi đến với câu chữ và lĩnh hội tác phẩm dễ dàng hơn cũng như tác phẩm sẽ để lại ấn tượng sâu đậm hơn cho các em.

Thứ năm, văn học thiếu nhi thường giàu yếu tố tưởng tượng. Đặc trưng này cũng xuất phát từ đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi thiếu nhi có thể bầu bạn với hết thảy vạn vật xung quanh, có thể lắng nghe mọi âm thanh của cây cỏ, trò chuyện được với muôn loài, giao cảm, hòa đồng với thiên nhiên.

Thứ sáu, thêm một điều thú vị nữa cho văn học thiếu nhi chính là ở thể loại. Văn học thiếu nhi có mặt ở hầu hết các thể loại từ văn xuôi đến thơ, từ các thể loại của văn học dân gian đến văn học viết. Sự phong phú về thể loại cho thấy văn học thiếu nhi có một đời sống riêng khá phong phú.

Những nhận xét mà chúng tôi đưa ra có thể chưa phải là tất cả những vấn đề cơ bản của văn học thiếu nhi, nhưng đó sẽ là những cơ sở giúp chúng tôi nhận diện và định hướng khi tìm hiểu các tác phẩm văn học thiếu nhi nói chung, các tác phẩm của Trần Hoài Dương nói riêng.

1.1.2. Quá trình phát triển của văn học thiếu nhi thời kì đổi mới

Sau 1975, đất nước thống nhất và bước vào một giai đoạn mới với những biến đổi to lớn và sâu sắc, toàn diện, phát triển của văn học phản ánh xã hội thông qua cá nhân nhà văn, vì thế sự phát triển của văn học tuy có tính độc lập nhưng cũng có mối quan hệ mật thiết với sự phát triển của xã hội.

Truyện viết cho thiếu nhi sau năm 1975 tuy có dòng chảy riêng nhưng cũng không nằm ngoài bức tranh chung của văn học Việt Nam, nhất là văn xuôi giai đoạn này. Quan sát sự vận động của những sáng tác truyện cho trẻ em sau năm 1975, chúng ta thấy có thể chia thành hai giai đoạn: giai đoạn 1975 – 1985 và giai đoạn 1986 đến nay. Hai giai đoạn này được đánh dấu bằng mốc Đại hội Đảng VI.

Giai đoạn 1975 - 1985: Những tìm kiếm và chuẩn bị cho sự đổi mới

Cách mạng tháng Tám 1945 là khởi đầu một thời đại mới với những biến đổi mới trên mọi mặt của đời sống văn học. Thành tựu nổi bật của văn học kháng chiến là sự phát hiện và sáng tạo hình tượng con người quần chúng ở nhiều bình diện. Truyện viết cho thiếu nhi nói riêng và văn xuôi 1945 – 1975 nói chung đã có những đóng góp đáng kể cho sự hình thành và tạo nên diện mạo phong phú cũng như các giá trị của nền văn học mới trong chặng đường 30 năm đầu tiên. Những thành tựu và đặc điểm của nó đã để lại dấu ấn đáng ghi nhớ không chỉ trong giai đoạn lịch sử đương thời mà còn góp phần vào sự phát triển văn học Việt Nam từ sau 1975.

Văn học thiếu nhi trong mười năm tiếp theo (1975 – 1985) là giai đoạn trầm trở, tìm tòi, nhìn chung vẫn gắn với cách tiếp cận cũ. Sự tiếp nối này thể hiện rõ nhất trong những năm đầu, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ kết thúc, phần lớn truyện chỉ xoay quanh đề tài kháng chiến. Đó là cảm hứng ngợi ca quê hương đất nước và ngợi ca cách mạng như *Tặng sáng* của Võ Quảng. Nhiều tác phẩm viết trong cảm hứng day dứt về một thời bom đạn, lớp lớp trẻ em từ thành phố về nông thôn sơ tán cũng phải tự lập, lo toan đủ bề. Tuy vẫn tiếp nối, gần gũi với văn học giai đoạn trước năm 1975, nhưng truyện viết cho các em dần dần đã mở ra những bình diện mới trong cách lí giải, thể hiện con người. Trong quan hệ với tập thể, con người chủ yếu được nhắc tới ở phương diện thái độ với sự nghiệp chung, ở cái riêng, cá nhân trong quan hệ thống nhất với cái chung.

Viết về cuộc sống khi đất nước hoàn toàn thống nhất, các nhà văn chú ý nhiều đến vấn đề đạo đức con người. Những tác phẩm như *Tình thương* (Phạm Hổ), *Bến tàu trong thành phố* (Xuân Quỳnh), *Chú bé có tài mở khóa* (Nguyễn Quang Thân), *Hành trình ngày thơ ấu* (Dương Thu Hương)... Có thể coi là những tác phẩm xung kích mạnh dạn phanh phui những tiêu cực của xã hội với những cái xấu, cái lạc hậu và sự nhỏ nhen, đố kỵ của lòng người.

Trong những năm tháng chiến tranh ác liệt với không khí chiến đấu ác liệt một mất một còn giữa chúng ta với kẻ thù thì văn học nói chung, văn học thiếu nhi nói riêng không thể nhắc tới những tổn thương, mất mát. Mà ngược lại, văn học mang cảm hứng ngợi ca cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc. Bao thế hệ thanh niên đã lên đường với khát vọng và ý chí chiến đấu cho chân lý của thời đại: Chúng tôi sẽ làm gì? Rõ ràng là trong tâm trí chúng tôi, không một đứa nào muốn đi tản cư, mặc dù biết sẽ được đi tới nơi xa lạ. Cái nơi xa đang khơi gợi trí tò mò cũng không lấn át được sự thôi thúc bùng bột và ngây thơ: hãy cho chúng tôi cùng ở lại chiến đấu với giặc. Nếu như trước đây các tác giả tập trung vào đề tài lịch sử gắn với các nhân vật anh hùng và truyền thống đánh giặc chống ngoại xâm của dân tộc như Nguyễn Huy Tưởng, Hà Ân, Lê Văn... Thì đến giai đoạn này gần như chững lại. Tới giai đoạn này, Tô Hoài mở ra một hướng khai thác mới, hướng khai thác lịch sử gắn với huyền thoại, phong tục và văn hóa. Những tri thức và bài học lịch sử ở đây không chỉ gắn với lịch sử chiến đấu mà đã mở rộng ra cùng khắp thiên nhiên, làng nước, tạo một thế giới xa xưa, hư ảo mới lạ và hấp dẫn: *Đảo hoang*, *Chuyện nỏ thần*, *Nhà Chử*...

Sau ngày thống nhất đất nước, truyện viết cho thiếu nhi đã có những dấu hiệu mới nhưng chưa tạo ra được những chuyển biến rõ ràng. Môi trường hoạt động của trẻ em phản ánh trong tác phẩm chưa được rộng rãi. Chủ yếu mới chỉ trong đời sống cách mạng, đời sống chiến đấu và các vấn đề đạo đức xã hội. Một số tác phẩm đã có những tìm tòi, phát hiện mới mẻ với ý thức

nhìn nhận con người và cuộc sống từ nhiều chiều, nhiều hướng, nhưng đó cũng chỉ là những đột phá, thăm dò, thậm chí trong sự đột phá này, có tác phẩm đã bị dư luận công kích, mà hiện tượng *Hành trình thơ ấu* của Dương Thu Hương là một ví dụ. Tuy nhiên, những dấu hiệu đổi mới này là bước khởi đầu, có ý nghĩa rất lớn cho đổi mới dòng chảy của truyện viết cho thiếu nhi trong giai đoạn mới – giai đoạn văn học ta bước vào thời kì biến đổi to lớn và sâu sắc, toàn diện.

Giai đoạn 1986 - nay: Mở rộng đề tài, đổi mới cách tiếp cận đời sống và tăng cường khả năng khám phá con người.

Đại hội Đảng VI đã đem lại một luồng sinh khí mới cho văn học nói chung và văn học thiếu nhi nói riêng. Truyện viết cho thiếu nhi được mở rộng ra nhiều hướng tiếp cận mới với đời sống trẻ em. Thực ra, không khí đổi mới đã có từ trước đó, nhưng phải đến giai đoạn này, đặc biệt là sau năm 1986 sự đổi mới thực sự diễn ra đồng bộ. Các nhà văn được dịp phát huy cá tính sáng tạo, ý thức tìm tòi cho mình một nét riêng. Như nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Mạnh nhấn mạnh: Văn nghệ đòi cá tính, đòi sự phát triển ý thức cá nhân. Cái đẹp, cái thẩm mỹ đối lập với sự bằng phẳng, nhạt nhẽo, thiếu cá tính.... Nghệ thuật cần cá tính, cần cái tôi. Cũng trong hội thảo này, Lã Nguyên đưa ra nhận xét: Văn học trước 1975 là tiếng nói phát ngôn cho ý thức cộng đồng và những chuẩn mực quy phạm đã được thực hiện hóa trong ý thức cá nhân. Văn học sau 1975 lại là sự bùng nổ của ý thức cá nhân trước nhu cầu tự nhận thức, tự biểu hiện của dân tộc và thời đại. Tuy nhiên, để thay đổi một cách nghĩ, một cách làm mới không phải là không có những điều bất ổn. Không thiếu nhà văn hiểu sai lệch hoặc quá cực đoan về đổi mới, dẫn đến phủ định một cách triệt để các giá trị cũ.

Không khí đổi mới chung của đất nước, của văn học đã dội vào trong những sáng tác của văn học thiếu nhi. Đặc biệt trong những năm đầu, không khí đổi mới diễn ra thật hào hứng và biến đổi sôi nổi, phong phú nhất là ở khu

vực truyện. Truyện viết cho thiếu nhi được mở rộng ra nhiều hướng tiếp cận mới với đời sống trẻ em như *Tuổi thơ dữ dội* của Phùng Quán, *Bình minh đến sớm* của Hoàng Minh Tường, *Người đi vào hang sói* của Trần Thiên Hương

Thời kì mở cửa, giao lưu với nước ngoài cũng có ảnh hưởng tới sáng tác của văn học thiếu nhi. Các nhà văn của ta cập nhật rất nhanh kiểu sáng tác truyện nhiều tập như *Đô-rê-môn* của Fujiko F.Fujio. Sự cạnh tranh buộc các nhà văn của chúng ta phải cố gắng nhiều hơn. Tuy nhiên, các phương tiện thông tin đại chúng bùng nổ cũng dẫn đến nguy cơ văn hóa nghe – nhìn lấn át văn học. Tuy văn hóa nghe – nhìn đáp ứng nhu cầu thông tin, giải trí chớp nhoáng nhưng lại ít có khả năng giữ đọng sâu sắc như văn hóa đọc. Đường như nhu cầu, thói quen đọc sách của trẻ em đang bị mai một.

Đội ngũ sáng tác cho các em ngày càng đông đảo. Những tác giả cũ mặc dù tuổi cao nhưng vẫn cần mẫn, nhiệt tình viết cho các em. Ví dụ như Tô Hoài với bộ ba tác phẩm *Đảo hoang*, *Chuyện nổ thần*, *Nhà Chủ* khai thác lịch sử ở phương diện phong tục gắn với thiên nhiên, đất nước, con người Việt cổ. Phạm Hồ với những chuyện rừng đầy chất phiêu lưu mạo hiểm, những chuyện về tình người giữa con người với thiên nhiên và động vật đầy chất thơ và cảm động như *Con báo vàng*, *Người cứu hổ*....

Đặc biệt từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX, đội ngũ sáng tác cho các em được bổ sung thêm nhiều cây bút trẻ như Trần Thiên Hương, Nguyễn Nhật Ánh, Hà Lâm Kỳ..... tiếp nữa là những cây bút không chỉ trẻ người mà tuổi nghề cũng rất trẻ như Hoàng Dạ Thi, Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Châu Giang.... Lớp người viết trẻ này tuy chưa có sự từng trải và những tích lũy kinh nghiệm, nhưng bù lại, họ có những cái mới mẻ, hiện đại, có cái táo bạo, mạnh dạn trong sự tìm tòi. Chính họ đã đem đến cho truyện thiếu nhi những nét mới trẻ trung, tươi tắn.

Một lực lượng nữa cũng góp phần làm phong phú thêm đội ngũ sáng tác cho văn học thiếu nhi chính là các em. Sáng tác của các em thiên về thơ nhiều hơn truyện vì nếu thơ cần cảm xúc thì truyện cần nhất vốn sống và kinh nghiệm, trong khi các em lại chưa đủ sự từng trải để có thể khái quát hiện thực.

Bên cạnh việc kế thừa truyện thiếu nhi giai đoạn trước, truyện thiếu nhi giai đoạn này đã vượt lên, chiếm lĩnh hiện thực đời sống trẻ em, mở rộng phương tiện khai thác, khám phá đa dạng, đa chiều về trẻ em. Chịu ảnh hưởng của xã hội, văn học thiếu nhi không chỉ dừng lại ở việc miêu tả và ngợi ca một chiều những tấm gương chăm ngoan, siêng năng như trước. Nhận thức được sự thay đổi lớn đó, bằng tình cảm và trách nhiệm của người cầm bút với nền văn học thiếu nhi nước nhà, các nhà văn đã không ngừng tìm tòi, đổi mới để tiếp cận thiếu nhi từ nhiều góc độ khác nhau. Đề tài về thế giới có những cô cậu “nhất quỷ, nhì ma” vẫn tiếp tục được khai thác và đi sâu hơn. Đời sống học đường không chỉ được tái hiện ở những giờ lên lớp, giờ ra chơi, những trò nghịch ngợm, quậy phá, mối quan hệ giữa thầy cô và học sinh mà còn được khám phá ở góc độ tâm lý lứa tuổi với những rung động đầu đời, với những cảm xúc thầm kín, riêng tư của tuổi mới lớn. Tiêu biểu như một loạt sáng tác của Nguyễn Nhật Ánh, ngoài môi trường học đường với bạn bè, thầy cô, viết về thiếu nhi trong xã hội sau thời kì đổi mới, các tác giả còn đặt các em trong môi quan hệ đa chiều, đa diện. Những vấn đề nhạy cảm trong đời sống gia đình như mối quan hệ mẹ ghẻ con chồng, hiện tượng các gia đình tan vỡ, sự cố gắng để sống hòa thuận của các chị em trong gia đình, sự hiểu lầm anh em trong nhà, những đứa con nhà giàu bị bỏ rơi, bị thờ ơ, thiếu sự quan tâm, thiếu tình thương của cha mẹ.... (*Út Quyên và tôi, Em gái, Anh tôi, Người bạn lạ lòng...*).

Có thể nói, văn học thiếu nhi sau 1975 đã vượt lên, chiếm lĩnh hiện thực đời sống trẻ em, mở rộng phương tiện khai thác, khám phá đa dạng, đa

chiều và toàn diện về trẻ em, đặc biệt là trong đời sống tinh thần và thế giới nội tâm của trẻ thơ. Từ sự tiếp cận trẻ em một cách đa dạng, đa chiều, các nhà văn đã bộc lộ một cách nhìn mới về trẻ em. Không phải nhìn trẻ em trong một ý đồ áp đặt của người lớn mà xuất phát từ chính trẻ em để khám phá chiều sâu tâm hồn và tính cách của các em.

1.2. Trần Hoài Dương – nhà văn của thế giới trẻ thơ

1.2.1. Vài nét về Trần Hoài Dương

Kể từ cuốn sách đầu tiên *Em bé và bông hồng* do Nhà xuất bản Kim Đồng in năm 1963 cho đến phút cuối cùng của cuộc đời, nhà văn Trần Hoài Dương đã dành tất cả tâm huyết và tài năng của mình cống hiến cho Văn học thiếu nhi Việt Nam.

Ông tên thật là Trần Bắc Quý, sinh năm 1943 tại Hải Dương. Năm 1961, tốt nghiệp hạng ưu khóa I – trường Báo chí Trung ương, Trần Hoài Dương về làm biên tập viên tại Tạp chí Học tập (nay là Tạp chí Cộng sản). Lòng đam mê viết cho thiếu nhi đã thôi thúc ông xin đi thực tế tại trường trẻ em phạm pháp của Bộ giáo dục trong những năm 1969 – 1970. Năm 1971, Trần Hoài Dương về làm biên tập viên rồi phụ trách Ban Văn xuôi của báo Văn nghệ (Hội nhà văn Việt Nam). Những năm tháng này, ông vừa là cộng tác viên thân thiết của Nhà xuất bản Kim Đồng, cho ra đời liên tiếp những cuốn sách nhỏ cho thiếu nhi lại vừa là một biên tập viên tận tâm, giúp đỡ nhiều tác giả trẻ được xuất hiện trên báo Văn nghệ.

Năm 1982, Trần Hoài Dương có một bước thay đổi lớn, ông rời quê hương miền Bắc vào công tác tại Nhà xuất bản Măng Non (sau là nhà xuất bản Trẻ) ở Thành phố Hồ Chí Minh với công việc Trưởng ban Văn học, ông đã rất say sưa với hoài bão xây dựng phong trào văn học thiếu nhi ở phương Nam của Tổ quốc. Tới năm 1992, niềm đam mê sáng tác cho thiếu nhi đã khiến ông tạm biệt mọi công việc và chức vụ công tác để hoàn toàn là một nhà văn tự do. Suốt gần hai mươi năm cuối đời, nhà văn Trần Hoài Dương

sống bằng ngòi bút của mình, cho dù vì mưu sinh nhưng ông cũng chưa bao giờ rời văn học thiếu nhi, một con đường viết văn mà ông đã tự lựa chọn từ khi còn rất trẻ.

Rồi đến một ngày hè, nơi thành phố phương Nam, ngày 7 tháng 5 năm 2011, nhà văn Trần Hoài Dương đột ngột ra đi tại nhà riêng, để lại một khoảng trống vĩnh viễn cho Văn học thiếu nhi Việt Nam.

Trong buổi ra mắt cuốn sách *Trần Hoài Dương - Con người - Tác phẩm* được Nhà xuất bản Hội Nhà văn tổ chức ngày 16/3/2016. Đã có rất đông các nhà văn lão thành, bạn bè và người thân của nhà văn Trần Hoài Dương đến dự. Trong không khí trang trọng, đầy thương nhớ, các nhà văn đã lần lượt bày tỏ niềm trân quý và những kỷ niệm đối với một người văn mà cả cuộc đời, văn chương đều nhân ái và trong ngần.

Nhà văn Hoàng Quốc Hải nói: Tôi đã đọc hầu hết những gì bạn văn viết về Trần Hoài Dương. Có những nhà văn mà tác phẩm và con người khác nhau, nhưng Trần Hoài Dương khác. Ông sống thế nào, viết như thế. Ông đem cuộc đời vào tác phẩm. Nhân tính, thiên tính quyết định nhân cách của con người. Phải là người có bản lĩnh lắm mới giữ được con người trong sáng. Tôi tin ông là một người trời, và ông đã về trời

Nhà thơ Nguyễn Phan Hách sau khi chia sẻ những kỷ niệm sâu sắc với Trần Hoài Dương, ông kết luận: Trần Hoài Dương lúc nào cũng nghiêm túc và sang trọng.

Nhà văn Trần Huy Quang dành nhiều điều tâm sự về Trần Hoài Dương: Tính cách của ông ảnh hưởng đến tôi rất nhiều. Tôi nghĩ chúng ta đến đây để tôn sùng một vẻ đẹp của văn chương.

Nhà thơ Trần Quang Quý - Phó giám đốc Nxb Hội Nhà văn cũng chia sẻ: “*Có lẽ, văn hóa Kinh Bắc - Hà Nội - Sài Gòn đã tạo nên con người Trần Hoài Dương. Ông là một sự pha trộn những nền văn hóa lớn, tạo thành một tính cách Trần Hoài Dương lịch lãm và sang trọng.*”

Bạn bè, đồng nghiệp không chỉ nể Trần Hoài Dương ở nhân cách, mà với văn chương của ông, họ còn dành những lời trân quý nhất để nói về ông, như ông đã dành những trang văn trong ngần nhất dành cho văn học thiếu nhi nước nhà. Văn phong Trần Hoài Dương xót xa, thương yêu, ít dữ dội, nhưng cứ thấm thía, nhẹ nhõm và mang một nỗi buồn rất lạ lùng.

Nhà văn Tô Hoài, năm 1998 đã viết thư cho Trần Hoài Dương: *“Không hiểu sao, đọc truyện chọn lọc của Trần Hoài Dương, tôi cứ hình dung một thoáng tháng giêng, tháng hai đơn sơ như thế. Không biết tôi đang là trẻ thơ, tôi không nhớ tôi là một ông lão, tôi không biết tuổi đương đọc những sáng tác không có tuổi. Mỗi sáng tác hay thường khiến cho người đọc đánh mất tuổi như vậy...Chỉ cảm được cây bút và tâm hồn người đã viết ra thành chữ, từng chữ đem lại cho tôi cảm giác yêu đời, nhớ đến hạt sương tàu lá cải và biết quý những con vật, những đồ vật quanh mình. Tôi nhận ra đây là những khơi gợi vun đắp nên tấm lòng nhân hậu, tin yêu”*[55,tr.17,18]. (Được biết, nhà văn Tô Hoài không chỉ là nhà văn lớn được Trần Hoài Dương vô cùng ngưỡng mộ, mà còn là nhà văn đầu tiên nhận bản thảo và có những nhận xét chính xác về nhà văn tên tuổi tương lai, Trần Hoài Dương đã viết trong *Miền xanh thắm*: *“Văn anh sẵn sàng một không khí trong sáng lắm...”*

Nhà văn Lê Phương Liên, Ban Văn học Thiếu nhi, Hội Nhà văn Việt Nam là một trong số ít nhà văn Việt Nam hiện nay còn chuyên tâm với văn học thiếu nhi đã nói: *“Tất cả những sáng tác của Trần Hoài Dương đều hướng tới lối cảm thụ thẩm mỹ với vẻ đẹp trinh nguyên của tâm hồn trẻ thơ, sự kỳ diệu trong cách nhìn thế giới vừa thật vừa ảo, những rung cảm tinh tế trong từng cử chỉ, lời nói, ánh mắt nhìn hoa, nhìn lá...”*. [55,tr.213]

Nói về Trần Hoài Dương, nhà văn Lê Phương Liên cũng rất xúc động chia sẻ: Khi ông mất, chúng ta không chỉ mất một người bạn, mà văn học thiếu nhi nước ta còn mất đi một khoảng lớn. Chúng tôi vẫn tiếp tục lý tưởng

thăm mĩ mà ông để lại, viết cho thiếu nhi để tạo ra một thế giới kỳ diệu như ông đã làm...

Cũng trong buổi giới thiệu cuốn sách *Trần Hoài Dương - Con người - Tác phẩm*, có lẽ mọi người sẽ khó quên hình ảnh ông Trần Đồng Minh, người bạn thân thiết của nhà văn Trần Hoài Dương, tóc bạc phơ, khắc khổ. Ông Minh đang điều trị ung thư ở bệnh viện, nhưng nhất định đến buổi giới thiệu cuốn sách của người bạn mà ông yêu quý, với những sẻ chia vô cùng xúc động: Tôi thấy Trần Hoài Dương như một Jean Valjean, nghèo mà hay bố thí, thậm chí bố thí quên mình. Ông yêu quý cây cỏ, động vật, nhưng trên hết, ông yêu con người. Ông sẵn sàng chia sẻ vật chất cho những người cùng khổ, bị xã hội lãng quên, mặc dù đã có lúc ông phải bán máu để sống.

Nhà văn Đỗ Chu cũng có những tâm sự những câu chuyện về Trần Hoài Dương, nhà văn của tuổi thơ còn dư vọng: Chúng ta yêu mến một nhân cách, quý trọng một tài năng. Nhưng hơn cả là chúng ta yêu một người trung thực và dũng cảm. Một người đã trốn cuộc đời nhiều phức tạp để đến với tuổi thơ trong sáng, tuyệt vời và nhân hậu.

Cả cuộc đời sáng tác, Trần Hoài Dương đã để lại hơn hai mươi tập sách. Có thể kể đến một số tác phẩm tiêu biểu như: *Em bé và bông hồng* (tập truyện ngắn, Nxb Kim Đồng, 1963), *Đến những nơi xa* (Tập truyện ngắn, Nxb Kim Đồng, 1968), *Cây lá đỏ* (tập truyện ngắn, Nxb Kim Đồng, 1971), *Cuộc phiêu lưu của những con chữ* (truyện đồng thoại, Nxb Kim Đồng, 1975), *Cô bé mảnh khảnh* (tập truyện ngắn chọn lọc, Nxb Kim Đồng, 1996), *Trần Hoài Dương – truyện chọn lọc* (Nxb Văn học, 1998), *Huyền thoại về một loài chim cánh cụt* (truyện, Nxb Kim Đồng, 2012).....

Trong số các tác phẩm của Trần Hoài Dương có cuốn sách mà ông vô cùng trân trọng, thiên truyện dài, song được coi là cuốn hồi ký *Miền xanh thắm* đã được Hội Nhà văn Việt Nam trao giải B (không có giải A) năm 2001.

Ngoài ra, Trần Hoài Dương còn biên soạn nhiều tập sách cho thiếu nhi như: *Bốn mùa* (tuyển thơ – văn, bốn tập liên hoàn, Nxb Trẻ, 2003), *Những truyện ngắn hay Việt Nam viết cho thiếu nhi*, *Những truyện ngắn hay thế giới viết cho thiếu nhi* (Nxb Trẻ).

Như vậy, bằng chính tuổi thơ, tính cách, trải nghiệm nghề nghiệp và tâm huyết của một nhà văn chân chính và tâm nguyện suốt đời viết cho thiếu nhi, Trần Hoài Dương xứng đáng là một trong những tên tuổi để lại dấu ấn in đậm trong lòng độc giả văn học thiếu nhi đương đại.

1.2.2. Quan điểm sáng tác cho thiếu nhi của Trần Hoài Dương

Năm 1992, khi xin ra khỏi biên chế, làm một nhà văn tự do, trở thành một trong số những nhà văn hiếm hoi của Việt Nam đã dành cả đời và tâm huyết cho mảng văn học thiếu nhi, Trần Hoài Dương từng tâm sự: *“Tôi gắng chắt lọc từ cuộc sống ngồn ngàng, bề bộn những gì tinh túy nhất, trong ngần nhất để viết cho các em. Tôi đến với văn học thiếu nhi như đến với một thứ đạo. Viết là để đem lại lòng yêu thương và vẻ đẹp tuyệt vời của văn chương cho trẻ nhỏ. Tôi cũng hi vọng những trang viết của tôi dành cho tất cả những ai muốn tìm lại tuổi thơ đã mất của mình, những ai muốn có những giây phút sống bình yên trong thế giới trắng trong của cái Đẹp và cái Thiện”*[55,tr.9]. Giữa thời buổi các nhà văn chuyên viết về thiếu nhi ít đi, văn hóa đọc đang được báo động trước nguy cơ lấn át của các phương tiện nghe nhìn hiện đại thì những suy nghĩ của Trần Hoài Dương thật đáng trân trọng.

Và như vậy, trước khi cầm bút sáng tác, Trần Hoài Dương đã có một nền tảng lý luận, một thái độ sống trách nhiệm. Ông thuộc số ít những nhà văn Việt Nam mà cả cuộc đời đã dành hết những trang viết tâm huyết của mình cho thiếu nhi. Và Trần Hoài Dương đã để lại những dấu ấn rất riêng. Ông nhiều lần được nhận giải thưởng văn học dành cho thiếu nhi của Hội nhà văn Việt Nam.

Trần Hoài Dương viết nhiều về thiên nhiên, về các em nhỏ với văn phong trong sáng cùng cảm xúc chân thực, tự nhiên. Ông cứ viết và viết

“chùng nào các em không còn thích đọc truyện Trần Hoài Dương nữa mới thôi”. Có lẽ chính vì điều này mà nhiều nhà văn và bạn đọc đánh giá cao Trần Hoài Dương qua những giá trị tư tưởng trong các tác phẩm của ông: *“Đối với nhà văn Trần Hoài Dương, văn học thiếu nhi như một lẽ sống của đời người, một ánh sáng trong ngần và thuần khiết hướng ngòi bút của mình vươn tới một cái đẹp lý tưởng.... Tất cả các sáng tác của Trần Hoài Dương đều hướng tới lối cảm thụ thẩm mỹ với vẻ đẹp trinh nguyên của tâm hồn trẻ thơ, sự kì diệu trong cách nhìn nhận thế giới vừa thật vừa ảo, những rung cảm tinh tế trong từng cử chỉ, lời nói, ánh mắt nhìn hoa, nhìn lá”* [55,tr.10]. *“Phần đặc sắc nhất để làm nên một Trần Hoài Dương độc đáo ấy là các truyện ngắn dành cho lứa tuổi học trò. Với các truyện ngắn này có thể khẳng định mỗi mẫu chuyện là những áng thơ – văn xuôi từ hình thức, nhịp điệu, lời văn đến mạch cảm xúc bên trong của tác phẩm* [55,tr.10].

Nhận xét về Trần Hoài Dương, nhà văn Đỗ Chu viết: *“Hay một cách yên ả, không ồn ào, đẹp một cách mong manh dung dị như cây cỏ lan kia đang lặng lẽ tỏa hương nơi u cốc....phải có một đời cầm bút với tinh thần trách nhiệm cao trước người đọc, đầu tiên là với các bạn đọc nhỏ tuổi. Anh đã nói được với họ nhiều lắm, đã nói được những điều có ý nghĩa rất chính yếu, rất căn bản, đó là việc ngày ngày chăm chỉ nuôi dưỡng lòng trung hậu, lòng nhân ái. Để đánh mất lòng nhân hậu thì con người đáng ghê sợ lắm....”*[55,tr.10].

Nhà văn Trần Nhật Tuấn cũng cho rằng: *“Lặng lẽ bao năm tháng, Trần Hoài Dương đã làm giàu và làm sang cho văn học thiếu nhi qua nhiều tác phẩm nổi tiếng như: Cỏ hoang, Miền xanh thắm, Nàng công chúa biển.... với thông điệp: “Để chiến thắng cái ác không nhất thiết phải dùng sức mạnh của gươm đao, bạo lực. Có khi chính sự dịu dàng, thanh khiết của cái đẹp, cái Chân – Thiện – Mỹ cũng là một sức mạnh to lớn cảm hóa, cải tạo, biến đổi cái ác trở lại con đường hoàn lương”* [55,tr.11].

Có thể suy nghĩ và hành xử của Trần Hoài Dương có phần phức tạp, ẩn giấu. Tuy nhiên, trên trang viết, cảm thức và cái nhìn đời sống của ông lại thiên về duy mỹ. Ông viết về cái đẹp, nhưng lại dành cho bạn đọc nhỏ tuổi, cho nên cái đẹp ấy được tác giả mặc định là cái đẹp non tơ, trong trẻo. Và hướng đến cái đẹp non tơ, trong trẻo là cảm hứng sáng tạo của Trần Hoài Dương.

Những truyện ngắn, mẫu chuyện của Trần Hoài Dương thấm đượm chất trữ tình và giàu chất thơ, đậm yếu tố lãng mạn và tinh thần nhân đạo. Không quan tâm nhiều đến những cảnh ồn ào, sôi động, ly kỳ, gây cười vốn dễ lôi cuốn trẻ nhỏ, nhà văn tập trung khai thác nội tâm, quan hệ tình cảm và miêu tả thiên nhiên. Nhiều truyện của ông giống như những bài thơ văn xuôi. Ngay cả những truyện tưởng như không gọi cho bạn đọc liên tưởng ngay đến bài thơ thì chất thơ cũng ẩn hiện đây đó trên những trang câu văn, đoạn văn. Nhiều truyện không có chuyện mà đọc, thấy vẫn là truyện, chứ không phải là tản văn. Những truyện kiểu này thường gây được thiện cảm đối với hầu hết các em gái tuổi thiếu niên, lứa tuổi bắt đầu có nội tâm, có chuyển biến rõ rệt về cảm nghĩ và có cả những dao động phần nào ở giai đoạn đầu hình thành nhân cách người nữ.

1.2.3. Vấn đề tiếp nhận truyện viết cho thiếu nhi của Trần Hoài Dương

Các tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi đều hướng về phía đối tượng tiếp nhận là thiếu nhi. Vì vậy nó cần thiết phải phù hợp với tâm lý lứa tuổi và trình độ nhận thức, trình độ thẩm mỹ của thiếu nhi. Nó có thể giúp thiếu nhi giải trí, nhưng nhưng mục đích trên hết là giúp bạn đọc nhỏ tuổi có thêm một vài bài học đáng giá nào đó về đời sống, về luân lý,... Hay nói cách khác nó phải mang chức năng của một công cụ giáo dục: Giáo dục bạn đọc nhỏ tuổi trở thành những “con người tốt”.

Về phía đối tượng tiếp nhận (thiếu nhi), Trần Hoài Dương đã đặc biệt chú ý đến chất lượng tác phẩm để các bạn nhỏ được đọc những tác phẩm văn học thực sự có giá trị, chứ không chỉ đơn thuần là đọc tác phẩm phù

hợp với lứa tuổi của mình. Bởi vậy các tác phẩm của ông được đông đảo bạn đọc nhỏ tuổi đón nhận với lòng say mê và yêu thích thực thụ. Ngôn từ trong sáng, dung dị, nội dung đơn giản, gần gũi và phù hợp với tâm lý của đối tượng tiếp nhận đã giúp ông chinh phục được không ít các độc giả nhí. Hơn thế nữa, rất nhiều các bậc phụ huynh (người lớn) cũng yêu thích các trang văn nhẹ nhàng của nhà văn Trần Hoài Dương. Vì vậy, đây có thể coi là một thành công của ông khi đã xác định đúng đối tượng và tâm lý của người tiếp nhận.

Trên thực tế, khi nhiều năm rồi dư luận không ngớt lên tiếng than phiền về chất lượng của “Văn học cho thiếu nhi” ở Việt Nam, rằng nó đa phần là những tác phẩm thiếu sức hấp dẫn, nhạt phèo chất tưởng tượng, đã vậy lại thường lên giọng dạy dỗ trẻ em theo một cách đầy tinh thần áp đặt, khô khan, giáo điều. Và họ chỉ ra nguyên nhân chủ yếu là: Người ta mãi “săn đón” thiếu nhi, người ta tự tin rằng đã là độc giả thiếu nhi thì ắt sẽ cần cái A thích cái B, và người ta nhào vào “phục vụ” thiếu nhi bằng thứ ý chí luận người lớn đầy quyết liệt ấy. Kết quả chỉ là sự ra đời của một kiểu sản phẩm văn học mà chẳng ai đủ can đảm bảo rằng hay, trẻ em thì lại càng không. Nhưng Trần Hoài Dương đã có cái nhìn sâu sắc hơn, ông luôn hướng về thiếu nhi, lấy thiếu nhi làm đối tượng của sự phản ánh văn học, mỗi tác phẩm của ông dựng lên một thế giới sinh động, mang đến cho người đọc - người đọc nói chung - một trải nghiệm nghệ thuật và những hình dung đặc thù về nội dung. Hoặc có những tác phẩm của ông cho người đọc cùng nhân vật thiếu nhi dần bước vào những cuộc phiêu lưu kỳ thú hoặc tái hiện những cảnh đời trẻ thơ đa dạng trong những bối cảnh xã hội khác nhau, trộn lẫn sự khắc nghiệt của thực tế với sự bay bổng của ước mơ, làm bật lên những phẩm chất tốt đẹp của con người trên nền màu xám xịt của nỗi tuyệt vọng (*Cuộc phiêu lưu của những con chữ, Miền xanh thẳm, Con đường nhỏ...*).

Thuộc vào thế hệ các nhà văn sinh ra và lớn lên trong chiến tranh và trưởng thành sau năm 1975, Trần Hoài Dương sớm tìm cho mình một lối đi riêng. Ông đến với văn học thiếu nhi một cách tự nhiên và coi văn học thiếu nhi như một lẽ sống của đời người, một ánh sáng trong ngần và thuần khiết để hướng ngòi bút của mình vươn tới một cái đẹp lí tưởng. Để rồi trải qua bao thăng trầm, ông vẫn giữ nguyên vẹn cái đẹp trong trẻo trong những trang văn từ trang đầu cho đến trang cuối cùng.

Có thể nói rằng, Trần Hoài Dương đã viết văn bằng chữ “tâm” của ông, hơn thế nữa, ông đã sống với thế giới nghệ thuật ngôn từ của riêng ông như sống trong một ngôi nhà tâm linh. Ông cũng nhiều lần tâm sự rằng ông say mê, yêu quý và tôn thờ H.C.Andersen (nhà văn Đan Mạch) như một vị thánh. Tất cả các sáng tác của Trần Hoài Dương đều hướng đến lối cảm thụ thẩm mỹ với vẻ đẹp trinh nguyên của tâm hồn trẻ thơ, sự kì diệu trong cách nhìn thế giới vừa thật vừa ảo, những rung cảm tinh tế trong từng cử chỉ, lời nói, ánh mắt nhìn hoa, nhìn lá.....

Bằng cuộc đời hoạt động nghệ thuật nghiêm túc, đầy tâm huyết, Trần Hoài Dương cũng đã nhận được một số giải thưởng cao quý: Giải thưởng Hội nhà văn và Ủy ban Thiếu niên, Nhi đồng Trung Ương, năm 1978 cho tác phẩm *Cuộc phiêu lưu của những con chữ*; Giải nhất kịch bản phim cho thiếu nhi tại Liên hoan phim Việt Nam lần thứ 6 năm 1983 cho tác phẩm *Bé Rom*; Giải A tác phẩm *Tuổi xanh*, năm 1993 và giải nhì cuộc thi truyện ngắn viết cho thiếu nhi của Hội nhà văn Việt Nam và Ủy ban bảo vệ bà mẹ và trẻ em, năm 1994 cho tác phẩm *Một thoáng heo may phương Nam*; Giải B (không có giải A) cuộc vận động sáng tác kịch bản múa rối do đoàn nghệ thuật múa rối Tp. Hồ Chí Minh tổ chức, năm 2000; Giải B cuộc vận động sáng tác truyện và tranh cho thiếu nhi của Nhà xuất bản Kim Đồng, năm 1999 – 2000; Giải B (không có giải A) của Hội nhà văn Việt Nam năm 2001 cho truyện dài *Miền xanh thắm*.

Phải chăng Trần Hoài Dương được đông đảo bạn đọc, cả trẻ em và người lớn đón nhận và yêu mến không chỉ bởi những trang văn dung dị, gần gũi mà còn bởi lòng yêu mến trẻ nhỏ xuất phát từ chính trái tim của ông. Ngoài ra, các trang văn của Trần Hoài Dương không chỉ được giới phê bình, nghiên cứu đón nhận, mà quan trọng hơn, Trần Hoài Dương được chính các bạn đọc nhỏ tuổi coi mình là nhà văn của thế giới tuổi thơ.

Tiểu kết chương 1:

Văn học thiếu nhi đã có lịch sử phát triển khá dài với nhiều quan niệm khác nhau. Cũng có nhiều tác giả đến với văn học thiếu nhi, đến với thế giới trẻ thơ với những khám phá, phát hiện, cảm nhận riêng. Tuy nhiên, Trần Hoài Dương có một quan niệm khá riêng, độc đáo. Ông quan niệm đến với văn học thiếu nhi như đến với một thứ Đạo. Và Hoài Dương đã chắt lọc những gì tinh túy, trong ngần nhất từ cuộc sống còn nhiều bộn bề, ngang trái để dành cho thiếu nhi. Có lẽ chính vì thế mà Hoài Dương được mọi người – đặc biệt là trẻ thơ luôn nhớ tới.

Chương 2: THẾ GIỚI NHÂN VẬT TRẺ THƠ TRONG SÁNG TÁC VĂN XUÔI CỦA TRẦN HOÀI DƯƠNG NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN NỘI DUNG

2.1. Thế giới nhân vật trẻ thơ trong mối quan hệ với hoàn cảnh sống

2.1.1. Cuộc sống lam lũ nhưng ấm áp tình người

Có thể nói Trần Hoài Dương có một quan niệm sáng tác văn chương – nhất là văn học thiếu nhi rất độc đáo, đầy tính nhân văn cao cả: *“Tôi đến với văn học thiếu nhi như đến với một thứ Đạo. Viết là để vươn tới những gì cao đẹp nhất. Viết là để tự hoàn thiện dần con người mình. Viết là để đem lại lòng yêu thương và vẻ đẹp tuyệt vời của văn chương cho trẻ nhỏ”*. Với Hoài Dương, văn học thiếu nhi như một thứ Đạo và ông đến với nó như một tín đồ trung thành. Chính vì thế mà cả cuộc đời của mình, ông đã dành trọn tâm huyết và tài năng cho nó – văn học thiếu nhi. Ông đến với một đối tượng đặc biệt – thiếu nhi – thế giới trong ngần, trong trẻo, đầy mơ mộng nhưng cũng rất hồn nhiên, vô tư, trong sáng. Vốn là người thuần phác, ngay thẳng, hiền và nhiều khi rụt rè, e ngại trước những chấn động, ồn ã, lại cực đoan, quyết liệt trước những thói xấu xa đê hèn nên khi đến với văn học thiếu nhi, Hoài Dương mong muốn chắt lọc từ cuộc sống ngổn ngang bề bộn những gì tinh túy nhất, trong ngần nhất để viết cho các em. Đến với văn học thiếu nhi Hoài Dương cũng mong muốn đây là cơ hội để tự hoàn thiện bản thân và đem lòng yêu thương cho trẻ nhỏ.

Để thể hiện được quan niệm sâu sắc đó, rất nhiều tác phẩm của Trần Hoài Dương được xây dựng trên bối cảnh là cuộc sống lam lũ, còn nhiều khó khăn vất vả. Nhưng vượt lên trên tất cả người đọc sẽ thấy và cảm nhận được một điều cao cả, thiêng liêng – tình yêu thương. Ở đâu đó trong cuộc sống còn nhiều bộn bề, đầy rẫy những ngang trái, trong những lam lũ đời thường là tình yêu thương giữa con người với con người. Và đặc biệt, tình yêu thương đó thể hiện rõ ràng, trong sáng, hồn nhiên trong tâm hồn của trẻ nhỏ.

Trong tác phẩm *Kẹo cứng kẹo mềm*, một câu chuyện thật giản dị nhưng rất ám áp xoay quanh chiếc kẹo bột – thức quà quen thuộc và yêu thích của trẻ thơ thời kháng chiến:

“Chú Khang đi bộ đội ở xa lắm. Đã gần hai năm nay chú chưa về thăm nhà. Tuy thế, mọi người vẫn được tin của chú luôn, vì tháng nào chú cũng gửi thư về. Hễ khi nào trò chuyện với người quen là y như rằng bà lại nhắc tới chú Khang. Bà bảo chú là một người con rất hiếu thảo. Trong một lần nhờ người bạn mang thư về cho bà, chú Khang có gửi biếu bà một gói kẹo bột vì ngày xưa bà rất thích ăn kẹo đó. Nhưng chú Khang lại không để ý là bây giờ bà đã già, không thể ăn kẹo bột cứng được, cho nên trong lúc mọi người nhai kẹo côm côp đều nghĩ đến chú Khang ở xa và thấy rất thương bà thì bé Nga chợt nói với mẹ:

- Mẹ ơi, thế mẹ có thích kẹo bột cứng này không hở mẹ?

- Có, con hỏi làm gì?

- Thế mẹ có thích kẹo sữa mềm nữa không hở mẹ?

- Có. Kẹo mềm mẹ cũng thích.

- Nhưng mẹ thích kẹo mềm hơn, mẹ nhé!

- Sao con lại muốn mẹ thích kẹo mềm?

- Để ... để ... sau này con lớn lên giống chú Khang, con sẽ mua kẹo mềm gửi về cho mẹ, mẹ ạ. Gửi kẹo bột cứng mẹ lại không ăn được, giống như bà ấy!

Rồi Nga quay sang bà:

- Cả bà nữa, bà nhé! Bà cũng thích ăn kẹo mềm đi bà ạ. Cháu sẽ gửi về biếu bà những chiếc kẹo thật mềm!” [25, tr.10].

Câu chuyện thật đơn giản, chỉ là chiếc kẹo bột – thức quà yêu thích của trẻ nhỏ. Nhưng ở đó lại chứa chan tình người. Bé Nga tuy còn nhỏ tuổi nhưng cũng đã thể hiện tình yêu thương của mình dành cho bà, cho mẹ. Và tình yêu đó đã được bé thể hiện không chỉ bằng lời nói mà còn bằng hành động cụ thể.

Em đã hình dung ra một ngày nào đó mẹ sẽ già như bà để rồi không ăn được kẹo cứng nên em muốn mẹ thích ăn kẹo mềm từ bây giờ. Để khi nào em lớn, có dịp đi đâu xa nhà, em cũng sẽ gửi kẹo về biếu mẹ và bà. Thật ấm áp.

Đến với *Bà cháu*, chúng ta lại được cảm nhận tình cảm gia đình thiêng liêng qua câu chuyện thật cảm động của ba bà cháu “*rau cháo nuôi nhau*”:

“Ngày xưa ngày xưa, ở một làng kia có hai em bé, một trai một gái. Bố mẹ mất sớm, hai em về sống với bà ngoại. Bà đã già lắm và cũng nghèo lắm. Ba bà cháu rau cháo nuôi nhau, đời sống rất đổi chật vật nhưng được cái lúc nào cũng hòa thuận vui vẻ.

Một hôm, có bà tiên đi ngang qua. Thấy tình cảnh ba bà cháu, mũi lòng, liền để lại một trái đào và dặn: “Khi nào bà đến cõi, mất đi, hai cháu mang hạt trồng trên mộ thì lập tức sẽ được giàu có sung sướng.

Đời sống cực nhọc quá, cuối cùng rau cháo cũng không đủ ăn. Bà ngoại thương cháu, nhịn ăn liền mấy ngày để cái chết mau đến, hi vọng lời bà tiên sẽ thành sự thật, cháu mình sớm được hưởng hạnh phúc.

Quả nhiên, mộ bà vừa đắp xong, hạt đào vừa trồng xuống, phút chốc đã hiển hiện điều lạ lùng. Hạt đào nảy mầm, lớn nhanh vùn vụt, rào rào nảy lá, đơm hoa, kết quả. Trùm quanh mộ bà là một cây đào lực lưỡng, chi chít trái vàng trái bạc. Hai anh em hớn hờ chạy quanh gốc đào, cúi nhặt mỗi tay cũng không lượm hết của cái quý giá. Nối nhớ bà khuây khỏa dần. Hai anh em trở nên rất giàu có, giàu hơn cả mọi ông hoàng bà chúa trên khắp thế gian.” [25, tr.19].

Chỉ vì mong hai cháu có cuộc sống hạnh phúc mà người bà chấp nhận đánh đổi cuộc đời mình. Và sự đánh đổi của người bà đã được đền bù xứng đáng. Cuối cùng thì hai người cháu cũng được sống trong hạnh phúc, sung sướng. Giờ đây, hai cháu của bà không còn phải lo cảnh chạy ăn từng bữa, không còn phải ăn rau ăn cháo. Chúng đã được sống trong sung sướng, giàu sang, được bao bọc bởi cung điện cao vời vợi với đủ kẻ hầu người hạ, bù đắp

lại những tháng ngày cơ cực, tủi nhục. Cuộc sống giàu sang phú quý giúp hai cháu dần nguôi ngoai nỗi nhớ bà. Và liệu hai cháu sẽ quên luôn người bà – người đã tần tảo cả đời, thậm chí hi sinh luôn cả mạng sống cho cháu? Cũng có thể lắm chứ, vì cuộc sống giàu sang dễ làm lòng người thay đổi. Nhưng đó là trong cuộc sống còn ngổn ngang, bẽ bộn, nhiều ngang trái. Còn ở đây, nơi thế giới trong ngần của trẻ thơ, nơi tâm hồn ngây thơ của các em chưa một lần vấp đục thì nói đến điều này e là hơi sớm.

Và rồi giây phút sung sướng hạnh phúc bỗng bật qua nhanh, sống giữa cung điện nguy nga, bao vây xung quanh bởi vàng bạc châu báu nhưng hai người cháu bỗng cảm thấy trống trải lạnh lẽo vì tất cả không bù lại được tình thương đầm ấm của người bà. *“Hai anh em nhìn đâu cũng thấy vàng thấy bạc mà không một mảy may bóng dáng thân thuộc của bà ngoại. Nỗi nhớ thương bà còn cào gan ruột làm hai anh em ăn ngủ không yên, về mặt lúc nào cũng rầu rĩ, héo hắt. Làm sao có thể sung sướng được nếu sống thiếu bà?”* [25,tr.20].

Bà tiên lại xuất hiện mang đến cho hai anh em lựa chọn: Nếu bà ngoại sống lại thì ba bà cháu sẽ lại cực khổ như xưa, liệu có chịu được không? Hai anh em không chần chừ cùng nói như reo rằng chúng chịu được, rằng khổ sở đến đâu chúng cũng chịu được, miễn là bà chúng sống lại! Trước sự dứt khoát và mong ước mãnh liệt của hai người cháu: *“bà tiên phát chiếc quạt lông màu nhiệm, phút chốc tất cả lâu đài thành quách, cây đào với những trái vàng trái bạc đều biến thành một đám mây hồng lơ lửng trôi về phía cuối trời. Bà ngoại lại hiện ra móm mém cười, hiền hậu dang tay ôm hai cháu. Cậu bé, cô bé sà vào lòng bà ngoại, khóc thổn thức. Sẽ chẳng bao giờ họ xa nhau nữa. Ba bà cháu lại tần tảo rau cháo nuôi nhau, thật vất vả nhưng lúc nào cũng tràn đầy tình thương mến”* [25,tr.21].

Một câu chuyện như cổ tích giữa đời thường về tình cảm bà cháu. Sau tất cả, cái còn lại là tình yêu thương. Tình cảm giữa bà cháu thật sâu sắc, ấm

áp. Bà vì cháu, vì hạnh phúc và tương lai của các cháu mà bà chấp nhận đánh đổi cả mạng sống của mình. Những người cháu rất yêu thương bà. Khi bà ra đi, hai cháu đã buồn đau, thương tiếc. Nhưng nỗi thương bà nhanh chóng tạm thời vơi đi khi hai cháu được sống sung sướng, hạnh phúc trong giàu sang phú quý. Những tưởng câu chuyện có thể kết thúc có hậu theo đúng mô típ của chuyện cổ tích xưa. Hai cháu cứ thế bằng lòng với cuộc sống hiện tại, tận hưởng những hạnh phúc mà nhờ hi sinh của người bà mới có được. Nhưng Trần Hoài Dương làm chúng ta bất ngờ khi ông đã đưa câu chuyện theo một diễn biến mới. Hai người cháu sống trong cảnh giàu sang, phú quý không lâu thì cảm thấy trống vắng, lạnh lẽo trong chính lâu đài nguy nga, lộng lẫy của mình. Và nhà văn cũng đã miêu tả rất chính xác tâm lí của trẻ thơ – thích ngay đó nhưng cũng chán ngay đó. Khi còn nghèo khó thì mong ước của hai đứa trẻ là được ăn ngon mặc đẹp, không phải sống trong cảnh chạy ăn từng bữa. Nhưng khi được đáp ứng, đạt được mong ước thì trẻ con lại nhanh chóng chán.

Và lúc này, hai đứa trẻ mới thấy thiếu vắng hình bóng của người bà và cần tình yêu thương của người bà hơn bất cứ thứ gì trên đời. Và hai em bé quyết định từ bỏ tất cả cuộc sống đầy đủ vật chất hiện tại để được trở về bên bà, được sà vào vòng tay ấm áp của bà, được bà yêu thương như ngày nào.

Nếu như ở *Kẹo cứng kẹo mềm, Bà cháu*, chúng ta cảm nhận được tình cảm gia đình thật ấm áp. Đó là tình cảm của cha mẹ, ông bà dành cho con cháu và cũng là tình cảm ngây thơ, trong sáng của người cháu dành cho ông bà cha mẹ. Đến với *Miền xanh thắm* – tác phẩm làm nên tên tuổi của Trần Hoài Dương – chúng ta lại cảm nhận được rất nhiều tình yêu thương. Không chỉ còn đơn thuần là tình cảm gia đình, mà ở đây còn có tình cảm anh em, bạn bè, tình người giữa những con người tưởng chừng xa lạ.

Miền xanh thắm là cuốn hồi kí của tác giả ghi lại những ngày tháng phải sơ tán xa gia đình xa Hà Nội lên Bắc Giang trọ học. Trong những ngày

tháng đầu khi miền Bắc được giải phóng, kinh tế còn khó khăn. Miền Bắc vừa trải qua những năm tháng chiến tranh ác liệt, vừa lo ổn định xây dựng nền kinh tế, vừa tiếp tục sản xuất – trở thành hậu phương vững chắc cho tiền tuyến miền Nam. Cũng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên gia đình phải gửi Thiện lên Bắc Giang trọ học trong chính ngôi trường mà trước đây anh chị của em đã từng học (chị Trọng, chị Ngà và anh Hiệu). Tuy còn nhỏ tuổi (Thiện mới học lớp 5 – mười ba tuổi), nhưng may mắn cho Thiện là được đến học tại ngôi trường mà trước đây hai người chị của em đã học. Mà hai chị của em lại học rất giỏi, được thầy cô yêu quý. Nên khi em đến trường đã nhận được sự giúp đỡ của thầy cô, và đặc biệt, Thiện được sống trong một nhà trọ với những người bạn học tuy nghèo nhưng đầy ắp tình yêu thương.

Mồ côi mẹ từ nhỏ, từ khi mới bảy tuổi Thiện đã phải sống xa gia đình ở nhiều nơi, nay với ông bà, mai với chú thím.... Việc đi xa không còn làm Thiện bối rối, bỡ ngỡ, lo lắng. Tuy nhiên, lần xa nhà này có chút khác. Thiện đến với môi trường hoàn toàn xa lạ. Ngôi trường Thiện được gửi đến học là một ngôi trường sơ tán ở Bắc Giang – trường Ngô Sĩ Liên, vốn là trường mà các anh chị Thiện đã từng học từ ngày còn kháng chiến. Chính vì vậy mà Thiện có chút ngần ngại, thoáng lo sợ “*Sắp tới đây, tôi sẽ gặp gỡ những ai? Những ngày tới tôi sẽ sống như thế nào?*”[24,tr10].

Hoàn toàn trái ngược với những lo sợ của Thiện, ngay từ những giây phút đầu tiên, em đã được mọi người đón nhận trong vòng tay yêu thương. Trước hết là các thầy cô giáo của nhà trường khi biết rõ hoàn cảnh gia đình Thiện, đã từng rất yêu quý các anh chị của em nên khi chị cả của em xin cho em vào học, các thầy cô giáo vui vẻ nhận lời ngay.

Người thầy đầu tiên đón nhận và giúp đỡ em là Thầy Tín. Thầy vốn là bộ đội, sau khi giải ngũ, thầy về làm giáo viên dạy môn chính trị và giáo dục công dân ở trường. Thầy đặc biệt thân thiết với các anh chị của Thiện – vốn là những học trò xuất sắc của thầy. Nhân có việc về Hà Nội lo công chuyện của

nhà trường, thầy ghé thăm gia đình Thiện, tiện thể đón em cùng đi học luôn. Khi lên đến trường, thầy Tín đã rất chu đáo, tận tình lo cho Thiện chỗ ăn ngủ để yên tâm học tập. Thầy nói *“sẽ gửi tôi vào sống cùng một nhóm mấy anh em học sinh nghèo, có những hoàn cảnh khó khăn đặc biệt nên rất yêu thương gắn bó với nhau. Trong số đó có mấy anh biết anh chị tôi nên tôi càng yên tâm hơn”* [24, tr.9].

Và trong suốt những tháng ngày Thiện học tại ngôi trường mới, em đã nhận được sự quan tâm, yêu thương không chỉ của thầy Tín mà còn của tất cả các thầy cô trong nhà trường. Vì cuộc sống gia đình khó khăn nên phần lớn học sinh trong trường phải tìm việc làm thêm, vừa làm vừa học. Thiện cũng không phải là trường hợp ngoại lệ. Gia đình đông con, mẹ Thiện mất sớm. Bố Thiện đi bước nữa. gánh nặng kinh tế ngày càng nặng hơn khi Di Thiện sinh thêm em bé. Tuy còn nhỏ nhưng Thiện đã biết nghĩ và lo cho gia đình. Em tự ý thức rằng sẽ cố gắng vừa học vừa tìm việc làm thêm để có thể tự lo được tiền ăn tiền học cho bản thân, không phải xin gia đình.

Cùng các anh em trong phòng trọ, Thiện cũng đã phải trải qua rất nhiều công việc. Từ việc đi chở thuê nguyên vật liệu xây dựng cho mấy nơi đang xây cất nhà cửa cho đến việc chở tre nứa, lá gồi lợp nhà. Nhưng sau lần anh Nhu bị tai nạn, sức khỏe yếu, mấy anh em không còn làm việc đi chở hàng thuê nguy hiểm, vất vả nữa. Mỗi người tìm cho mình một công việc mới. Thiện được giới thiệu đến làm phụ bếp cho trường Phổ thông lao động, chuyên bồi dưỡng văn hóa cho các cán bộ lớn tuổi do chính thầy Tín làm Hiệu trưởng. Cô An vợ thầy và cô Nhuận bạn của cô An làm cấp dưỡng. Còn Thiện làm phụ bếp – rửa rau vo gạo, dọn dẹp nhà cửa, gánh nước, phụ đi chợ, rửa bát.....

“Với chân phụ bếp, tôi được ăn hai bữa cơm mỗi ngày cùng với cô An, cô Nhuận. Ngoài ra, mỗi tháng tôi được thù lao thêm năm đồng để mua giấy bút.... Đã mấy tháng nay tôi hoàn toàn sống tự lập được, không phải xin tiền

của gia đình. Vừa học vừa kiếm việc làm thêm, tuy vất vả nhưng tôi rất vui. Tôi tự hào là mình đã đỡ được gánh nặng cho bố, lại quen thêm được nhiều người tốt.” [24, tr.106]

Thiện được thầy Tín, cô An, cô Nhuận coi như người trong nhà. Tất cả mọi người đều yêu thương, quan tâm đến em. Nhất là cô Nhuận. “*Cô là một người tốt hiếm thấy. Mắt cô hơi hiếng, da ngăm ngăm đen, tóc hơi xoăn tự nhiên. Dần dà hỏi chuyện, hóa ra cô có biết bố mẹ tôi ít nhiều. Cô bảo có thời gian bà nội tôi làm ăn buôn bán ở ga Kép, từ cách mạng tháng Tám. Gia đình cô và gia đình tôi thường qua lại chơi với nhau. Cô nhớ mẹ tôi dáng người dong dỏng cao, da trắng, hay mặc bộ đồ lụa đen. Cô Nhuận thương tôi như một người cô ruột thịt. Có hôm, thấy tôi ngủ say, cô không nỡ gọi. Cứ để cho tôi ngủ tiếp, cô dậy từ tờ mờ đất, lụi hụi nhóm lò, gánh nước đổ đầy hai thùng phuy, những việc thuộc phần tôi phải lo mỗi buổi sớm”[24, tr.107].*

Sau buổi đi bắt cá “cóng” cùng Bảo, Thiện bị ốm – sốt. Ở nhà nghỉ ngơi, có nhiều thời gian, em bỗng nhớ đến những kỉ niệm đã gắn bó với em từ ngày em lên học tại Bắc Giang. “*Thầy Tín đã lo tìm việc cho tôi. Cô Kim chỉ bảo cho tôi từng li từng tí trong việc học toán. Thấy quần áo tôi rách, cô mang về khâu vá lại cho tôi. Thấy tôi đau ốm, cô mang thuốc, mang đường sữa đến tận nhà. Sợ tôi lười uống thuốc, cô tự tay rót nước, bắt tôi uống ngay trước mặt cô để cô yên tâm ra về.... Rồi chuyện sợ tôi ngủ không đủ chăn ấm, thầy Luyến bảo tôi sang trường đắp chung chăn với thầy....”[24, tr.141]*

Vậy đấy, chính trong lúc cuộc sống khó khăn, vất vả, tình thầy trò lại thiêng liêng cao cả đến thế. Thầy cô luôn quan tâm, yêu thương học sinh vô điều kiện. Còn học sinh cũng rất tôn trọng, yêu quý và thấy gần gũi, thân thiết với thầy cô. Tình cảm cứ đến một cách tự nhiên, trong sáng, ấm áp. Mọi người coi nhau như những người thân trong gia đình, yêu thương, giúp đỡ, che chở nhau. Thiện nhỏ tuổi, người lại bé và yếu nên có phần được thầy cô yêu quý và quan tâm hơn. Nhưng không phải vì thế mà em ỷ lại, lười biếng.

Em rất chăm chỉ, chịu khó và biết lắng nghe những lời khuyên dạy của thầy cô. Cũng chính vì thế mà mọi người càng yêu thương em nhiều hơn.

Có lẽ là điều may mắn khi Thiện được sống trong căn nhà trọ với những người anh em cùng cảnh ngộ, mọi người đều có hoàn cảnh đặc biệt và khó khăn như nhau. Chính vì thế mà mọi người lại càng yêu thương nhau nhiều hơn.

Nhà trọ đã có bốn anh em: Anh Nhu, anh Hoàng, Nam, Bảo. Bây giờ thêm Thiện là năm. Tất cả năm anh em đều xuất thân từ gia đình nghèo khó. Mỗi người có một hoàn cảnh riêng nhưng mọi người đều có điểm chung là nhà nghèo, phải đi trọ học xa nhà. Chính vì thế mà mọi người lại càng quan tâm, yêu thương nhau hơn. Năm anh em đã cùng trải qua những tháng ngày vất vả, gian nan nhất. Phải vừa học và tìm việc làm thêm để trang trải cuộc sống. Nhưng cũng chính trong lam lũ, vất vả, tình người lại sáng hơn bao giờ hết.

Chủ nhà trọ là cụ Muộn. Bà cụ chỉ sống có một mình, ngày ngày chăm sóc mấy sào ruộng. Bà cụ tốt tính lắm, coi mấy anh em như con cháu trong nhà. Bà dễ tính, mộc mạc, chất phác. *“Dáng bà hơi còng, tóc đã bạc gần hết, da mặt nhăn nheo, khắc khổ. Nhưng khi bà cụ cười thì rõ ra một con người phúc hậu”*. Khi anh Nhu hỏi ý bà cho Thiện ở cùng nhà, bà vui vẻ nhận lời ngay: *“Cháu cứ ở đây với mấy anh cho vui, ăn mất nhiều chứ ở mất bao nhiêu!”*. Đây, cái tình của người làng quê chân chất vậy đấy. Họ đến với nhau bằng cả tấm chân tình và đối xử với nhau bằng chữ “tâm”.

Người anh cả của nhà trọ là anh Nhu. Thiện đã biết anh Nhu từ trước vì ngày trước anh Nhu học cùng với hai chị của Thiện. Nên lần này gặp lại, anh em vui mừng khôn xiết. Vốn ngoan và hiền nên từ lâu Thiện đã được anh Nhu yêu quý. Nay có dịp gặp lại, lại được ở cùng nhau nên anh Nhu càng yêu chiều Thiện hết mực.

Khi anh Nhu giới thiệu cho Thiện làm quen với anh Hoàng, Nam, hai người nhìn em đầy thiện cảm. “*Anh Hoàng ít nói, hiền lành. Thành Nam nhỏ người, nhanh thoăn thoắt*”. Còn Bảo thì tỏ ra thân thiết với Thiện ngay từ đầu. Khi anh Nhu nói Bảo đưa Thiện ra ngoài chơi cho thoáng thì “*Vừa ra khỏi cửa, thành Bảo đã kéo tay tôi lôi xềnh xệch ra ngõ, leo lên triền đê cao*”. Và sau này Bảo trở thành người bạn thân thiết nhất và cũng có nhiều kỉ niệm đáng nhớ nhất với Thiện.

Thiện nhanh chóng hòa nhập được với cuộc sống chung của phòng trọ mặc dù ngay từ đầu, anh Nhu đã nói với em là cuộc sống sẽ rất khó khăn:

“- *Ở với bọn anh, cực đấy em ạ. Ăn uống kham khổ chứ không được như ở nhà đâu. Không biết rồi em có chịu được hay không?*

- *Em chịu được ạ. – Tôi nói nhỏ vừa đủ cho anh nghe.*” [24, tr.22].

Sở dĩ Thiện khẳng định được với anh Nhu như vậy vì em cũng đã từng phải trải qua những ngày tháng sống cùng gia đình trong cảnh khó khăn, thậm chí có bữa không có gạo để nấu cơm, cả nhà phải nhịn đói. “*Sau hòa bình lập lại, nhà tôi như khánh kiệt. Do một số điều kiện bất ưng, bố tôi nghỉ việc, không đi làm. Mẹ kế của tôi (mà chúng tôi thường gọi là cô) lâu nay chỉ ở nhà lo việc nội trợ; khó khăn quá xoay ra buôn bán vặt, lúc nấu xôi chè, lúc bán bún thang, bún riêu nhưng cũng chỉ được dăm bữa nửa tháng lại phải đóng cửa vì ế ẩm, vì không quen với cách làm ăn xô bồ, chộp giật..... Bố tôi, cô tôi cùng bảy đứa con sống bấp bênh, không có một nguồn thu nhập nào ổn định. Tôi nhớ có một Tết trung Thu, mỗi sổ hộ khẩu gia đình được mua một chiếc bánh dẻo, một chiếc bánh nướng. Vậy mà bố tôi cũng không có tiền mua, phải cho gia đình hàng xóm mua kéo phí mất tiêu chuẩn. Nhiều hôm đi học về, đói mờ cả mắt, vậy mà mấy anh em tôi chờ mãi, chờ mãi cũng chẳng thấy ai nói gì đến cơm nước. Cô tôi mệt mỏi nằm quay mặt vào tường. Chúng tôi lẳng lẳng nhìn nhau, tự biết là hôm ấy nhà hết gạo, bố tôi không có gì để đưa tiền*

chợ cho cô tôi. Chúng tôi phải sống không ít ngày trong cái không khí nặng nề như thế...” [24, tr.23].

Rời xa gia đình, xa Hà Nội với bao kỉ niệm đẹp đã từng gắn bó với tuổi thơ, Thiện lên Bắc Giang trọ học, mong muốn sẽ có một tương lai tốt đẹp hơn. Nhưng trước mắt, trong những ngày đầu mới nhập học, em cùng mọi người trong phòng trọ cũng đã phải trải qua những khó khăn thiếu thốn. Bữa cơm của chúng tôi rất đạm bạc, thường chỉ có rau muống hoặc rau cải luộc, đĩa muối riềng hoặc hôm nào sang hơn là muối vừng trộn loãng ít mảnh lạc.

Rồi trong buổi mấy anh em cùng đi chợ (chủ yếu là mua gạo, nước mắm, muối), khi qua mấy quầy bún chả, nem rán khói bay mù mịt, hương thơm ngào ngạt, đĩa nào đĩa nấy nuột nước bọt ừng ực.... có lẽ cảm thông với những đôi mắt sáng ngời ngời của mấy đứa em đói khổ nên khi đi qua hàng thịt, Nhu khoát tay về đầy hào phóng, và ra một chỉ thị khiến mấy đứa em vui đến nổi tim như muốn rớt khỏi lồng ngực: *“Hoàng! Cậu vào mua hẳn nửa cân thịt lợn cho tớ! Về anh em ăn cho sưng cái miệng! Một đời ta muôn vàn đời nó, cần cóc gì!”.....*” [24, tr.50].

Đã lâu không biết đến mùi vị của miếng thịt, hôm nay được cải thiện, cả nhà vui như Tết. Quay quẩn quanh nồi canh thịt cà chua hành váng mỡ nổi sao trông thật hấp dẫn, ai nấy đều căng phĩnh bụng. Dù cuộc sống có khó khăn, ăn uống kham khổ, ở chật chội, đèn đóm tù mù, mọi thứ đều kém xa Hà Nội nhưng Thiện lại thấy vui vẻ và thanh thản vô cùng. Chính những tình cảm yêu thương của các thầy cô giáo và bạn bè đã giúp cho Thiện mỗi ngày một gắn bó hơn với cái tập thể nhỏ bé ấy.

Và cũng chính trong những khó khăn, vất vả, thiếu thốn đó lại càng làm cho tình cảm của các anh em trong phòng trọ càng gắn bó, thân thiết. Mọi người không còn thấy xa lạ, xa cách với nhau. Ngược lại, năm anh em coi nhau như những người thân thiết, yêu thương và chăm sóc nhau. Đã có rất

nhều kỉ niệm đẹp (vui buồn đều có) và qua đó mọi người hiểu nhau hơn, yêu thương nhau nhiều hơn.

Ngoài việc nhận được sự quan tâm, chăm sóc của thầy cô giáo, Thiện nhận được sự quan tâm đặc biệt của anh Nhu – anh cả, linh hồn của cả nhóm. Cũng có thể do quen biết từ trước, và cũng có thể do Thiện ngoan, hiền, rất chịu khó, học giỏi mà người lại nhỏ, sức khỏe yếu, nên anh Nhu chăm sóc em rất cẩn thận. *“Tính anh hiền hòa, điềm tĩnh, rất dễ gần ... Tiên nông, tôi giao hết cho anh giữ hộ. Cần đóng góp gì, anh đều tự động đóng thay tôi. Anh quan tâm đến tôi từ việc học hành, ăn ở, đến cả việc ngủ nghỉ, tắm rửa. Anh thực sự là một người anh ruột thịt của tôi. Chính nhờ có anh mà tôi rất yên tâm khi phải sống xa nhà. Tôi mau chóng hòa nhập được vào cuộc sống mới, khác khá nhiều so với cuộc sống của gia đình tôi lâu nay”* [24, tr.33].

Thiện được ngủ cùng giường với anh Nhu. Hàng ngày, trước khi đi ngủ em được nghe anh Nhu kể cho rất nhiều chuyện, được anh chỉ bảo rất tận tình tất cả mọi việc trong cuộc sống. Rồi biết gia đình Thiện gặp khó khăn về kinh tế, Nhu còn tìm việc làm thêm cho Thiện, và phải là những việc phù hợp với sức khỏe của em, đảm bảo không ảnh hưởng gì đến chuyện học hành của em.

Rồi cả những lần Thiện bị ốm, cũng chính anh Nhu là người sắp xếp mọi việc, chăm sóc em cho em mau khỏe. Và cả việc mấy anh em đi làm thêm ở công trường xây dựng máy xay xát gạo, Nhu đã cứu Thiện thoát chết.... tất cả là những kỉ ức đẹp sẽ mãi in đậm trong tâm trí cậu bé Thiện – vốn rất nhạy cảm, luôn mơ mộng.

Và có lẽ trong những ngày trọ học xa nhà, Thiện sẽ cảm thấy buồn đến “chết” nếu không có sự có mặt của Bảo – anh chàng hơn Thiện một tuổi, *“là một thằng sống đầy tình cảm. Nhà nó ở nông thôn. Mẹ và mấy anh chị đều làm ruộng. Bố nó làm cán bộ ở Ti giáo dục nên cho nó lên đây trọ học”* – nhưng lại rất năng động, láu cá, lém lỉnh, nhiều tài lẻ. *“to con, da ngăm đen, tay chân săn chắc. Nó luôn tự nhận nó là anh tôi. Hễ có đũa nào va chạm với tôi chút xíu, nó liền nhảy bổ đến sừng sộ: “có chuyện gì đấy? Đũa nào động*

đến em tao đây?. Đi đâu nó cũng đi cùng tôi. Tôi thì mảnh dẻ, trắng trẻo, có phần nhút nhát. Còn nó thì đậm chắc, da bánh mật, bước đi huỳnh huých, ăn nói bặm trợn. Có người nói đùa nó là vệ sĩ của tôi, nó không bực tức, trái lại còn hoa chân múa tay, đi mấy đường quyền, tỏ ra rất đắc ý” [24, tr.28]. Bảo đã cho Thiện có những trải nghiệm thú vị, mới mẻ mà từ trước tới nay em chưa bao giờ được trải qua.

Có lẽ ấn tượng đầu tiên là chuyện Bảo đưa Thiện về thăm quê của mình. Ngay từ khi mới gặp, Bảo đã rất tự hào khoe với Thiện về vùng quê của mình. Theo như lời kể của Bảo, Thiện có thể hình dung ra một vùng quê tuyệt đẹp, thật lãng mạn vào loại nhất nhì thế giới. *“Đầu làng có hồ sen rộng đến hàng mấy mẫu. Mùa sen nở, suốt đêm dân làng đắm mình trong hương sen thơm. Trước khi vào làng phải qua một bãi hoang, có nhiều gò đống và những bụi dứa dại. Đó là giang sơn riêng biệt của lũ trẻ chăn trâu. Đặc biệt, trên một gò cao có một mỏm đá bị chém làm đôi, hai nửa vẫn còn nằm cạnh nhau, mảnh lớn có một lỗ sâu hun hút, đổ bao nhiêu nước xuống cũng không đầy”[24,tr.28].*

Thiện đã bị Bảo làm cho mê mẩn, thích thú với những câu chuyện của làng quê nó và ao ước sẽ có dịp về quê Bảo chơi, *“được tận mắt thấy làng quê của nó”*. Và dịp may đã đến khi hai đứa được nghỉ học một ngày, Bảo rủ Thiện về quê mình chơi. Hai đứa đi bộ qua mười bốn, mười lăm cây số, chuyện con cà con kê của Bảo đã giúp hai đứa quên mệt nhọc và ngôi làng của Bảo đã hiện ra ngay trước mắt. *“Nhưng thú thật là tôi thất vọng ghê gớm. Tôi không tin vùng đất đang bày ra trước mặt tôi kia lại là quê của thằng Bảo.... Đầm sen có rộng như nó miêu tả đâu! Nước cạn, lơ phơ những cuống sen héo úa, thảng hoặc mới có vài ba chiếc là còn xanh. Cổng làng thì nhỏ bé, loang lổ rêu phong, một góc bị sạt lở, gạch vôi lỏng chông. Thất vọng nhất là hang đàn gà vàng trừ ngụ. Cứ tưởng hang phải to lắm, mỏm đá phải cao lắm, xung quanh cảnh vật phải huyền bí lắm. Ai ngờ chỉ là một bãi đất hoang mọc đầy dứa dại, ở giữa nhô lên một gò đất nhỏ, có mấy tảng đá to*

chùng chiếc chum, chiếc vại. Đúng là có hai tầng gần kề nhau có mặt phẳng, có thể coi như do một nhát chém vỡ đôi thật. Tầng lớn có một lỗ sâu hun hút, miệng rộng con chó có thể chui lọt. Dù sao tầng đá ấy, lỗ hang ấy cũng khác xa với những gì lung linh tôi hằng nghĩ....”[24,tr.58].

Như vậy, rõ ràng là làng quê của Bảo cũng giống rất nhiều làng quê ở miền Bắc Việt Nam với những cảnh vật thật đơn sơ, giản dị, quen thuộc. Nó cũng chẳng phải là thế giới thần tiên như Bảo vẫn kể và Thiên tưởng tượng ra. Nhưng trong con mắt của Bảo, quê em vẫn là đẹp nhất, tuyệt vời nhất. Có lẽ điều này thật đúng với mỗi tâm hồn trẻ thơ. Và đặc biệt với những ai được sinh ra và lớn lên trên chính làng quê của mình.

Và Thiên bỗng nhận ra rằng *“trên cùng một mảnh đất này, tôi thì dửng dưng, hầu như vô cảm, còn thằng Bảo thì yêu mê đắm vì nó có cả một quá khứ với biết bao gắn bó. Cả tuổi thơ của nó trôi qua ở đây. Những buổi lặn ngụp trong đầm sen. Những lần thả trâu trên bãi hoang. Những cuộc đánh trận giả brou đầu sứt trán. Những đêm trăng thanh nằm mơ mộng đếm sao trời và nghe mẹ kể về đàn gà vàng kì ảo...”[24,tr. 58].*

Chẳng phải vô cơ mà có một nhạc sĩ đã viết: *“Qua nửa đời phiêu dạt, tôi lại về úp mặt vào sông quê....”*. Làng quê Việt Nam tuy bình dị, đơn sơ nhưng lại có cái gì đó làm mỗi chúng ta khi đi xa luôn nhớ về. Và dù có phải xa quê vì bất cứ lí do gì thì đến một lúc nào đó con người ta vẫn luôn muốn được trở về với nơi mình được sinh ra, nơi chôn nhau cắt rốn, nơi lưu giữ bao kỉ niệm đẹp của tuổi thơ. Và đặc biệt, khi những kỉ niệm đó trở thành ấn tượng khó phai trong tâm trí của trẻ thơ thì nó lại càng sâu đậm, khó quên. Người ta ao ước được trở về với quê hương để được tìm lại tuổi thơ, tìm lại chính mình, tìm lại những kí ức hồn nhiên, vô tư, trong sáng nhất mà có lẽ giữa cuộc bộn bề, với quá nhiều bon chen, xô bồ ta vô tình lãng quên.

Trước những câu chuyện đầy say sưa của Bảo, Thiên cũng chợt giật mình *“Quả thật tôi hồ hững quá, vô tình quá. Tôi thêm có một tình yêu làng*

quê như nó. Nó gắn bó với quê bằng những kỉ niệm thật cụ thể, thật rõ ràng. Chỉ một ngày về quê với nó, tôi học thêm được biết bao điều”[24,tr.60]. Hóa ra, tình yêu quê hương đất nước không phải là cái gì quá xa vời, xa lạ, cũng không phải là cái gì quá trừu tượng để người ta khó hình dung. Nó nhiều khi đơn giản đến bất ngờ. Có thể là những kỉ niệm tuổi thơ cùng bạn bè chăn trâu, tắm sông, chơi trận giả. Rồi là những chiều lang thang cùng bạn bè bên những triền đê dài, cùng nhau nằm dài trên bãi cỏ xanh.... Chỉ có điều là quê hương có nằm trong tiềm thức của mỗi chúng ta hay không? Hình ảnh quê hương có ngự trị trong trái tim của chúng ta hay không?

Cũng trong chuyến đi về thăm nhà Bảo, điều làm cho Thiện suy nghĩ và có chút chạnh lòng đó chính là tình cảm của mẹ con Bảo. Mồ côi mẹ từ nhỏ nên Thiện không có điều kiện được gần gũi cũng như cảm nhận được tình cảm ấm áp, sự chăm sóc ân cần của mẹ.

Xa nhà lâu ngày, được dịp về thăm mẹ, Bảo kể cho mẹ nghe đủ thứ chuyện trong cuộc sống. “Hết chuyện học hành đến chuyện đi làm thêm, chuyện mấy anh em ăn bánh đúc riêu ở chợ, chuyện vỡ đất trồng rau, cả chuyện “Tào Tháo đuổi”. Cả chuyện nó bị hắc lào, người ta mách bôi nước điều xót oi là xót, mãi cả tháng trời mới khỏi.....”[24, tr.58]. Rồi nửa đêm còn bắt mẹ đi rang lạc.... Thiện ngạc nhiên rồi tự nhiên thấy nước mắt cứ ứa ra, chợt nhận ra một điều rất giản dị nhưng lâu nay em không thể biết được: “Thì ra có mẹ là như thế đấy. Có thể tâm sự với mẹ về tất cả mọi điều, nghĩ thế nào thì nói ra thế ấy, không cần đắn đo cân nhắc, không chỉ nói những điều to tát, có ý nghĩa mà có thể nói cả những điều vụn vặt, những suy nghĩ đang hình thành, còn dang dở chưa hoàn chỉnh”...[24,tr.59].

Tuổi thơ của Thiện và Bảo còn rất nhiều kỉ niệm đáng nhớ: Một lần nọ tôi suýt chết đuối khi đi vớt củi rêu trên sông, rồi một lần suýt chết rét khi đi mò bắt cá công. Mùa đông xứ Bắc khắc nghiệt lắm, thế mà vì đói quá nên phải liều..... Nhưng qua đó càng thắt chặt hơn tình cảm giữa các bạn nhỏ,

chúng ta cảm nhận được tình cảm chân thành, vô tư, trong sáng của các bạn nhỏ dành cho nhau.

2.1.2. Nhân cách cao thượng trong cuộc sống làm than

Có thể nói, mỗi cuốn sách của Trần Hoài Dương như một ô cửa, dẫn chúng ta tới *Thế giới trắng của cái đẹp và cái thiện* mà ông tôn thờ, say mê theo đuổi suốt đời.

Nếu như Nguyễn Nhật Ánh xây dựng một thế giới nhân vật trẻ em được sống đủ đầy, hạnh phúc – phần lớn là những em nhỏ có điều kiện thuận tiện để học hành và vui chơi, có phòng riêng, có những ngày chủ nhật đi công viên, có những kì nghỉ hè đi biển....(Quý ròm, Nhỏ Hạnh, Tiểu Long, Văn Châu – bộ truyện *Kính vạn hoa*). Riêng cảnh nhà Văn Châu thì có lẽ ngay cả trong mơ, các em bé “*nhà quê*” cũng khó có thể tưởng tượng được ra. Đó là “*ngôi biệt thự đồ sộ, nguy nga. Tòa nhà có hai tầng có rất nhiều cửa sổ và hành lang bao quanh.... Phòng riêng của Văn Châu rộng rãi và đẹp đẽ. Gõ ộp kín tường. Một chiếc giường nệm đặt giữa nhà với đủ thứ gối ôm thơm phức, một chiếc tủ quần áo treo đủ loại áo dài và váy đầm mà dường như Văn Châu không rờ tới bao giờ. Bàn học đặt cạnh cửa sổ ra vườn ngón ngang tập vở, bút thước. Kế đến là một chiếc bàn nhỏ đặt máy vi tính.... Tuy cả nhà là người lớn nhưng gia đình Văn Châu vẫn có người giúp việc [56,tr.38].*

Thì trong *Miền xanh thẳm*, Hoài Dương đã đặt nhân vật của mình vào trong những hoàn cảnh sống đầy rẫy những khó khăn, thậm chí làm than, khổ cực. Nhưng quá đó, nhân cách cao thượng của nhân vật cũng được sáng ngời.

Trong *Miền xanh thẳm*, nổi bật lên hình ảnh anh Nhu – người anh cả của đám học trò nghèo. Anh là hiện thân của một nhân cách cao thượng, một tấm lòng cao cả, luôn lo lắng, quan tâm tới đời sống tinh thần và vật chất của những người em đồng cảnh ngộ.

Nhu đã thể hiện được bản lĩnh của mình khi đã tổ chức cuộc sống của phòng trọ một cách khoa học, có kế hoạch. Vì hoàn cảnh gia đình của năm

anh em đều khó khăn nên cả năm anh em đều phải tìm việc làm thêm. Và Nhu là người đứng lên tìm việc, tổ chức sắp xếp công việc cho các thành viên trong gia đình. Mọi người cùng làm, tiền công thu được mọi người để chung vào một quỹ và chi tiêu chung, có ghi chép rõ ràng, cẩn thận.

Ban đầu, Nhu và Hoàng đi làm phụ hồ xây dựng. Sau đó, để cả năm anh em được làm chung việc với nhau, Nhu và Hoàng bàn với nhau sẽ “đi chở nguyên vật liệu xây dựng thuê cho mấy nơi đang xây cất nhà cửa. Chở từ ngoài bến sông Thương vào thị xã, xa chừng ba, bốn cây số. Đã hỏi được nơi cho mượn xe ba gác rồi. Họ thông cảm với hoàn cảnh của học sinh nghèo, lấy giá phải chăng thôi. Sẽ mượn hai chiếc. Hai anh lớn sẽ kéo, điều khiển xe. Bọn nhóc chúng tôi sẽ đẩy theo xe, phụ thêm việc xếp gạch, xúc cát...”[24,tr.44]. Phân công là như thế, nhưng khi bắt tay vào công việc, vì thương các em còn nhỏ nên Nhu giành hết phần việc của Bảo và Thiện. Anh kiên quyết không chịu ngồi nghỉ để cho hai đứa xếp gạch, “Anh Nhu không chịu, cứ lặn vào tranh việc. Tôi và thằng Bảo phải ôm chặt lấy anh, đưa kéo, đưa đẩy, vẫn anh từng bước một, cuối cùng mới dúm anh ngã ngồi dưới gốc cây bàng. Hai đứa cố làm mặt giận, quát to lên, bắt anh phải ngồi nghỉ lấy lại sức chốc nữa kéo tiếp, mãi sau anh mới chịu”[24,tr.46].

Mấy anh em vừa đi học vừa đi làm thêm được gần hai tháng thì xảy ra sự việc làm tất cả mấy anh em hoảng sợ. “Hôm đó hết gạch đá, chúng tôi chuyển sang chở tre nứa, lá gồi lợp nhà”. Trong chuyến hàng cuối cùng, vì ba anh em cố chờ cho hết số lá gồi còn lại nên xe hơi nặng. Và khi xe xuống dốc, xe loạng choạng, nghiêng hẳn một bên chực đổ. Trong tình thế cấp bách, cả ba anh em đều cố gắng kìm cái xe, nhưng rồi cái xe vẫn đổ, “Một bánh xe lún sâu xuống đất ẩm, một bánh xe vênh lên trời, quay tít như chong chóng. Anh Nhu nằm lộn dưới rãnh thoát nước, ngay dưới gầm xe”[24,tr.75].

May mắn là anh Nhu thoát chết và không sao. Nhưng “những vết trầy trên hai cánh tay anh Nhu tưởng nhẹ không có gì đáng ngại, không ngờ hai

hôm sau bỗng sưng tấy lên, bắt đầu mưng mủ làm anh Nhu phát sốt”[24,tr.84]. Và bác sĩ chẩn đoán anh bị nhiễm trùng khá nặng nhưng do phát hiện sớm, đưa anh đi bệnh viện kịp thời nên không đến nỗi nào.

Anh Nhu là người anh cả của chúng tôi, là linh hồn của cả nhóm. Anh bị bệnh, ai cũng buồn cũng lo. Mọi việc đều trở nên chệnh mảng, ăn uống thất thường, sinh hoạt tạm bợ [24,tr.84].

Sau khi xảy ra tai nạn, sức khỏe của Nhu giảm sút, anh không thể làm được những việc nặng nhọc như phụ hồ hay kéo xe thuê. Nhưng cũng không phải vì thế mà Nhu bỏ bê, không quan tâm đến các em cùng phòng. Nhu đã đi liên hệ, tìm việc cho mọi người. Trong đó Thiện được Nhu tìm cho chân phụ bếp trong trường do thầy Tín làm hiệu trưởng.

Nhu và Thiện vốn quen nhau từ trước khi Nhu học chung với hai chị của Thiện (chị Trọng và chị Ngà). Nhu vốn rất quý Thiện có lẽ vì em nhỏ tuổi nhất, có vẻ yếu ớt nhất. Thêm nữa, Thiện cũng là người sáng dạ, luôn luôn được xếp vào loại giỏi, được mọi người yêu mến.

Thiện được Nhu chăm sóc cẩn thận, quan tâm hết mình. Có lẽ một phần do em là em trai của Trọng (bạn học cùng lớp – rất thân của Nhu). Nhưng có lẽ nó xuất phát từ tấm lòng nhân hậu, cao cả bao la của anh. Anh luôn tỏ ra mình là người trưởng thành, chín chắn. Là anh cả nên muốn che chở, bao bọc cho các em. Nhu nhờ thầy Tín xin cho Thiện “chân” phụ bếp. Và hàng ngày anh vẫn luôn quan tâm, hỏi han công việc, động viên các em học hành.

Nhớ lần Thiện bị ốm – sốt sau vụ đi bắt cá “cóng” với Bảo, phải tạm nghỉ việc ở nhà ăn. Nhu chỉ đạo mấy anh em thay phiên nhau làm giúp những công việc của Thiện để khi em khỏe lại sẽ có việc làm, tiếp tục việc học hành. *“Ngày ngày, từ sáng tinh mơ, anh Nhu phải thay tôi chạy sang trường thầy Tín kéo gầu, gánh nước cho cô An, cô Nhuận làm bếp rồi anh lại tắt tưới đi làm phụ hồ. Buổi trưa, buổi chiều thì thằng Bảo sang bên đó dọn nhà ăn, rửa bát đĩa, làm những việc tôi vẫn thường làm. Anh Nhu bảo phải làm vậy để*

khỏi lỡ việc của các cô cấp dưỡng và để giữ việc cho tôi làm lâu dài. Nếu tôi nghỉ lâu, nhất định bên trường phải tìm người khác thay tôi”[24,tr.135].

Rồi khi đến kì nghỉ hè, nhà trường đóng cửa. Thiện không còn làm phụ bếp cho nhà cấp dưỡng nữa. Nhu lại liên hệ xin cho tất cả anh em được làm phụ động ở công trường nhà máy xay (Nhà máy xay xát gạo mới được khởi công tại thị xã). Tuy công việc vất vả nhưng với mấy anh em, việc đi làm ở công trường là một việc đáng tự hào vì các em thấy như đang “*góp một phần sức mình vào công cuộc xây dựng lớn lao của đất nước*”. Và câu nói của cậu bé Aliôsa luôn vang vang lên trong tâm trí mọi người: “*Vào đời! Vào đời là để hiến cho đời tất cả những gì tốt đẹp và nhân đạo của tâm hồn, trí óc ta!*”. Và để “*sau này có chết đi, thân thể có mục nát, thì trước khi nhắm mắt, ta có thể tự hào rằng: Trong đời ta, suốt hơn bốn mươi năm trời, có những kẻ cố tình làm cho tâm hồn ta hư hỏng, nhưng công trình của họ chẳng khác nào đã tràng xe cát...*” [24,tr.64].

Thật vậy, khi con người ta làm việc mà lại có mục đích và lí tưởng rõ ràng thì mọi khó khăn, thử thách, mệt nhọc đều trở nên vô nghĩa. Ngược lại, nó còn là động lực to lớn giúp con người ta có thêm sức mạnh để tiến về phía trước. Hình ảnh Nhu cùng mấy anh em phòng trọ nhỏ, tuy nghèo khó nhưng giàu tình yêu thương nhau sẽ còn mãi đọng lại trong tâm trí người đọc.

Chính bản lĩnh, tính cách và tình yêu thương của Nhu đã kết nối được mọi người, làm cho mọi người ngày càng gắn bó khăng khít, cùng nhau trải qua những khó khăn, vất vả, thiếu thốn của đời thường. Và dù cuộc sống chưa được đầy đủ về vật chất, nhưng năm anh em luôn luôn vui vẻ, luôn tìm cách để mang lại niềm vui, tiếng cười cho nhau.

Và có lẽ, chính trong những giờ phút nguy hiểm, khó khăn nhất, tình cảm của Nhu, nhân cách cao thượng của anh càng thể hiện rõ nét hơn.

Hôm đó, mấy anh em phải chuyển một đồng gỗ ván cốp pha lên tầng ba, qua giàn giáo bao quanh khu nhà chính. Bảo và Thiện được phân công

nhệm vụ xúc cát chuyển vào nhà kho. Còn việc chuyển cốp pha nặng nhọc Nhu và Hoàng sẽ đảm nhiệm. Tuy nhiên, vì thương anh, muốn giúp đỡ anh để công việc nhanh chóng hoàn thiện mà Thiện đã làm một việc liều lĩnh. Nhân lúc mọi người không để ý, Thiện đã vác một tấm cốp pha (ngắn, hẹp hơn) bước lên giàn giáo. Khi lên đến tầng một, cảm nhận được sự chông chênh của giàn giáo, Thiện cũng bắt đầu thấy chóng mặt, mắt hoa lên, người chao đảo, chỉ chút xíu nữa là em lộn cổ lao xuống. Tình thế thật là nguy hiểm. May mắn Nhu đã ôm chặt được em, nhấc tấm ván khỏi vai Thiện, bình tĩnh bảo em: *“Em ngồi xuống đây nghỉ đi. Ôm chặt lấy cột tre kéo ngã. Chờ anh vác tấm ván này lên tầng ba rồi quay xuống ngay”*.

Sau khi đặt tấm ván xuống, Nhu thận trọng dìu Thiện lên tầng ba, vừa đi anh vừa an ủi động viên em bằng một giọng nhỏ nhẹ. *“Nhưng vừa lên đến tầng ba, tôi vừa bước vào tấm sàn bê tông, thì anh đẩy tôi ngồi phịch xuống sàn rồi cứ thế, một tay anh túm lấy vai tôi, một tay anh phát tới tấp vào mông tôi. Anh la lên dữ tợn:*

- Làm sao mà liều mạng thế hả? Ai cho mà làm việc nguy hiểm đó? Đã nói rồi mà không chịu nghe!” [24,tr.218].

Mấy cái tát vào mông, mấy câu quát nạt không cho thấy Nhu hết thương Thiện. Mà ngược lại, vì quá yêu thương, lo sợ nên Nhu không kiềm chế được bản thân. Và đến ngay cả Thiện, sau những giây phút tủi thân vì tưởng là anh không thương mình nên mới đánh, em cũng nhận ra rằng *“anh đánh tôi không phải vì ghét bỏ mà chính vì anh quá thương tôi, quá lo lắng cho tôi”*.

Quát mắng Thiện xong, Nhu cũng ngồi phịch xuống đất, mặt thù ra, bần thần. Có lẽ đến lúc này anh cũng mới hoàn hồn. Sự việc xảy ra quá nhanh, quá nguy hiểm. Anh nói như để tự thanh minh cho cử chỉ nóng giận ban nãy của mình:

“- Nếu anh không đến kịp thì đã xảy ra chuyện gì, có trời biết! Khi lên đến đây, anh quay xuống vác tiếp thì chợt thấy em đang đi lên. Anh tá hỏa tam tinh, không còn hồn vía nào nữa. Ván chênh vênh giữa trời, em lại đang vác lặc lè. Anh định kêu lên bắt em dừng lại nhưng không dám, sợ em giật mình, chới với lao xuống thì nguy. Ở dưới kia, mọi người trông thấy em cũng đều phát hoảng. Họ cũng không dám lên tiếng. Anh phải dò dẫm từng bước thật êm nhẹ, nhích lại dần về phía em. Không muốn cho em biết vì sợ em luống cuống mắt bình tĩnh. Đến khi đầu tấm ván va vào cọc, đung đưa qua lại, anh muốn vỡ tim. Chỉ một chút xíu nữa thì em trượt chân ngã nhào. Cũng may là có Trời Phật che chở, em lại túm ngay được chiếc dóng tre. Anh cũng đã xuống đến gần em. Nhắm một cách thật chính xác, anh lao đến ôm ngang lưng em ép chặt vào cọc tre, ghé vai đỡ tấm ván. Thật không còn hồn vía nào nữa....”[24,tr.218].

Nhu không chỉ là người anh. Nơi xa xôi đất khách quê người, Nhu trở thành người cha, người mẹ, người chị, những người thân thiết của Thiện. Chỉ có những người thân ruột thịt mới lo lắng và chăm sóc cho em như vậy. Điều không may của Thiện là em phải trọ học xa nhà. Nhưng có lẽ đây cũng là may mắn của em khi em gặp được những người tốt như Nhu, như Bảo.... Và có lẽ, cuộc sống của mấy anh em sẽ cứ thế trôi qua trong tình yêu thương cho đến khi Nhu và Hoàng học xong cấp 3, thi vào đại học nếu như không có một biến cố bất ngờ xảy ra.

“Vào năm học được ít lâu, một tin sét đánh đến với chúng tôi: bố anh Nhu bị mất đột ngột. Cùng với tin buồn đó là một quyết định quan trọng đã làm đảo lộn nhiều dự kiến của anh em tôi, ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc sống của chúng tôi sau này. Đó là việc anh Nhu sẽ không sống cùng chúng tôi nữa. Anh phải về quê ở Gia Lương sống với mẹ. Anh chỉ có một người chị thì đã đi lấy chồng ở khác huyện từ mấy năm trước. Bố anh mất, còn lại mình mẹ anh ở nhà. Mẹ anh lại bị liệt nửa người đã hơn năm nay. Anh phải về quê

chăm sóc mẹ và trông nom nhà cửa, vườn tược..... Vắng anh, chúng tôi sống chênh mảng, tạm bợ. Đôi lúc tôi ngờ ngác như người mất hồn. Chúng tôi sắp mất đi một người anh cả, một con chim đầu đàn, linh hồn chính của nhóm anh em chúng tôi”. [24,tr.238].

Và người anh cả đó – con người giàu tình yêu thương, đầy tinh thần trách nhiệm đã thể hiện sự quan tâm, lo lắng cho mọi người đến cả những giây phút cuối cùng. Trước khi rời xa nhà trọ, xa anh em đã từng gắn bó bao năm, Nhu vẫn chuẩn bị chu đáo và dặn dò mọi người rất kĩ lưỡng:

“- Chăn màn, mấy thứ vật dụng của anh, anh để lại cho em dùng. Bộ tông đơ, dao kéo cắt tóc, để anh Hoàng thỉnh thoảng đi vào các xóm kiểm thêm ít nhiều phụ vào tiền ăn. Còn hơn bốn trăm đồng, quỹ chung của mấy anh em dành dụm được qua mấy tháng hè, anh cũng giao cho anh Hoàng giữ để chi dùng đến hết năm học. Chịu khó chi tiêu tằn tiện thì cũng không lo lắm đâu. Bắt đầu từ tháng sau, nhà trường sẽ cấp cho em hai phần ba học bổng, được mười hai đồng mỗi tháng.... Em đừng gắng sức quá, nhớ đau ốm thì khổ.... Anh nhắc Bảo đừng quá mê mẩn chuyện cá mú mà xao nhãng việc học. Anh bảo thằng Nam nên sống cởi mở hơn, gắn bó với hơn với mấy anh em trong nhóm...”. [24,tr.240].

Như vậy, giữa dòng đời khó khăn, chật vật vì cuộc sống mưu sinh, vì lí tưởng học hành thì những con người với nhân cách cao thượng luôn ngời sáng. Chính nhân cách của họ đã luôn soi chiếu, tỏa sáng cho cuộc sống còn nhiều u tối kia.

2.2. Thế giới nhân vật trẻ thơ trong mối quan hệ với chính mình

2.2.1. Những tâm hồn thanh khiết, trong sáng, giàu lòng nhân ái

“Trần Hoài Dương cả đời theo nghiệp viết cho thiếu nhi và về thiếu nhi. Hình như số trời định vậy và anh theo vậy, không thể cưỡng. Thời lực và bút lực của Dương đủ, dư để tung hoành vào văn chương khu vực người lớn, để viết những tác phẩm tích lịch tròi, kinh đà bể, nắng lá hoa muru. Nhưng

Dương đã không muốn thế, Dương chỉ thương yêu tuổi mới lớn thôi, trong veo tức là chưa vẩn đục, trắng tinh tức là chưa bôi bẩn, tự thom tức là chưa bon chen hiềm khích, và dầu có vụng đục thì lọc lại trong, bẩn thì tắm tẩy cho trắng, và dầu có chót dại thì học lại khôn ngoan”.[55,tr.182].

Có lẽ vì gắn cả cuộc đời mình cho thiếu nhi, “*Viết là để đem lại lòng yêu thương và vẻ đẹp tuyệt vời của văn chương cho trẻ nhỏ*”. Nên các nhân vật trẻ thơ trong văn xuôi của Trần Hoài Dương đa phần là những đứa trẻ nghèo nhưng đổi lại chúng có một tâm hồn thanh khiết, trong sáng và giàu lòng nhân ái, bao dung. Đó có thể là em bé gái trong *Em bé và bông hồng*, là một người chị giúp bé qua đường trong *Cô Tiên*, là cậu bé và chú bê con trong *Con đường nhỏ*. Hay cũng có thể là Nhu, Thiện, Bảo... trong *Miền xanh thắm*. Trong thế giới trong ngần của tuổi thơ các em, các em đã sống bằng những cảm xúc, suy nghĩ thật của mình. Nhưng qua đó, người đọc thấy được sự trong sáng, hồn nhiên nhưng cũng rất bao dung, giàu tình nhân ái của chính các em.

Có một cô bé gái, ngày chủ nhật được mẹ dẫn ra vườn hoa chơi. Cô ngạc nhiên, sung sướng, hạnh phúc khi thấy vườn hoa thật đẹp – bao nhiêu là hoa, nhìn đâu cũng thấy những bông hoa đủ màu sắc. Và một bông hoa đỏ thắm hiện ra trước mắt cô – *Giữa vòm lá um tùm, xanh mướt, còn wót đậm sương đêm, lấp lánh dưới ánh nắng mặt trời buổi sớm, bông hoa dập dờn trước gió, khi ẩn khi hiện. Màu hoa đỏ thắm, mùi hoa thơm mát dịu dịu, cánh hoa mịn màng, khum khum úp sát vào nhau như còn ngấp ngừng chưa nở hết* [25, tr.7].

Lại gần, cô bé mới biết đó là một bông hồng – bông hồng nhung. Và bông hoa tỏa hương thơm thoang thoảng, khẽ rung rinh như mời mọc: “*Lại đây cô bé, lại đây chơi với tôi đi!*”. Trước vẻ đẹp và lời mời gọi đầy cuốn hút của bông hoa, với tâm hồn còn ngây thơ, trong sáng, hồn nhiên của trẻ thơ, cô bé muốn ngắt bông hoa để bông hoa được mãi bên mình. Và quan trọng hơn,

để khi gặp các bạn của mình, cô bé được khoe với bạn bè về bông hoa. Và nhân lúc mẹ không để ý, cô bé đã tự ý ngắt bông hoa mặc dù mẹ đã khuyên không nên. Cô bé giấu bông hoa dưới một lùm cây. Đến gần trưa, khi gặp các bạn, bé háo hức khoe với bạn bông hoa đang ngủ. *“Nhưng lạ quá, bông hồng ban sáng xinh đẹp là thế mà nay lại héo, con vừa động đến, cánh đã rời ra, rơi lả tả, trông mới chán làm sao! Các bạn đều mở to mắt ngạc nhiên nhìn con và cho là con nói dối. Con biết trả lời sao?”*[25,tr.8].

Một sự ân hận, tiếc nuối xâm chiếm tâm hồn thơ ngây của cô bé. Cô bé sợ rằng các bạn nghĩ cô là người nói dối. Tiếc nuối vì giá như cô nghe lời mẹ thì có phải bây giờ tất cả mọi người đã cùng được ngắm bông hoa tuyệt đẹp rồi?

Trẻ thơ thường vô tư, hồn nhiên, trong sáng, yêu thiên nhiên, cây cỏ, loài vật. Chính vì thế mà các em luôn nâng niu, yêu quý và nhiều khi thành ích kỉ, muốn giữ chúng mãi bên mình. Cũng có khi vì yêu quá mà các cô bé, cậu bé có những hành động vô tình làm tổn thương đến chúng. Giá mà cô bé kia đừng quá yêu bông hồng, đừng ngây thơ nghĩ rằng hái bông hồng là để được gần bông hồng mãi, để khoe với bạn bè....thì bông hồng sẽ vẫn còn ở đó, vẫn tươi đẹp, vẫn mãi tỏa hương và rung rinh trước gió, mang lại màu sắc, hương thơm cho đời.

Không chỉ yêu trẻ thơ, dành những trang viết tâm huyết cho trẻ em, khơi gợi sự trong sáng, nhân hậu trong tâm hồn trẻ em. Hoài Dương còn là người yêu thiên nhiên, yêu hoa lá đắm đuối đến kì lạ nên ông là một trong những nhà văn viết nhiều dòng, nhiều trang điểm lệ, gợi cảm, đượm vị cổ tích và mang tính phát hiện về hoa, về lá. Phần chắc là cây bút ông tả nhiều nhất về các loài hoa, cỏ bình dị, khiêm nhường. Điều đáng quý và trân trọng ở Hoài Dương là ông đặt tình yêu đó vào tâm hồn trẻ thơ, làm giàu thêm tình yêu thiên nhiên, hoa cỏ, muôn loài cho tâm hồn các em khi còn non nớt. Và tâm hồn đó sẽ được nuôi dưỡng lớn dần lên theo năm tháng.

Vườn nhà Ngọc Loan có rất nhiều cây ăn quả ...mùa nào cũng cho bao nhiêu hoa quả nên cả nhà quý những cây đó lắm. Riêng góc vườn có một cái cây, chẳng hiểu là cây gì. Hồi còn ở nhà, chị Phương gọi nó là “*cây lá đỏ*” vì cứ vào dịp gần tết là cây ấy lại đỏ rực lên như một đám lửa đêm. Đã mấy lần ông định chặt cây đó vì quả của nó không ăn được, nhưng chị Phương nhất định không cho. Mãi đến sau này Ngọc Loan mới biết lí do: “*Cây đó tuy quả của nó không ăn được nhưng chị rất quý, em ạ. Em còn nhớ chị Duyên dạo trước vẫn hay đến chơi nhà ta không? Chị bạn thân nhất của chị ấy mà! Sau khi học hết lớp mười, chị đi Sư phạm, còn chị Duyên đi thanh niên xung phong, vào mãi miền trong công tác. Một lần có việc rẽ qua Hà Nội, chị Duyên đem về cho chị một nắm hạt cây lá đỏ. Chị Duyên bảo ở vùng rừng núi nơi chị làm việc có nhiều thứ cây đó lắm. Cứ trông thấy cây ấy là chị Duyên lại nhớ đến chị, đến những kỉ niệm của thời học sinh, đến những mùa lá đỏ của cây bàng, cây dã hương Hà Nội.... Sau lần gặp ấy trở về thì chị Duyên hi sinh trên mặt đường giữa lúc đang lắp hố bom cho xe qua, em ạ. Chắc bây giờ thì em hiểu vì sao chị yêu chị quý cây lá đỏ ấy rồi chứ?...*”[25, tr.13].

Đặt tình yêu vào thiên nhiên, cây cỏ không chỉ vì yêu thiên nhiên mà giờ đây, “*cây lá đỏ*” là vật kỉ niệm duy nhất mà chị Duyên để lại cho chị Phương. Ngọc Loan hiểu được điều đó mà càng yêu “*cây lá đỏ*” hơn. Màu đỏ của lá cây phải chăng đã thể hiện được tình bạn thắm thiết của hai chị. Nó cũng là màu của máu, của sự hi sinh cao cả của chị Duyên trên chiến trường, của sự nhiệt huyết, của tương lai, của niềm tin....

Trong *Lá non* chúng ta sẽ thấy được tình yêu say đắm của cô bé Trang với những búp lá non, nhất là với cây cơm nguội và cây long não. Chính vì vậy mà Trang thấy tiếc đứt ruột khi phải nằm viện gần hai tháng trời trong một căn buồng kín mít giữa mùa lá non đang nảy đều. Tuy nhiên, bằng tình yêu, sự say mê với những lá non đang nảy mà từ căn phòng bệnh viện, Trang cũng đã có sự quan sát rất tinh tế và nhận ra được sự đổi thay của cây cối

trong mùa tháng hai, tháng ba – mùa cây thay lá, nảy lộc: “*Lộc cây com ngoui trắng ngà, li ti lãn tăn như bèo non. Lộc bàng khi mới nhú màu hung nâu. Chỉ vài ba ngày sau, nó chuyển sang màu xanh nõn, mập mạp chúm chím nhưng những búp hoa. Thoáng nhìn một cây bàng vừa nảy lộc, cứ ngỡ vừa có một đàn bướm xanh ở đâu bay về đậu khắp cành. Chúng có thể sẵn sàng bay tung lên bất cứ lúc nào.* [22,tr.20]. Trang yêu đến mê mẩn những cành lá non đó. Và Trang còn ao ước sau này được vào học trường Đại học tổng hợp, khoa sinh vật. “*Trang sẽ đi sâu nghiên cứu về đời sống cây cỏ. Trong những quyển sách của mình, Trang đã ép được không biết bao nhiêu hoa, lá. Có những thứ hoa, thứ lá Trang nhờ bố và các bác các chú lấy ở mãi đỉnh núi Phăng-xi-păng cao nhất nước – Vì bố của Trang là một cán bộ địa chất, được đi rất nhiều nơi*”[22,tr.23].

Như vậy, nhờ tình yêu đối với thiên nhiên, cây cỏ mà tâm hồn non nớt của các em trở nên trong sáng, đôn hậu, tinh tế hơn. Tình yêu đó sẽ nuôi dưỡng tâm hồn các em và làm cho nó ngày càng trở nên giàu có, phong phú.

2.2.2. Những tâm hồn ngây thơ, giàu ước mơ, khát vọng

Trong các sáng tác của mình, Hoài Dương dành một lượng không nhỏ những trang văn cho những em bé có số phận không thật may mắn. Đó là những em bé có hoàn cảnh khó khăn, có cuộc sống còn lam lũ, vất vả, khổ cực. Đó là những người cháu trong *Bà cháu*, là Nhu, Thiện, Bảo, Hoàng, Nam trong *Miền xanh thắm*.....

Tuy nhiên, giữa thực tế đầy khó khăn, gian khổ nhưng các nhân vật trẻ thơ trong các trang văn của Trần Hoài Dương vẫn ngời sáng với một tâm hồn trẻ thơ ngây thơ, trong sáng. Chúng không ngừng ước mơ, khát vọng và phấn đấu miệt mài vì một ngày mai tươi sáng hơn.

Trong những năm đầu khi miền Bắc được giải phóng (1954 – 1955), đất nước còn nhiều khó khăn. Cả miền Bắc đang nỗ lực xây dựng, củng cố và kiến thiết nền kinh tế, vừa để khắc phục những hậu quả nặng nề của chiến

tranh, vừa trở thành hậu phương vững chắc cho miền Nam. Trong bối cảnh đó, cần lắm sự sẻ chia, chung tay góp sức của toàn dân. Và trẻ em cũng trở thành những lực lượng nhất định, đóng góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào sự nghiệp chung của dân tộc.

Ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình, năm anh em trong phòng trọ (Nhu, Hoảng, Thiện, Nam, Bảo) nói riêng, và tất cả học sinh thời đó nói chung đã ra sức học tập, mong muốn sau này sẽ có đầy đủ kiến thức, tài năng để góp phần xây dựng đất nước. Tuy nhiên, điều kiện học tập, sinh hoạt của các em còn nhiều hạn chế, khó khăn. Một phần do bối cảnh chung của đất nước. Phần khác là do hoàn cảnh gia đình của các em còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Chính vì vậy mà các em nhỏ, bên cạnh việc chuyên tâm vào học tập, các em còn phải tìm việc làm thêm để có thể duy trì được cuộc sống, tiếp tục việc học hành và cũng phụ giúp gia đình.

Nhưng có lẽ, chính trong cuộc sống gian nan đó, những phẩm chất đẹp của các em lần lượt ngời sáng hơn bao giờ hết. Chính trong cuộc sống còn nhiều thử thách mà các em biết yêu thương nhau nhiều hơn, biết thông cảm, chia sẻ tất cả những khó khăn, vất vả của cuộc sống. Và cũng chính trong những bước thăng trầm của cá nhân nói riêng, đất nước nói chung đã làm ngời sáng những ước mơ, hoài bão cao quý.

Có thể với trẻ thơ khi còn ngồi trên ghế nhà trường thì ước muốn được cống hiến hết mình, được góp phần vào xây dựng đất nước là còn quá sớm và xa vời. Tuy nhiên, những em học sinh nghèo, thậm chí có cả những em phải đi sơ tán, trọ học xa nhà thì trong tâm trí của các em đã luôn nung nấu ý chí muốn được lao vào cuộc đời, lăn xả vào cuộc sống rộng lớn bao la để được trải nghiệm, để thấy được năng lực của bản thân và cũng là để cống hiến cho đất nước.

Đã có lần ngôi trường bé nhỏ của Thiện rộ lên vì sự kiện thầy Tín mượn ở đâu đó được cuốn sách *Thép đã tôi* của nhà văn Nga Nicôlai

Astorópski. Có lẽ đó chỉ là bản dịch đã giản lược chứ chưa phải là tác phẩm *Thép đã tôi thế đấy* dịch hoàn chỉnh. Vậy mà cuốn sách được chuyền tay nhau đọc, được đem ra thảo luận ở các buổi sinh hoạt đoàn, sinh hoạt lớp với không khí vô cùng náo nức. “*Cuộc đời đầy sóng gió và hừng hực nhiệt huyết cách mạng của nhân vật chính Paven Coócsaghin không những hấp dẫn đối với các anh chị lớn mà còn cuốn hút ngay cả bọn nhỏ chúng tôi. Đâu đâu cũng bàn tán về Paven. Hình ảnh những năm tháng nội chiến ở nước Nga mênh mông với từng từng lớp lớp người ra trận, mặt mũi ai nấy đều dầu dãi gió sương, râu tóc bơ phờ, nhưng những đôi mắt thì rực lửa. Những đoàn kỵ binh đỏ hăng hái xung trận, áo choàng phản phật tung bay, mũ chùm kín đầu, lấp lánh ngôi sao đỏ, miệng gào thét “hua ra!”, tay vung kiếm ào ào xông tới.... trong hoàng hôn đỏ bầm như máu, những đoàn tàu chở quân ra tiền tuyến lạng lẽ mà quyết liệt. Trên những va-gông không mái che, những người lính mặt hốc hác xạm đen khói súng nửa nằm nửa ngồi, tay ôm súng, mắt đau đáu nhìn chân trời mù mịt khói lửa. Họ cùng cất tiếng hát trầm hùng đầy bi tráng.....” [24, tr. 34].*

Đám học sinh thì say mê, còn riêng Thiện, em còn thể hiện sự yêu mến, đam mê của mình đến mức em “*mãi mê chép ngày chép đêm, mất hơn một tuần lễ thì xong*”. Đó không đơn thuần là sự yêu thích đơn giản, nó chính là lí tưởng, là nhiệt huyết. Cậu bé Thiện mới mười ba tuổi mà đã mơ mộng hình ảnh Paven – hình ảnh đầy hào hùng, bi tráng, đẹp một cách lung linh, kì ảo.

Sau *Thép đã tôi*, cả trường lại xôn xao lên khi thầy Hùng – “*một thầy giáo trẻ đầy tâm huyết, người đã từng đem lại cho chúng tôi những tiết học sôi nổi, hào hứng; đã gieo vào lòng chúng tôi chất lí tưởng cao cả, bây giờ vừa ghen ngào vừa đọc “Vượt Côn Đảo”*. Tất cả ngồi im phăng phắc lắng nghe như nuốt từng lời. Những nghĩa địa Hàng Dương, cầu Ma Thiên Lãnh, rồi chuyến vượt biển quả cảm.... Cứ nhớ mãi cái chi tiết giữa biển khơi, trong

đêm tối mịt mù bỗng vang lên tiếng quốc ca không biết là hư hay thực....”[24, tr. 35].

Và rồi mơ ước được ra chiến trận, được khoác trên mình chiếc áo lính, được cầm súng trong tư thế hiên ngang trong vẻ đẹp lung linh, huyền ảo bỗng gieo vào lòng đám học sinh nghèo. Trong đó, thể hiện rõ nét nhất là Bảo. Vốn là cậu bé láu cá, khá mải chơi với những trò tinh nghịch đầy tinh quái, nhưng có ai biết được rằng, ẩn sâu trong con người cậu bé ấy là những ước mơ, hoài bão cao cả đến vậy?

Bảo cứ xuýt xoa tiếc là không còn dịp để đi chiến đấu thật ác liệt nữa. Bởi theo em chiến đấu phải là *“vào sống ra chết kia! Phải bom đạn thật dữ dội kia! Chứ không phải đi bộ đội nghĩa vụ trong thời bình”*. Và rồi vô cớ lại đi ganh tị với anh chàng Paven: *“Mấy năm kháng chiến, mình lại còn nhỏ quá. Bây giờ thì chẳng còn được ra trận đánh giặc nữa, chán thật! Cái anh Paven thế mà sướng! Suốt ngày ngả rạp trên lưng con chiến mã phi như bay, tha hồ vung gươm, tha hồ “hua ra!” gào thét!* [24, tr. 36].

Không còn cơ hội tham gia chiến trận, Bảo lại tiếp tục có những ước mơ mới: *“Học xong phổ thông, tao sẽ thi vào trường Đại học Mỏ địa chất. Đúng là có trường ấy, phải không anh Nhu? Tha hồ lên rừng, xuống biển. Tha hồ đi đến những nơi khó khăn gian khổ nhất. Tao sẽ lặn lội suối sâu, vượt đèo núi cao, một mình lang thang trong rừng già hàng năm trời. Tao sẽ phát hiện ra những vỉa quặng lớn nhất nước. Nơi này mỏ vàng, nơi kia mỏ sắt. Nơi kia nữa mỏ kim cương. Cứ gọi là thỏa sức mà khai thác nhé!”*. [24, tr. 37].

Và Nam cũng có dịp chia sẻ mơ ước của mình: *“Tao thích lái tàu.... Tàu nào cũng khoái. Tha hồ vi vu. Tàu thủy thì lênh đênh trên biển hàng tháng trời, thấy cảnh nào đẹp thì cứ việc rẽ vào, chơi chán lại nhổ neo. Tàu hỏa cũng vậy..... Rồi nó nằm ngửa ra, đầu gối lên đùi anh Hoàng, rung cặp chân khăng khiu, khe khẽ hát: Ngàn trùng xa khôn ngăn anh em kết đoàn – Biên giới sâu khôn ngăn mối dây thâm tình....”* [24, tr. 37].

Anh Nhu – người anh cả của phòng trọ lại có mơ ước khác: *“Anh muốn thi vào Đại học Nông nghiệp. Tốt nghiệp kỹ sư, anh sẽ xin về nông thôn công tác. Anh sẽ nghiên cứu các giống lúa, làm sao tạo được nhiều giống lúa mới, cho năng suất cao gấp năm, gấp mười lần bây giờ để cho nước mình mau giàu, dân mình mau thoát khỏi cảnh đói nghèo. Nước mình là nước nông nghiệp. Phải bắt đầu đi lên từ nông nghiệp....”* [24, tr. 38].

Anh Hoàng thì muốn theo ngành Y. Còn Thiện, dù không nói ra, nhưng ai cũng có thể đoán được là em sẽ theo nghiệp văn chương bởi em vẫn hay lén lút viết lách và bài luận nào của em cũng được năm điểm, được thầy Luyện khen hết lời. Và còn điều làm cho mọi người ngạc nhiên đến nỗi phục Thiện là em có trí nhớ rất giỏi. Em có thể thuộc lầu lầu dù mới chỉ nghe hay chỉ xem một lần. Em luôn luôn nhớ những nhà văn lớn của nước Nga như Macxim Gorki, Ilya Erenbua... đọc đến mê mải các tác phẩm của các nhà văn Nguyên Hồng, Tô Hoài... nhớ từng chi tiết nhỏ, từng đoạn văn hay: *“Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật bình thường nhất: yêu cái cây trồng ở trước nhà, yêu dãy phố nhỏ đổ ra bờ sông, yêu vị hương chua mát của trái lê mùa thu hay mùi cỏ thảo nguyên có hơi rượu mạnh. Dòng suối đổ vào sông. Con sông đổ ra dải trường giang Vonga. Con sông Vonga đi ra biển. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.....”* [24, tr. 40].

Năm anh em với năm mơ ước khác nhau nhưng tựu chung lại vẫn là sự ngây thơ, trong sáng, đầy nhiệt huyết của tuổi trẻ. Và có lẽ không chỉ riêng năm anh em mà tất cả học sinh, sinh viên thời đó đều nuôi dưỡng trong mình những mơ ước đến cháy bỏng như vậy. Ước mơ của các em mới trong sáng, hồn nhiên và đáng quý biết bao. Dù là lựa chọn công việc gì, nghề nghiệp gì thì cái đích các em hướng tới vẫn là quê hương, đất nước, là lợi ích chung của dân tộc. Dù có thể các em chưa thực hiện được nhưng các em có quyền mơ ước. Và chính mơ ước đó sẽ là những động lực giúp các em vượt lên những

khó khăn đời thường để hoàn thành nhiệm vụ của mình theo đúng lời dạy của Bác Hồ “*Tuổi nhỏ làm việc nhỏ, Tùy theo sức của mình*”.

Sau khi cơn bão *Thép đã tôi* và *Vượt Côn Đảo* qua đi, đám học trò nghèo lại một lần nữa tiếc nuối vì là lứa tuổi sinh sau đẻ muộn, không được ra chiến trận, tham gia vào những trận đánh hào hùng đầy máu lửa nhưng cũng rất kiên cường. Đó là khi đám học sinh được xem phim *Thời thơ ấu của Macxim Gorki*. “*Tôi yêu biết bao nhiêu chú bé Aliôsa nghèo khổ nhưng tràn đầy lòng yêu con người, yêu cuộc sống. Tôi không thể nào quên được hình tượng bà ngoại đầy bao dung, anh Tsurganóc hào hiệp và bác Tốt Lắm hiền từ. Hình ảnh cuối cùng của bộ phim đầy chất biểu tượng, như một giấc mơ, như một lời kêu gọi đã cuốn hút tôi, ghi hằn trong tôi suốt đời không thể nào quên: Trên đồng cỏ lộng gió mờ mờ ẩn hiện con đường thiên lí chạy mãi đến những nơi xa tít tắp, chú bé Aliôsa – nhà văn vĩ đại Macxim Gorki tương lai – đang xăm xăm bước đi. Chiếc mũ kê pi và mái tóc dày biếng chải bị gió hất ngược lên. Tà áo rộng phần phật bay trong gió. Trên vai khoác chiếc túi vải – Aliôsa hăm hở bước ngược chiều gió thổi. Vang lên lời kêu gọi cháy bỏng: “Vào đời! Vào đời để hiến cho đời tất cả những gì tốt đẹp và nhân đạo của tâm hồn, trí óc ta!”*. Người tôi run lên. Cuộc đời lam lũ bần hàn nhưng đầy chất lãng mạn của cậu bé Aliôsa đã lôi cuốn tôi thực sự, làm cho tôi mê say thực sự. Hình ảnh nhà văn vĩ đại của tương lai đã hằn sâu trong tâm khảm tôi, lay động mãnh liệt tâm hồn tôi”. [24, tr. 65].

Phải chăng, vì quá say mê cậu bé Aliôsa – nhà văn Macxim Gorki tương lai – với khẩu hiệu thật là hào sảng “*Vào đời! Vào đời để hiến cho đời tất cả những gì tốt đẹp và nhân đạo của tâm hồn, trí óc ta!*” mà sau này cậu bé Thiện cũng đã trở thành một nhà văn lớn, nổi tiếng, nguyện suốt đời mình gắn bó với thế giới trong ngần, trong trẻo của tuổi thơ – nhà văn Trần Hoài Dương đáng kính.

Và cả cuộc đời Hoài Dương đã sống, cống hiến bằng chính chữ “tâm” trong sáng, thánh thiện của ông. Ông đã sống và viết, đã mang đến nhiều bài học quý báu không chỉ cho thế giới tuổi thơ mà ngay cả những người lớn cũng phải nhìn nhận lại mình. Để rồi khi xa lìa với cuộc đời, về với đất mẹ thân yêu, có lẽ Hoài Dương không còn gì phải tiếc nuối, như ai đó đã từng nói: *“Sau này có chết đi, thân thể có mục nát, thì trước khi nhắm mắt, ta có thể tự hào rằng: Trong đời ta, suốt hơn bốn mươi năm trời, có những kẻ cố tình làm cho tâm hồn ta hư hỏng, nhưng công trình của họ chẳng khác nào đã tràng xe cát...”* [24, tr, 64]. Chúng ta nhớ thương Trần Hoài Dương, thương tiếc một con người – một nhân cách sống cao cả, *“Chúng ta yêu mến một nhân cách, quý trọng một tài năng. Nhưng hơn cả là chúng ta yêu một người trung thực và dũng cảm. Một người đã trốn cuộc đời nhiều phức tạp để đến với tuổi thơ trong sáng, tuyệt vời và nhân hậu”*. [55, tr. 28]

2.3. Bài học cuộc sống từ nhân vật trẻ thơ

Như chúng ta đã biết, một trong những chức năng quan trọng của văn học – đặc biệt là văn học thiếu nhi – đó là chức năng giáo dục. Và các tác phẩm văn xuôi của Trần Hoài Dương cũng không là ngoại lệ. Cả cuộc đời tâm niệm viết cho thiếu nhi, cố gắng chất lọc những gì tinh túy nhất, trong ngần nhất từ cuộc sống ngồn ngồn, bề bộn để viết cho thiếu nhi. Hoài Dương mong muốn viết để đem lại yêu thương và vẻ đẹp tuyệt vời của văn chương cho trẻ thơ. Chính từ quan niệm cao cả, đầy nhân văn như vậy nên người đọc không khó để nhận ra những bài học đầy ý nghĩa mà các tác phẩm của Hoài Dương mang đến, không chỉ cho trẻ em mà còn cho cả người lớn.

2.3.1. Bài học cho thiếu nhi

Có lẽ bài học đầu tiên mà Hoài Dương muốn mang đến cho các em nhỏ đó chính là việc khơi gợi ở các em ý thức tự lập, tự giác trong học tập. Một cậu bé Thiện sớm mồ côi mẹ, phải sống xa nhà từ nhỏ, một cậu Bảo đầy tinh nghịch cũng phải xa nhà đi trọ học, và còn nhiều nhiều những em nhỏ thời kháng chiến phải xa gia đình. Các em đã rèn cho mình ý thức tự lập, tự lo cho

cuộc sống của mình. Cuộc sống của các em trong những ngày xa gia đình quả thật không dễ dàng. Nhưng bằng chính sự tự giác, các em đã nhanh chóng ổn định cuộc sống, tự lo cho bản thân. Thậm chí, cậu bé Thiện còn đi làm thêm để kiếm tiền trang trải cuộc sống. Mong muốn của em là không trở thành gánh nặng cho gia đình bởi em biết gia đình em cũng đang rơi vào hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn. Gia đình em đông con, bố không có công việc ổn định, mẹ thì chỉ ở nhà. Nhiều bữa gia đình em phải nhịn đói vì không có tiền đong gạo. Thấu hiểu được hoàn cảnh của gia đình, chưa một lần Thiện có sự đòi hỏi hay trách móc. Có lúc em còn tự trách bản thân sao mãi cứ ăn bám gia đình, cứ mãi là gánh nặng của gia đình? Tại sao em cứ bé mãi thế? Bao giờ thì mới lớn để đi làm phụ giúp bố mẹ?

Không chỉ có ý thức tự lập, các em còn luôn tự giác trong học tập. Xa gia đình, không có bố mẹ ở bên, các em ý thức được nhiệm vụ chính của các em là học tập. Thế nhưng, vì điều kiện, hoàn cảnh buộc các em phải đi làm thêm. Nhưng không phải vì vậy mà các em xao lãng việc học hành. Các em đã biết sắp xếp thời gian hợp lý, khoa học để vẫn đảm bảo việc học tập đầy đủ mà vẫn có thể đi làm kiếm thêm tiền.

Có lẽ đây sẽ là bài học quý giá cho trẻ em – đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, khi xã hội đã có nhiều biến động, phát triển. Trong thời buổi kinh tế mới, các gia đình dù chưa thật vững mạnh về kinh tế nhưng cũng cố gắng lo cho con em mình cuộc sống đầy đủ về vật chất và tinh thần. Dường như các em không biết đến thế nào là đói, là khổ, là thiếu thốn. Nhưng vô hình chung, thế hệ trẻ ngày nay trở nên lười biếng, ỷ lại nhiều hơn, và tâm lý hưởng thụ. Cũng chính vì điều này mà các em trở nên ích kỉ, nhiều khi thành vô cảm.

Một bài học cũng rất quý từ những tác phẩm dành cho thiếu nhi của Trần Hoài Dương là đã rèn luyện các em ý chí, nghị lực vươn lên trong cuộc sống. Nếu *Miền xanh thắm* là cuốn hồi kí của chính cuộc đời, tuổi thơ của Hoài Dương thì chúng ta có thể nói ông đã có một tuổi thơ “dữ dội”. Ông đã

trải qua những năm tháng tuổi thơ với những ngày tháng sơ tán, những năm trọ học xa nhà, những bữa cơm đạm bạc chỉ có rau (tự trồng) với muối. Có bữa cả nhà được đổi món, ăn sang hơn một chút với món thịt mỡ nấu canh cà chua thì kết quả cả đêm cả nhà bị “*Tào Tháo*” đuổi. Lí do thật đơn giản, mọi người ăn kham khổ lâu ngày thành quen, bụng dạ chỉ quen với rau, cà, mắm muối, nay bỗng được ăn nhiều thịt quá thành ra không quen....

Nhưng cũng chính trong những khó khăn, thử thách, thiếu thốn mà các tác phẩm của Hoài Dương giúp các em thêm hiểu, thêm yêu hơn cuộc sống ở những vùng quê còn gặp nhiều khó khăn. Thiệu đã từng rất ngạc nhiên về vùng quê của Bảo. Khi nghe Bảo giới thiệu về quê hương của mình, Thiệu tưởng tượng ra đó là một vùng quê tuyệt đẹp. Nhưng khi trực tiếp về quê của Bảo, Thiệu có chút gì đó thất vọng vì nói thật quê của Bảo không hề lung linh, huyền ảo như em kể. Ngược lại, nó còn có chút hoang sơ. Và lúc này, Thiệu mới hiểu ra rằng *“trên cùng một mảnh đất này, tôi thì đứng đưng, hầu như vô cảm, còn thằng Bảo thì yêu mê đắm vì nó có cả một quá khứ với biết bao gắn bó. Cả tuổi thơ của nó trôi qua ở đây. Những buổi lặn ngụp trong đầm sen. Những lần thả trâu trên bãi hoang. Những cuộc đánh trận giả bươu đầu sứt trán. Những đêm trăng thanh nằm mơ mộng đếm sao trời và nghe mẹ kể về đàn gà vàng kì ảo...”*[24,tr.58].

Vậy đây, tình yêu quê hương đất nước không phải là cái gì quá xa xôi, trừu tượng. Nó đơn giản là yêu chính làng quê của mình, yêu những cảnh vật trở nên thân thuộc, thân thương của nơi đã sinh ra và nuôi ta lớn lên. Và bản thân Thiệu cũng đã rút ra được rất nhiều bài học quý báu từ chính tình yêu làng quê của Bảo. Cậu bé tưởng chừng rất vô tư, hồn nhiên, không quan tâm đến mọi người, mọi việc xung quanh, suốt ngày chỉ lo bày trò nghịch ngợm, quậy phá. Ai ngờ cậu lại có tình yêu quê hương mãnh liệt đến thế?

Bài học về tình yêu làng quê, yêu đất nước, mong muốn cống hiến cho đất nước của Bảo càng trở nên có ý nghĩa với giới trẻ ngày nay – những mầm

non, tương lai của đất nước. Đúng như lời của Bác Hồ đã từng căn dặn: Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang, sánh vai cùng các cường quốc năm châu hay không là nhờ công học tập của các cháu....

Đặc biệt, các tác phẩm của Trần Hoài Dương còn giúp các em trân quý tình bạn bè, tình thầy cô, tình người ấm áp. Có thể nói, chính trong hoàn cảnh khó khăn, vất vả, lam lũ thì tình người càng ấm áp hơn bao giờ hết. Trong *Miền xanh thắm* chúng ta dễ dàng nhận thấy tình thầy trò thật ấm áp. Đó là sự quan tâm của Thầy Tín, cô Luyến... dành cho đám học trò nghèo của mình, trong đó có Thiện.

Bên cạnh đó, chúng ta cũng cảm nhận được tình cảm anh em, bạn bè thắm thiết giữa năm anh em trong phòng trọ nghèo. Phải chăng, cũng chính vì nghèo mà mấy anh em biết yêu thương nhau nhiều hơn, biết chia sẻ cho nhau những niềm vui, nỗi buồn, những khó khăn trong cuộc sống. Qua đó, càng làm sáng hơn, ấm hơn tình người ấm áp, đầy yêu thương.

2.3.2. Bài học cho người lớn – Những đứa trẻ thơ trong quá khứ

Đến với thế giới thiếu nhi, lựa chọn trẻ thơ là đối tượng phản ánh. Tuy nhiên, các tác phẩm của Trần Hoài Dương không chỉ hướng đến đối tượng trẻ thơ, chỉ dành cho trẻ em đọc và mang lại những bài học cho trẻ thơ. Điều khá thú vị là các truyện của Hoài Dương còn hướng đến và trở thành món quà quý giá cho người lớn, đặc biệt là những ai có mối quan tâm, yêu quý, gần gũi và gắn bó với thiếu nhi.

Đứng trên cương vị là một người cha, mong muốn những điều tốt đẹp nhất dành cho con, qua những tác phẩm của mình, Hoài Dương cũng muốn chia sẻ với các bậc phụ huynh về cách nuôi dạy con cái, giúp các bậc cha mẹ nắm bắt được tâm lí trẻ nhỏ, hiểu hơn tâm lí của trẻ thơ để có những biện pháp hiệu quả hơn trong việc giáo dục con cái.

Bằng chính những câu chuyện giản dị với những chi tiết nhỏ nhặt và rất đời bình thường, Hoài Dương muốn nhắn nhủ với các bậc phụ huynh cũng

như những người lớn rằng để giáo dục trẻ em, người lớn và cha mẹ không chỉ cần hiểu tâm tính, đặc điểm lứa tuổi và sẻ chia với trẻ em, không những sẵn sàng làm một người bạn lớn của các em mà còn cần làm gương cho các em.

Yêu thương con trẻ bằng cả tấm lòng, hiểu, chia sẻ, dịu dặt, định hướng cho các em trong cuộc sống, những điều đó sẽ phát huy tác dụng khi giáo dục trẻ em. Trẻ em cần được yêu thương, cần được chăm sóc, cần được dạy dỗ bằng những phương pháp phù hợp. Và điều quan trọng Hoài Dương muốn nhấn nhủ với người lớn: trẻ em cũng cần được tôn trọng, đồng thời hãy luôn nhìn trẻ em bằng đôi mắt và tấm lòng bao dung độ lượng. Cách người lớn đối xử với trẻ nhỏ cũng sẽ là một tấm gương, một yếu tố tác động đến nhân cách, đến cách ứng xử của các em sau này. Trần Hoài Dương không chỉ hiểu và yêu quý trẻ thơ mà ông đã nhìn trẻ thơ bằng tấm lòng đầy nhân ái và sự tôn trọng thật sự. Do đó, các tác phẩm của Hoài Dương cũng đã định hướng cách giáo dục phù hợp cho các bậc phụ huynh.

Tiểu kết chương 2:

Từ phương diện nội dung, Trần Hoài Dương đã xây dựng thế giới nhân vật trẻ thơ khá đa dạng về tính cách. Đó là những em bé trong mối quan hệ với hoàn cảnh sống. Dù cuộc sống còn nhiều khó khăn, vất vả, lam lũ nhưng ngời sáng trong tâm hồn các em là nhân cách cao thượng và cuộc sống ấm áp tình người. Đó còn là những em bé có tâm hồn thanh khiết, trong sáng, giàu lòng nhân ái, giàu lòng ước mơ, khát vọng trong mối quan hệ với chính mình. Chính sự trong ngần trong tâm hồn trẻ thơ đã để lại cho chúng ta rất nhiều bài học quý báu trong cuộc sống. Không chỉ đơn giản là những bài học cho trẻ em, những đứa trẻ luôn hiểu động với những trò tinh nghịch của tuổi thơ nhưng cũng rất giàu tình cảm. Đó còn là những bài học cho những người lớn – những đứa trẻ thơ trong quá khứ. Chính người lớn cũng có những lúc cần phải nhìn nhận lại chính mình trong cách cư xử của trẻ nhỏ và với trẻ thơ.

Chương 3: THỂ GIỚI NHÂN VẬT TRẺ THƠ TRONG SÁNG TÁC VĂN XUÔI CỦA TRẦN HOÀI DƯƠNG NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN NGHỆ THUẬT

3.1. Khái quát về nghệ thuật xây dựng nhân vật

3.1.1. Khái niệm nhân vật

Từ trước tới nay đã từng tồn tại nhiều cách định nghĩa khác nhau về nhân vật văn học. Tuy nhiên, trong khuôn khổ nhỏ hẹp của luận văn này, chúng tôi xin dẫn ra một số quan niệm về nhân vật văn học như sau:

Hiểu theo nghĩa rộng, “*Nhân vật*” là khái niệm không chỉ dùng trong văn chương mà còn ở nhiều lĩnh vực khác. Theo *Từ điển Tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên thì khái niệm nhân vật được hiểu theo hai nghĩa:

Thứ nhất, nhân vật là đối tượng (thường là con người) được miêu tả, thể hiện trong tác phẩm văn học.

Thứ hai, đó là người có một vai trò nhất định trong xã hội, đời sống nghệ thuật lẫn đời sống sinh hoạt hàng ngày..... Nhưng trong phạm vi nghiên cứu của khóa luận, chúng tôi chỉ đề cập đến khái niệm nhân vật theo nghĩa thứ nhất mà bộ *Từ điển Tiếng Việt* định nghĩa, tức là nhân vật trong tác phẩm văn chương.

Giáo trình *Lí luận văn học* do Phương Lựu chủ biên đã nêu lên định nghĩa về khái niệm nhân vật văn học: “*Nói đến nhân vật văn học là nói đến con người được miêu tả, thể hiện trong tác phẩm bằng phương tiện văn học. Đó là những nhân vật có tên như Tấm, Thạch Sanh, Thúy Kiều..... đó là những nhân vật không tên như thằng bán tơ, Mụ nào đó trong Truyện Kiều của Nguyễn Du... đó là những con vật trong truyện cổ tích, đồng thoại, thần thoại, bao gồm cả quái vật lẫn thần linh, ma quỷ, những con vật mang nội dung, ý nghĩa con người... Khái niệm nhân vật có khi chỉ sử dụng một cách ẩn dụ, không chỉ một con người cụ thể nào mà chỉ một hiện tượng nổi bật*

trong tác phẩm. Nhân vật văn học là một hiện tượng nghệ thuật ước lệ, có những dấu hiệu để ta nhận biết” [37, tr.277].

Trong giáo trình *Lí luận văn học* do Hà Minh Đức chủ biên, các tác giả lại cho rằng: “Nhân vật văn học là một hiện tượng nghệ thuật mang tính ước lệ, đó không phải là sự sao chụp đầy đủ một chi tiết biểu hiện đầy đủ của con người mà chỉ là sự thể hiện con người qua những đặc điểm điển hình về tiểu sử, nghề nghiệp, tính cách.... Và cần chú ý thêm một điều: Thực ra khái niệm nhân vật thường được quan niệm với một phạm vi rộng lớn hơn nhiều, đó không chỉ là những con người, những con người có tên và không tên, được khắc họa sâu đậm hoặc chỉ xuất hiện thoáng qua trong tác phẩm, mà còn có thể là sự vật, loài vật khác ít nhiều mang bóng dáng, tính cách con người.... cũng có khi đó không phải là những con người, sự vật cụ thể, mà chỉ là một hiện tượng về con người hoặc liên quan đến con người, được thể hiện nổi bật trong tác phẩm” [26, tr.126].

Trong cuốn *Từ điển văn học*, khái niệm nhân vật còn được trình bày sáng rõ với nội dung cơ bản giống với cách định nghĩa trong cuốn *Lí luận văn học* do Phương Lựu chủ biên: “Nhân vật văn học là con người cụ thể được miêu tả trong tác phẩm văn học. Nhân vật văn học có thể có tên riêng (Tám, Cám, chị Dậu, Anh Pha) cũng có thể không có tên riêng. Khái niệm nhân vật văn học có khi được sử dụng như một ẩn dụ, không chỉ một con người cụ thể nào cả, mà chỉ một hiện tượng nổi bật nào đó trong tác phẩm.... Nhân vật văn học là một đơn vị đầy tính ước lệ, không thể đồng nhất nó với con người có thật trong đời sống” [37, tr.235].

Như vậy, các nhà nghiên cứu lí luận văn học bằng cách này hay cách khác khi định nghĩa nhân vật văn học vẫn căn bản gặp nhau ở những nội hàm không thể thiếu của khái niệm này:

Thứ nhất, nó phải là đối tượng mà văn học miêu tả, thể hiện bằng phương tiện văn học. Thứ hai, đó là những con người hoặc những con vật, đồ

vật, sự vật, hiện tượng mang linh hồn con người, đó là hình ảnh ẩn dụ về con người. Thứ ba, đó là đối tượng mang tính ước lệ và có tính cách điệu so với đời sống hiện thực bởi nó đã được khúc xạ qua lăng kính chủ quan của người nghệ sĩ.

Đối với mỗi nhân vật văn học thì tính cách được coi là đặc điểm quan trọng nhất, là nội dung của mọi nhân vật văn học. Đôxtôiépki cũng từng khẳng định: “*Đối với nhà văn, toàn bộ vấn đề là ở tính cách*”. Tính cách có ý nghĩa rất lớn như vậy nên trước kia một số giáo trình Nga đã gọi tính cách là nhân vật. Ở đây, cần hiểu tính cách là phẩm chất xã hội lịch sử của con người thể hiện qua các cá nhân gắn liền với phẩm chất tâm sinh lí của họ. Tính cách cũng là nhân vật nhưng là nhân vật được thể hiện với một chất lượng và nghệ thuật cao hơn, tuy chưa đạt tới mức độ là điển hình và tính cách cũng là tự nó bao hàm những thuộc tính có nét cụ thể, độc đáo của một con người cá biệt nhưng mang lại cả những nét chung, tiêu biểu cho nhiều người khác ở một mức độ nhất định đồng thời cũng có một quá trình phát triển hợp với logic khách quan của đời sống.

Như vậy, nhân vật có hạt nhân tính cách. Trong tác phẩm văn chương, có nhân vật được khắc họa tính cách nhiều hay ít nhưng cũng có những nhân vật không được khắc họa tính cách.

3.1.2. Vai trò của nhân vật

Có thể nói rằng, nhân vật văn học chính là hình ảnh thu nhỏ của con người trong đời sống. Dưới lăng kính chủ quan của nhà văn, tính cách nhân vật được nhào nặn ở mức độ nào đó, nhân vật sẽ trở thành hình tượng về con người và cao hơn, nếu tính cách được khắc họa ở những nét điển hình thì nhân vật sẽ trở thành điển hình của con người. Theo Bêlinxki, “*nhà triết học tư duy bằng phép tam đoạn luận, còn nhà thơ tư duy bằng hình tượng cụ thể của một bức tranh*”. Nói rộng ra tức là văn học phản ánh cuộc sống bằng hình tượng, bằng những nhân vật cụ thể. Do đó, chức năng đầu tiên, trọng yếu nhất

của nhân vật là làm phương tiện để nhà văn khái quát hiện thực. Văn học không thể thiếu vắng nhân vật bởi vì chỉ có thể qua nhân vật nhà văn mới thể hiện nhận thức của mình về xã hội, về con người với những đặc điểm về số phận, tính cách của nó. Nhân vật chính là người dẫn dắt người đọc vào một thế giới riêng của đời sống trong một thời kì lịch sử nhất định.

Tính cách nhân vật có vai trò đặc biệt quan trọng đối với cả nội dung và hình thức của tác phẩm văn học. Về nội dung, nhân vật với tính cách của nó đã trở thành phương tiện để thể hiện tư tưởng của tác phẩm. Nó có nhiệm vụ cụ thể hóa sự thực hiện chủ đề, tư tưởng tác phẩm, tức thông qua sự vận động và mối liên hệ giữa các tính cách, người đọc sẽ đi đến một sự khái quát hóa về nhận thức tư tưởng. Về mặt hình thức, nhân vật với tính cách của nó đã quyết định phần lớn các yếu tố của hình thức như kết cấu, các biện pháp nghệ thuật, lời nói nghệ thuật... Bàn về luận điểm này, Hêghen cũng từng khẳng định: *“Tính cách là điểm trung tâm của mối quan hệ nội dung và hình thức”*. Ta cũng cần lưu ý rằng: Tính cách nhân vật mang tính lịch sử, nghĩa là tương ứng với mỗi thời đại lịch sử, các tính cách được tôn vinh hay coi nhẹ khác nhau, có thể thời đại này tính cách được tôn sùng nhưng thời kì sau thì không.

Trên đây là một số vai trò, chức năng cơ bản của nhân vật trong tác phẩm văn chương. Và dường như ở bất cứ tác phẩm văn học nào cũng hội tụ đầy đủ vai trò, chức năng cơ bản đó của nhân vật.

3.2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật trữ thơ trong sáng tác văn xuôi của Trần Hoài Dương

3.2.1. Nghệ thuật miêu tả ngoại hình

Có thể nói, điểm độc đáo đầu tiên trong nghệ thuật xây dựng nhân vật trữ thơ trong văn xuôi của Trần Hoài Dương là nhà văn chú trọng việc miêu tả ngoại hình của nhân vật: khuôn mặt, dáng đi,... với giọng điệu dí dỏm, hài

hước. Mỗi một nhân vật trong tác phẩm của ông đều có một vẻ ngoại hình riêng.

Trong *Miền xanh thẳm*, nếu như Thiện có vẻ mảnh dẻ, trắng trẻo, có phần nhút nhát thì Bảo to con, da ngăm đen, tay chân sần chắc. Sự khác nhau về ngoại hình cũng dẫn đến sự khác nhau khá lớn về tính cách của nhân vật. Với sự mảnh dẻ, trắng trẻo nên Thiện khá nhút nhát. Mặc dù mồ côi mẹ từ nhỏ, phải sống xa gia đình khá lâu, nhưng Thiện vẫn có vẻ gì đó e dè, lo sợ. Đi đâu em cũng e ngại, không mạnh mẽ, xông xáo. Và niềm đam mê của em là đọc sách. Có thể nói, em đã đọc gần như hết các đầu sách mà Thư viện của tỉnh Bắc Giang có được. Và khi chưa đủ tuổi làm thẻ thư viện, em đã nhờ các anh chị lớn tuổi mượn hộ rồi lén đọc ngoài hành lang. Khi bị phát hiện, em đã giúp đỡ cô thủ thư để được tạo điều kiện đọc sách. *“Tôi tranh thủ đọc được không biết bao nhiêu là sách. Sách hay cạn dần. Tôi đọc cả những cuốn sách tầm tầm của các tác giả ít tên tuổi.... Dần dà, số sách ở thư viện không thỏa mãn được tôi. Tôi thường xuyên ra hiệu sách nhân dân.... Tâm hồn tôi đẹp thêm lên biết bao nhiêu nhờ những trang sách chứa chan lòng yêu thương.....”*[24, tr.42].

Và quả thật, tâm hồn bé Thiện đẹp hẳn lên. Em bắt đầu mơ mộng và viết. Em thể hiện tình yêu của mình với sách, với văn chương. Qua những trang sách và những trang văn, em thấy thêm gắn bó với mảnh đất quê hương, thấy yêu hơn anh em bạn bè. Và đặc biệt, thấy yêu lắm thiên nhiên, khung cảnh Hà Nội – nơi lưu giữ biết bao kỉ niệm tuổi thơ của em. Và có lẽ cũng chính nhờ những trang sách, trang văn mà tâm hồn em dễ rung động đến vậy.

Mãi sau này khi lớn lên, Thiện mới cảm nhận được là trong đời có hai vùng đất mà em chịu ơn sâu nặng, hai vùng đất đã in hẳn trong em những kỉ niệm khó phai mờ, đó là Bắc Giang và Hà Nội. Bắc Giang đã nuôi Thiện gần suốt cả thời thơ ấu và niên thiếu nên đã để lại trong em ấn tượng khá mạnh về thiên nhiên với những cảnh sắc miền trung du đầy mê hoặc. *“Những triền đồi*

thoai thoải, những con đường mòn son đỏ ẩn hiện giữa những bụi sim mua, những làn gió heo may rải đồng, những cây sau sau thân trắng mốc, là vàng chanh run rẩy trong gió lạnh, những cánh bãi miên man những cây chè đồng, cây chổi sể hoa vàng có mùi bạc hà thơm mát, những chân trời xa tím tắp....”[24, tr.125].

Còn Hà Nội mang lại cho em ánh sáng của học thực, trí tuệ, nét tài hoa, tâm hồn tinh tế, lịch lãm. Nỗi nhớ của Thiện dành cho Hà Nội đầu tiên là những con đường tuyệt đẹp. Như đường Lý Thường Kiệt đẹp vô cùng. *“Hai bên đường toàn là cây com nguội cổ thụ. Đường phố lớn, hè phố rộng, cây được vươn mình lên hết mức, cây nào cây nấy bẻ thế, uy nghi, phô hết dáng vẻ từng trái của mình”* [24, tr.123].

Vừa ngoặt qua đường Lý Thường Kiệt, Thiện lại phải sững sờ trước hai bờ cây óng vàng. *“Gió nhè nhẹ thổi. Tiếng lá xào xạc, hơi khô và sắc chừ không mềm mượt như dạo mùa xuân lá non. Thình thoảng một làn gió mạnh lướt qua, lá cuốn bay lên, chùng chiêng chao lượn mãi mới chịu rơi xuống lá tả. Xen kẽ giữa những vòm vàng rực là một vài cây đã rũ hết lá. Đó là những cây nhạy cảm với thời tiết, lá vàng sớm và rụng sớm. Những cây này lại có một vẻ đẹp riêng. Nổi lên trên nền trời xám nhạt mây phẳng lì là những cành cây trơ trụi màu hung nâu. Cành cây com nguội mảnh dẻ, li ti lẫn tẩn nhiều nhánh nhỏ nên khi lá vàng rụng hết, vòm cây lại có một vẻ đẹp mờ ảo, mông lung như khói. Đây đó, trên một vài cành trơ trụi còn để lộ ra những búi cây ỏ gà lá xanh đậm, trong xa ngỡ những tổ chim. Cái giống cây com nguội này đẹp cả bốn mùa. Mùa thu, mùa đông thì thế. Mùa xuân lại đẹp một cách nồn nà. Các nhánh cành trơ trụi suốt cả mùa đông, đến khi có mưa xuân rỉ rả thấm dẫm đất đai, đầm đìa cây cỏ, các cành cây ảm ướt thấm đen lại, từ các nách lá cũ bắt đầu trồi ra các nanh mầm xanh sáng bé xíu. Chỉ vài ba ngày sau, các nanh mầm nở bung ra một màu xanh mơ hồ, như có như không, như mơ như thực. Rồi màu xanh hiện hình dần trong làn mưa bụi, nồn nà như*

ngọc, xanh mượt màu cỏm non. Thật là hạnh phúc được đi dưới những vòm lá xanh non ấy, nghe tiếng lá lay động một cách dịu dàng....” [24, tr.123].

Tâm hồn em thật nhạy cảm, tinh tế. Nhờ những trang sách và cũng qua những trang sách mà em cảm nhận thiên nhiên, sự vật một cách tinh tế, tỉ mỉ đến vậy. Nhưng dường như sẽ là không đủ nếu như em thiếu đi những kiến thức thực tế. Vì chỉ mãi mê với những trang sách, say mê đọc sách hay vì điều kiện, hoàn cảnh mà em ít có điều kiện trải nghiệm thực tế cuộc sống? Chính vì vậy mà đã hai lần em suýt chết: *“Một lần nọ tôi suýt chết đuối khi đi vớt củi trên sông, rồi một lần suýt chết rét khi đi mò bắt cá công”*. Với các nhà văn lớn thì em có thể đọc lâu lâu tiểu sử của các ông, nhưng ngược lại em không biết bơi. Cơ thể em mảnh dẻ, yếu ớt nên việc lội và ngâm quá lâu trong bùn trong mùa rét ướt là quá sức với sức đề kháng của em.

Hoàn toàn ngược lại với Thiện, Bảo có vẻ khỏe mạnh, vạm vỡ và từng trải hơn. Sự từng trải của Bảo không phải qua các trang sách nữa mà là bằng chính thực tế tuổi thơ của em. Là một đứa trẻ nông thôn, có lẽ Bảo cũng như bao trẻ em khác. Em to con, da ngăm đen, tay chân sần chắc. Nhưng ở Bảo còn có sự lanh lợi, tinh quái. Phải nói em như một cuốn bách khoa toàn thư về các trò chơi của trẻ con và rất sành sỏi trong nhiều việc.

Việc đầu tiên khiến mọi người nể phục Bảo là tài bắt cá, bắt ốc của em. *“Cả dòng mương dài thế này thì bắt sao được cá? Phải khoanh vùng nó lại. Ta lấy đất, lấy bùn và cỏ rong đắp hai bờ chắn ngang dòng mương tạo thành một cái chuôm nhỏ, cá chạy đàng trời! Tha hồ bắt!”*. Và quả đúng như lời Bảo, bọ cá sặc bùn, đờ đẫn như lũ mất hồn, nằm im thín thít dưới các lót chân.

Sau bắt cá là bắt ốc. Có lần đi qua xưởng cưa, Bảo đã lén lao mấy tấm ván xẻ xuống ao để cho bọ ốc bám vào và sau đó chỉ việc vớt tấm ván lên và lấy ốc mang về. Việc tưởng chừng rất đơn giản nhưng ít trẻ em nghĩ được. Có thể nói, Bảo là ông vua của những *“tài lẻ”*. Bằng chính tuổi thơ của mình,

Bảo đã biết không biết bao nhiêu trò nghịch ngợm. Những trò chơi của trẻ em nhưng qua đó cũng cho thấy được sự thông minh, nhanh trí, lanh lợi của Bảo.

Bảo khỏe. Em có thể vùng vẫy, chơi đùa hàng giờ dưới nước. Rồi giữa mùa đông rét mướt, em có thể ngâm dưới bùn để bắt cá “cóng” mà không sao. Ngoài ra, em cũng rất khéo và tình cảm. Chỉ bằng một quả trứng vịt “mót” được ngoài đồng mà em đã chế biến bằng sự khéo léo của mình để cả nhà năm người ai cũng có một phần với bí quyết rất đơn giản: “*Nồi com sôi, nó chắt đầy một bát nước com đặc, đập quả trứng vào, khuấy đều lên rồi để trong nồi com, đậy kín vung lại. Com chín, món trứng đặc biệt của nó cũng ngon lành*”.

Bảo cũng là người sống rất tình cảm. Bảo rất quý Thiện, đi đâu Bảo cũng muốn đi với Thiện. Dường như trong mắt Bảo, Thiện thật nhỏ bé nên cần bảo vệ. Sau vụ bắt cá “cóng”, Thiện bị ốm. Mọi người chăm sóc em rất chu đáo, trong đó có cả Bảo. Em đã làm thay Thiện những việc bên nhà ăn, chăm sóc cho Thiện, đi bắt ếch, chạch, chim sẻ về bồi dưỡng thêm cho em. Có buổi, Bảo lang thang cả buổi chiều ngoài đồng mong nhặt được quả trứng do con vịt nào đẻ rơi để về bồi dưỡng thêm cho Thiện nhưng không có. Kết quả là không kịp làm bài tập và sáng hôm sau, Bảo xơi gọn một con ngỗng, tất cả cũng chỉ vì quá thương Thiện mà thôi.

Đến với *Cuộc phiêu lưu của những con chữ*, chúng ta sẽ được chứng kiến cuộc phiêu lưu, khám phá ra rất nhiều điều mới mẻ của chữ A. Nhưng qua đó, chính chữ A và người đọc sẽ có những bài học thật quý báu.

Chữ A đã rất tự tin giới thiệu về bản thân: “*Tôi là một con chữ chì ở nhà in. Tên tôi là A. Từ lâu đã nổi tiếng, hễ nhắc đến tên ai cũng biết*”. Và chữ A cũng tự hào về vai trò của mình: “*Hàng năm, cứ đến ngày khai trường, hàng triệu trẻ em khắp nơi bao giờ cũng phải làm quen với tôi trước tiên. Tôi đứng đầu bảng chữ cái nước ta. Trong bảng chữ cái của nhiều nước trên thế giới, tôi cũng là chữ được người ta trân trọng xếp ở hàng đầu....*”[19, tr.8].

Và có lẽ vì quá đánh giá cao vai trò của bản thân, kèm theo một chút ích kỷ cá nhân mà chữ A đã làm một chuyến du lịch theo cách riêng của mình: *“Tôi quyết định ra đi. Sống quanh ở nhà mãi, chán lắm. Khổ nhất là bị gò bó, lúc nào cũng phải sống trong một trật tự, mất hết thoải mái. Bạn bè chẳng ai hiểu tôi. Họ không đánh giá hết vai trò quan trọng loại A của tôi. Chữ A thì bao giờ cũng phải được ưu tiên đứng ở hàng đầu. Họ không hiểu điều đơn giản ấy, nhiều lúc cứ nhét tôi vào giữa, thậm chí là cuối hàng chữ. Đã thế, cô thợ xếp chữ lại đứng về phe họ, hễ tôi vừa trồi lên đứng đầu hàng, là cô lại gấp tôi, nhét trở lại chỗ cũ”*[19,tr.6]. Cảm thấy bức tức, không hài lòng và chữ A quyết định: *“Phải bỏ đi thôi! Tôi sẽ tìm bằng được cung điện ánh sáng và cuốn sách Ước. Tôi sẽ ước được sống một mình, muốn làm gì, muốn ở đâu là tùy theo ý mình. Tôi sẽ bí mật lên đi”*[19,tr.6].

Áp ủ hoài bão tìm được Cung điện ánh sáng và cuốn sách Ước để *“mời các nhà báo đến họp để công bố kết quả cuộc thám hiểm”* và rồi sẽ được mọi người ca ngợi hết lời: *“Nào là: Một thành tích kì diệu: Ông A một mình tìm ra cung điện Ánh sáng. Nào là một mình ông A đã lập được nhiều chiến công lẫy lừng”*[19,tr.8]. Và rồi chữ A đã lên đường để thực hiện mơ ước của mình.

Và cuối cùng chữ A cũng đã thực hiện được ước mơ của mình, đã tìm được Cung điện Ánh sáng: *“...một cung điện vàng rực vô cùng lộng lẫy...”*. Không để mất cơ hội quý báu, chữ A nhanh chóng lao tới nhưng cũng không quên ngoái nhìn phía sau, đề phòng có kẻ tranh mất tòa lâu đài của mình. *“Tôi như phát cuồng lên, vừa sung sướng vừa lo sợ. Hai chân tôi ríu vào nhau. Cuốn sách Ước đã mở ra, sáng lấp lánh. Nhiều chữ ào lên sát cạnh tôi. Tôi dang tay ra ngăn chúng lại, gạt phắt chúng đi, túm lấy chúng mà lẳng ra xa. Vừa gạt, tôi vừa hét: “Của tôi! Của tôi!”. Và thừa lúc mọi người đang tán loạn chạy, chữ A đã nhanh nhẹn thu mình lại, dòn hết sức và bật vào giữa trang sách và gào thật to: “Ước gì tôi được sống một mình! Chỉ một mình tôi thôi! Của tôi! Của tôi! Cuốn sách ước của tôi!”. Và “câu được ước thấy,*

cuốn sách cứ lớn dần, lớn dần và chỉ mình tôi ngồi chễm chệ trên đó. Nhìn các chữ khác đang đứng ngẩn ngơ phía dưới những đôi mắt đầy thèm muốn, tôi sung sướng quá, cười ha hả rất sáng khoái. Trang sách cứ trải rộng mãi, cuộn cuộn như những đợt sóng trải rộng mãi. Ban đầu, điều đó làm tôi rất thích thú, nhưng sau lại thấy sợ. Xung quanh tôi vắng lặng, không một tiếng chim kêu, không một tiếng cây cỏ rì rào, không một bóng người qua lại. Tất cả chỉ một màu trắng lạnh lẽo như một bãi cát chết, nhìn hút tầm mắt. Bây giờ tôi mới nhận ra điều giản dị này: một chữ A như tôi sống cô độc trên trang sách trống trải, nào có nghĩa gì! Người tôi lúc nóng hằm hạp, lúc lạnh toát. Kinh hãi quá, tôi hốt hoảng kêu thét lên....”[19,tr.16].

Chữ A giật mình tỉnh dậy, may mà đó chỉ là một giấc mơ. Và rồi chữ A tự nhận ra được bài học quý báu mà bác P đã nói với em: “Ở cái miền có Cung điện Ánh sáng ấy người ta sống sung sướng thật, ở đây có những tòa lâu đài đồ sộ, mọi người sống sung túc, ai cũng được học hành... Nhưng đó vẫn chưa phải là điều hạnh phúc nhất. Điều hạnh phúc chính là ở đó người ta sống với nhau rất tốt, ai cũng trung thực, ai cũng đem hết sức mình ra làm việc, và mọi người hết lòng yêu thương nhau, luôn lo lắng quan tâm đến nhau” [19,tr.12].

Ấy vậy mà chữ A “mơ ước đến Cung điện Ánh sáng nhưng lại chỉ muốn cho riêng mình được sung sướng. Cháu bỏ mặc bạn bè. Thử hỏi, nếu ai cũng như cháu, ai cũng chỉ nghĩ đến riêng mình thôi thì sẽ ra sao?”[19,tr.12].

Cô Sách giáo khoa đã nói thay những suy nghĩ của những con chữ: “Chúng ta không đi tìm Cung điện kì diệu ấy ở đâu xa lạ cả, mà chúng ta sẽ tự xây trên quê hương mình những cung điện đẹp đẽ như thế và hơn thế nữa. Ngày mai đây, khắp đất nước, những nhà máy hiện đại, những nông trường bát ngát sẽ xuất hiện ngày một nhiều. Anh em chữ chúng tôi sẽ được sống trong những nhà máy in tối tân nhất. Sách báo khi ấy sẽ được in bằng những máy tự động rất nhanh chóng, giấy in lúc ấy sẽ rất trắng, rất dày, bìa sẽ bọc

vải sơn hoặc bằng da thuộc, gáy in chữ mạ vàng và đặc biệt là những quyển sách của trẻ em sẽ được ưu tiên in bằng những loại giấy tốt nhất, có rất nhiều tranh ảnh màu. Khi ấy chúng ta cũng chẳng cần những cuốn sách Ước tưởng tượng nào. Tự chúng ta sẽ làm nên những cuốn sách thật hay, chứa đựng tất cả những hiểu biết thông thái của dân tộc và loài người. Đó thật sự là những “Cung điện Ánh sáng” của loài chữ....”[19,tr.23].

Như vậy, từ việc khám phá bề nổi, vẽ hình thức của nhân vật, nhà văn đi sâu khám phá thế giới nội tâm của nhân vật, tìm ta vẻ đẹp tiềm ẩn còn giấu kín.

3.2.2. Nghệ thuật miêu tả tính cách, hành động của nhân vật

Các nhân vật của Trần Hoài Dương luôn luôn di động. Chúng hành động từ khi xuất hiện đến lúc kết thúc tác phẩm. Một điểm làm nên sự khác biệt giữa trẻ con và người lớn: nếu người lớn luôn suy nghĩ trước sau, có sự suy xét trước khi làm hay hành động thì trẻ con “nghĩ là làm” mà không cần phải đắn đo hay toan tính.

Nhân vật Bảo trong *Miền xanh thắm* có thể được coi là một cậu bé cá tính, đầy dũng cảm. Trong phòng trọ có ba đứa trẻ ngang tuổi nhau: Thiện, Bảo, Nam thì Bảo là đứa có đầu óc “phá phách” hơn cả, nó luôn nghĩ ra những trò chơi mới để làm cho cuộc sống có ý nghĩa và bớt nhàm chán hơn. Và có thể nói, Bảo thật sự là một đứa trẻ thông minh, nhanh trí và có chút tinh quái.

Trong hoàn cảnh kinh tế khó khăn, phòng trọ còn nhiều thiếu thốn, Bảo rủ Thiện đi vớt củi rêu trên sông Thương, “vừa có củi đun nấu, đỡ phải xin rơm rạ của bà Muộn”. Và buổi đi vớt củi trở thành kỉ niệm khó quên của hai bạn nhỏ. Cuộc kiếm củi nhanh chóng thành cuộc thủy chiến của Bảo và Thanh, còn mấy đứa bên cạnh thì “reo hò cổ vũ”. Thiện là đứa bơi dờ nhất trong nhóm bạn nhưng Bảo cũng không tha. “Nó nhòai người về phía tôi.

Chợt nó mất hút. Tôi còn đang ngơ ngác tìm kiếm thì đột nhiên nó đã trôi lên ngay sát cạnh tôi, cười sằng sặc”. Và Bảo lôi Thiện đi phăng phăng ra xa. Mặc cho Thiện hoảng sợ, van vỉ, Bảo vẫn bỏ qua, cố tình đùa dai. Mãi cho đến khi thấy mặt Thiện trắng bệch và thằng Thanh hét lớn thì Bảo mới dìu em vào bờ và nó lại vùng vẫy với những trò chiến trận và con sóng.

Chưa hết, sự tài lanh của Bảo còn được thể hiện trong những buổi đi bắt cá, bắt ốc, ếch... Và phải nói Bảo thực sự có tài trong lĩnh vực này “*Nhìn hang nào có cua, có ếch nó biết ngay chứ không rù rờ như thằng Nam và tôi*”.

Bên cạnh việc thể hiện nhân vật của mình qua những nét tính cách nổi bật, Hoài Dương còn tô điểm nhân vật bằng một hành động đặc trưng. Nếu như anh Nhu đóng vai trò anh cả của phòng trọ, luôn thể hiện sự quan tâm, chăm sóc tới các em, lo toan, tính toán tất cả mọi việc. Thiện được coi là cậu bé mọt sách. Sở thích của em là đọc sách. Em có thể thức đêm để chép cuốn sách dày hơn hai trăm trang. Em luôn thả hồn mình vào những trang sách, luôn nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cảnh vật. Thì đến Bảo, chúng ta sẽ dễ nhận ra được một cậu bé thật năng động, cá tính và rất lém lỉnh. Cậu bé có thể bày ra không biết bao nhiêu trò chơi, có thể hoạt động liên tục suốt ngày mà không thấy mệt.

Hệ thống nhân vật trong sáng tác của Hoài Dương khá phong phú và được nhà văn xây dựng bằng những thủ pháp khác nhau. Mỗi nhân vật được Hoài Dương xây dựng mang một màu sắc khác nhau. Và qua đó, tính cách của nhân vật cũng được bộc lộ một cách rõ ràng hơn bao giờ hết.

3.2.3. Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí của nhân vật

Một trong những thành công lớn của Hoài Dương khi xây dựng nhân vật là miêu tả được diễn biến tâm lí của nhân vật. Ông đã phân tích diễn biến tâm lí nhân vật trong cái nhìn đa chiều, độc đáo, làm nổi bật được tính cách,

nét đáng yêu của trẻ nhỏ. Và điều đặc biệt, Hoài Dương nắm bắt rất rõ và phân tích khá sâu sắc diễn biến tâm lí của trẻ thơ: một sự ngây thơ, hồn nhiên, đáng yêu đúng nghĩa của tuổi thơ.

Ngày chủ nhật, bé được mẹ dẫn đi chơi ở vườn hoa. Cô bé dường như rất ngạc nhiên trước khu vườn rực rỡ đầy màu sắc và hương thơm của rất nhiều loài hoa. Tâm lí trẻ con là thế? Rất háo hức với những cái mới lạ, rực rỡ sắc màu. Và khu vườn kia như là một thế giới khác hẳn với cô bé. Cô bé thốt lên: *“Sao vườn hoa đẹp thế nhỉ! Bao nhiêu là hoa..... Sao lại có bông hoa đẹp thế nhỉ?”*. Trẻ con là thế, yêu ghét đều rất rõ ràng. Với cô bé, vườn hoa như một khu vườn cổ tích. Cô bé ngạc nhiên, ngỡ ngàng rồi thấy tâm hồn bỗng xao xuyến lạ lùng. Mà không yêu sao được? Vườn hoa đẹp đến thế kia mà?

Và rồi, con mắt của cô bé dừng lại ở bông hoa dường như là đẹp nhất khu vườn – bông hồng nhung, màu hoa đỏ thắm, mùi hoa thơm mát dịu dịu, cánh hoa mịn màng, khum khum úp sát vào nhau như còn ngập ngừng chưa nở hết. Bông hoa đã nhanh chóng cuốn hút và lôi cuốn cô bé. Sự ngập ngừng như chưa nở hết của bông hoa như một lời mời mọc cô bé: *“Lại đây cô bé, lại đây chơi với tôi đi!”*. Ôi, dường như cô bé thấy hạnh phúc ngập tràn. Và suy nghĩ đầu tiên của cô bé sẽ là *“ngắt”* ngay bông hoa – để được cài lên mái tóc hoặc giấu kín đi để khoe với bạn bè. Nhưng cô bé đã bị mẹ cản lại ngay vì có tấm biển thông báo gần đó. Cô bé đánh vắn đến nửa chừng thì *“tự nhiên cảm thấy mặt nóng bừng và thôi không đọc to lên nữa”*. Đây cũng là tâm lí rất thường tình của trẻ nhỏ. Với trẻ nhỏ, khi chúng thích cái gì, muốn cái gì là muốn cho bằng được. Còn khi không được thì thấy hụt hẫng, thậm chí có chút thất vọng.

Và cũng sẽ là tâm lí của trẻ thơ khi không được đáp ứng điều mình mong muốn thì sẽ tìm mọi cách để đạt hoặc có được. Và cô bé cũng thế. Khi bị mẹ cản và khuyên không nên hái hoa, và cô cũng ý thức được là không được hái hoa bẻ cành. Nhưng biết làm sao bây giờ? Cô bé quá yêu thích bông

hoa vì bông hoa quá đẹp. Cô muốn có nó, muốn nó sẽ là của mình, để được giữ cho riêng mình và để có thể tự hào với mọi người. Và cô bắt đầu ước: “*Mẹ ơi, mẹ hãy giả vờ quay đi chỗ khác một tí, chỉ một tí thôi, để cho con ngắt bông hoa đi, mẹ!*”. Và nhân lúc mẹ không để ý, bé đã tự ý ngắt bông hoa. Vậy là không ai biết, mẹ cũng không hề biết. Cô bé đã có được bông hoa cho riêng mình. Cô bé thấy hạnh phúc, sung sướng biết bao nhiêu. Rồi khi gặp các bạn, bé nhanh chóng khoe với các bạn về “*tài sản*” riêng của mình. Và những người bạn trẻ thơ kia cũng rất háo hức khi nghe kể về bông hoa. Tất cả các em đều chăm chú như nín thở chờ bông hồng thức dậy – có lẽ bông hoa phải đẹp lắm – trong suy nghĩ của các bạn ắt sẽ là như thế?

Nhưng thật đáng tiếc, khi cô bé cầm bông hoa lên thì “*cánh đã rời ra, rơi lả tả*”. Có lẽ, với kiến thức còn rất non nớt của trẻ, cô bé sẽ không hiểu tại sao bông hồng lại bị như vậy? Em chỉ biết là ban sáng bông hồng đẹp là như thế, lung linh là như vậy, mình đã trót khoe với bạn bè. Vậy mà bây giờ nó trở thành một bông hoa héo úa. Suy nghĩ đầu tiên của em là sợ bị bạn bè cho là mình nói dối. Cô bé một lần nữa cầu cứu đến mẹ. Cũng rất thương tình với trẻ thơ, khi có chuyện gì xảy ra thì người đầu tiên các em nghĩ đến đó là mẹ. Nhưng dường như tất cả bây giờ là quá muộn. Bông hồng nhưng đã héo úa, không còn vẻ tươi đẹp, lung linh, rạng ngời nữa. Và cảm giác tội lỗi, ân hận xâm chiếm tâm hồn em. Em ân hận vì đã không nghe lời mẹ. Em có cảm giác tội lỗi khi lừa dối các bạn mà thực ra không phải là em lừa dối. Đây cũng là điều thường thấy trong tâm hồn, suy nghĩ của trẻ thơ. Trẻ con rất năng động, nhanh nhẹn nhưng cũng quên rất nhanh. Và các em thường tự rút ra được bài học cho chính mình sau khi bản thân phải trải qua một chuyện nào đó. Cô bé đã tự rút ra được bài học cho chính mình là “*sẽ luôn nghe lời mẹ khuyên*”. Vì nếu biết nghe lời mẹ từ đầu, “*có phải bây giờ các bạn con, ai cũng được trông thấy bông hồng đỏ thắm ấy rồi không?*”. [25, tr.9].

Không chỉ gắn bó và dành trọn cuộc đời cho trẻ thơ, Trần Hoài Dương còn rất yêu và dành tâm huyết không ít cho thế giới của các loài vật và cỏ cây hoa lá. Ông cũng rất yêu các con vật, thiên nhiên cảnh vật và đã dành không ít trang văn cho chúng. Và qua cảm nhận, giác quan tinh tế của Hoài Dương thì chúng cũng có tâm hồn, suy nghĩ như con người. Đặc biệt, Hoài Dương cũng đã nắm bắt được tâm lí của chúng rất chi tiết, tinh tế và sâu sắc.

Trong *Con đường nhỏ*, một khung cảnh thiên nhiên thật yên bình đã hiện ra: “*Một ngôi nhà tranh có mảnh sân nhỏ. Trước nhà là một hàng xoan mới lớn, cành mảnh dẻ, lá thưa thoáng. Liền đó là bờ giậu có dây bìm bìm leo. Bên trái nhà, ở góc vườn có một túp lều nhỏ khăng khiu mấy cọc tre*”[25,tr.99]. Một khung cảnh nông thôn thật thanh bình, yên ả với những con vật cũng rất quen thuộc, một chú gà trống tía đang rún mình lựa sức rồi nhảy lên bờ giậu cất tiếng gáy to, đồng dục: “*Ò...ó...o...o...*”. Một chú bê khoang đôi mắt còn ngái ngủ, ngơ ngác, bị chói mắt, đầu Bê rụt lại, rúc sâu vào ụ rơm, một đám muỗi nhỏ lớn vờn bay lên rồi lại lượn vòng bầu lại.

Trong khung cảnh thiên nhiên thân thuộc đó, trên cánh đồng cỏ non dầm sương, một đàn bò đang nhẩn nha ăn. Một chú bé áo gụ bạc, tay cầm cành tre nhỏ phơ phất chùm lá non. Chú bé chạy lại bên đàn bò. Đàn bò thấy chú thì mừng cuống, chen lấn nhau đến gần, miệng vẫn bồm bẻm nhai, những lá cỏ ướt còn dính trên mõm đen loáng nước. Chú thông báo cho đàn bò một tin vui mà chúng đang rất mong chờ: “*Hôm nay chúng ta sẽ đi thăm nông trường chăn nuôi bên kia núi Voi. Ở đó các anh chị bò bê của chúng ta sống rất đông đúc, vui vẻ. Ở đó có những cánh đồng cỏ được gieo trồng tươi tốt, toàn những giống cỏ ngọt mềm và thơm nức*” [25,tr101]. Cả đàn bò đều háo hức nghe chú bé nói và đang háo hức đợi đến giờ phút được đi. Chú Bê khoang cũng nhanh chóng lao đến, mong muốn được hòa nhập vào đàn bò đông đúc, được đến với nông trường bên kia núi Voi. Và tất nhiên, sẽ được thưởng thức những giống cỏ ngọt mềm, thơm nức – niềm mơ ước của tất cả các chú bò.

Không may cho Bê Khoang, mưa xuống, những chân người, chân trâu bò đi lại, bùn nhão lép nhép. Chú lách mình vào giữa đám bò với thân hình lấm bùn, chú lách đến đâu những chú bò bê khác tránh ra đến đấy. Và chú bé lại tiếp tục thông báo một tin có vẻ khá bất lợi cho Bê khoang: “*Vì hôm nay là một ngày vui nên chúng ta phải thật sạch sẽ. Chỉ những ai sạch sẽ khỏe mạnh mới được đi xa!*”. Rồi chú nhanh nhẹn cúi xuống, vừa đập đập tay vào chân trước từng con bò vừa vui vẻ hát thong thả, giọng ê a:

*Xia cá mè,
Đè cá chép,
Chân ai đẹp,
Được đi xa!
Phải ở nhà,
Ai chân xấu!*

Như những em bé ngây thơ, hồn nhiên, trong sáng, những chân bò tranh nhau giơ chân ra phía trước khoe sự sạch sẽ, lông mượt mà của mình. Trừ Bê khoang. Bởi “*chân Bê khoang bê bết bùn. Bùn bắn lên cẳng chân, lên đùi, lên bụng*”. Rồi khi những chú bò sạch sẽ được lên đường đến với một nông trường mới thì Bê khoang lững thững trở về với “*những bước đi xiêu vẹo, chậm chạp... Tiếng chân Bê bước lép nhép. Bê về túp lều, nặng nề ngã phịch xuống đồng rơm rói*”. Một sự ân hận, tiếc nuối hay buồn tủi? Có lẽ tất cả đang diễn ra trong suy nghĩ, tâm trạng của Bê khoang – chú bò bé nhỏ đáng yêu. Bê khoang nằm trong lùm rơm “*Đôi mắt to ươn ướt. Hình như Bê vừa khóc*”.

Trẻ nhỏ là thế. Khi mong ước của mình không đạt được, các em thường cảm thấy thất vọng, có chút buồn tủi, nuối tiếc. Và trong những lúc như thế, nếu có ai hỏi đến thì càng tủi thân và khóc to hơn. Bê khoang đang rất buồn. Điều em muốn là được đi chơi xa với các bạn, nhưng không được nên những thứ khác với Bê bây giờ cũng không còn thật hấp dẫn em. Ông lão thấy Bê

buồn nên đã đến bên em âu yếm: “Sao thế, Bê con? Bê ốm hử? Ông nấu cháo gạo nếp cho Bê ăn nhé! Cháo gạo nếp vừa sánh, vừa thơm....”. Nếu bình thường có lẽ Bê phải thích lắm, nhưng hôm nay Bê thấy món cháo đó chẳng đủ hấp dẫn nữa. Bê lắc đầu, “Đôi mắt buồn rười rượi. Những giọt nước mắt to, trong, từ từ chảy lặng lẽ”.

Như hiểu được tâm lí của Bê, ông đã từ từ giải tỏa tâm lí cho em. “Cặp mắt ông xa xôi. Rồi ông rủ rỉ hỏi Bê khoang:

- Thế vì sao Bê không được đi chơi xa?

Bê nức nở:

- Vì... vì...

Gà trống tía tranh lời:

- Vì chân chú ấy bản ông ạ. “Phải ở nhà, Ai chân xấu” mà!

- Thế sao chân Bê xấu?

Bê vùng vằng, giọng đầy nước mắt:

- Tại vì con đường! Con đường đáng ghét kia kìa! Nó làm cho cháu bản chân!

Bê lại tám tíc khóc. Ông lão cười. Tiếng cười trầm, ấm cúng và độ lượng. Ông xoa nhẹ đầu Bê, nói nhỏ như thủ thi:

- Thế ông hỏi Bê nhé! Vì sao con đường kia bản nào? Có phải vì Bê không yêu nó, Bê húc rào đổ, Bê làm vương rom ra đó không?

Bê thút thít khóc, dụi đầu vào đống rom. Những cọng rom vàng sáng phủ lên đầu Bê. Ông gạt những cọng rom ra, vỗ nhẹ lên mình Bê:

- Chóc nữa ông cháu ta dọn con đường trước ngõ cho sạch. Bê nhé! Dù có đi đông đi tây, đi đến tận cùng trời cuối đất chẳng nữa, bao giờ cũng phải bắt đầu đi từ con đường trước ngõ nhà mình cháu ạ. Vì thế ta phải giữ con đường đó cho sạch” [20,tr.9].

Nhẹ nhàng nhưng cũng rất sâu sắc. Ông lão đã lần lượt giải thích cặn kẽ lí do vì sao Bê không được đi chơi? Rồi lí do vì sao con đường trước ngõ

lại bản? Tất cả đều rất nhẹ nhàng, không một chút cáu giận, bực tức hay quát mắng. Năm bắt được tâm lí trẻ nhỏ - thích nhẹ nhàng và phải được giải thích đến ngọn nguồn sự việc. Và ông lão đã thành công. Bê khoang đã bị thuyết phục hoàn toàn. Bê đã hiểu ra vì sao con đường bản? Vì sao Bê không được đi chơi? Và Bê cũng tự rút ra cho mình bài học: Phải giữ gìn con đường nhỏ trước ngõ nhà mình cho sạch sẽ vì *“Dù có đi đông đi tây, đi đến tận cùng trời cuối đất chẳng nữa, bao giờ cũng phải bắt đầu đi từ con đường trước ngõ nhà mình”*[25,tr.105].

Và hôm nay, khi lại được đi thăm Đồng cỏ Hoa vàng, khi trò chơi *“xia cá mè”* bắt đầu, *“Bê đứng trong hàng vẽ cảm động và hơi e thẹn... Gió man man những túm lông trắng nõn và vàng thắm của Bê. Chân Bê run run chờ đợi”*. Khi chú bé thông thả hát đến câu: *“Chân ai đẹp, Được đi xa!”* thì vừa đúng lúc vỗ vào chân Bê khoang, nhưng hôm nay chân Bê đã rất sạch sẽ. Rồi khi cả đàn bò lông chạy trên đồng cỏ thì *“Bê khoang chạy bên cạnh hớn hờ, chân lấm líc như dúi lại, chiếc mõm đen xinh xinh ướt át còn dính cỏ”*. Có lẽ từ đây, Bê sẽ yêu hơn con đường nhỏ trước ngõ nhà mình, sẽ có ý thức giữ gìn cho con đường đó thật sạch sẽ. Và những em gài chùng sáu, bảy tuổi cũng ý thức được điều này nên đã thông thả hát:

Yêu sao con đường nhỏ,

Nguồn của mọi con đường.

Hãy giữ cho đường đó,

Không bao giờ rác vương...[25,tr108]

Lựa chọn trẻ em là đối tượng chính trong sáng tác của mình, Hoài Dương cũng đã miêu tả được những diễn biến rất chân thực mà cũng vô cùng xúc động về tình cảm anh em, bè bạn.

Trong *Miền xanh thắm*, chúng ta dễ dàng nhận thấy tình cảm giữa anh em, bạn bè thật chân thành, ấm áp. Năm anh em từ năm miền quê khác nhau với những hoàn cảnh không thật giống nhau nhưng đã cùng gặp nhau ở một

chí hướng. Trong căn nhà trọ nhỏ với cuộc sống còn quá nhiều khó khăn, thiếu thốn nhưng cũng chính từ đó mà tình người ấm áp càng tỏa sáng hơn bao giờ hết.

Đó là tình cảm của anh Nhu – người anh cả, linh hồn của cả gia đình. Luôn giữ đúng vai trò của một người anh cả, Nhu luôn yêu thương, đùm bọc các em. Nhu lo toan, tính toán mọi việc từ việc ăn ở, học hành đến cả chuyện mấy anh em làm thêm. Nhu sắp xếp mọi việc sao cho hợp lí nhất mà không ảnh hưởng đến việc học của cả nhóm. Nhu luôn dành tình yêu thương cho mọi người, chăm sóc mọi người và dành phần thiệt thòi, nặng nhọc về phía mình. Chính vì thế mà các em luôn sợ anh Nhu – không phải sợ hãi mà là sợ làm anh Nhu buồn, thất vọng. Các em đã cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ để không làm anh Nhu buồn lòng. Và các em cũng đáp lại tình cảm của anh. Khi anh Nhu bị ốm, các em đã chăm sóc anh rất tận tình, chu đáo. Tiếc là cuộc sống quá thiếu thốn, nghèo khó nên không có gì để bồi dưỡng cho anh. Nhưng có lẽ như thế cũng đã là quá đủ với Nhu.

Chúng ta còn thấy cảm động trước tình cảm của Bảo dành cho Thiện. Cái cách Bảo trò chuyện, tâm sự và đặc biệt là chăm sóc Thiện khi Thiện ốm làm chúng ta thấy thật cảm động. Thiện và Bảo không cùng quê, Bảo lớn hơn Thiện một tuổi nhưng hai đứa cùng học một lớp. Bảo to con, da ngăm đen. Còn Thiện dáng người nhỏ hơn, có vẻ yếu ớt. Có lẽ vì vậy mà Bảo luôn muốn bảo vệ cho Thiện. Đi đâu Bảo cũng muốn đi cùng với Thiện. Bảo coi Thiện như một người anh em thân thiết, em có thể vô tư kể cho Thiện nghe đủ chuyện trên trời dưới biển, chuyện gia đình, làng quê, chuyện mơ ước trong tương lai.... Bảo còn muốn dạy cho Thiện biết thêm nhiều trò chơi mới, từ chuyện bơi lội đến việc vớt củi trên sông, từ việc bắt cá “cóng” cho đến chuyện đi bắt ốc.... Thiện đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Bảo biết quá nhiều chuyện và dường như Bảo luôn là người làm việc gì cũng thông thạo. Và Thiện như bị khuất phục trước những tài lẻ của Bảo.

Điều làm Thiện ngạc nhiên về Bảo nữa là em rất yêu làng quê của mình. Với em, không có làng quê nào có nhiều cảnh đẹp và truyền thuyết như làng quê của em. Em rất yêu và luôn tự hào về điều này. Dù làng quê của em có những cảnh vật cũng rất bình dị, dân dã, thân thuộc như bao làng quê khác trên quê hương Việt Nam thôi. Nhưng qua con mắt và tâm hồn ngây thơ, trong sáng cùng với tình yêu quê hương tha thiết, Bảo đã nhìn thấy cả một thế giới thần tiên trên chính quê hương của mình.

Và Bảo đã thể hiện sự quan tâm, lo lắng, chăm sóc dành cho Thiện bằng những hành động và lời nói rất mộc mạc, giản dị nhưng cũng rất ấm áp. Những lần Thiện suýt chết đuối khi đi vớt củi rêu trên sông Thương, rồi lại suýt bị chết cồng khi đi bắt cá “cồng”, Bảo đã rất lo lắng cho Thiện, sự lo lắng, quan tâm thật sự của những người bạn nghèo dành cho nhau. Và cả những ngày Thiện bị ốm, Bảo đã rất lo lắng cho em. Mặc dù đang trong giờ học nhưng Bảo cũng tranh thủ chạy về thăm Thiện, thấy Thiện ngồi ngoài hiên, Bảo la toáng: *“Ai cho mày ra ngồi ngoài gió lộng thế, hở? Muốn chết không? Vào nhà ngay!”*. Dù quát vậy thôi chứ Thiện biết là Bảo đang rất lo lắng cho mình nên em chỉ cười xí xóa. Rồi Bảo đưa cho Thiện hai con muồm muồm đã ngắt cụt cánh và dặn với theo trước khi về lớp học: *“Mày nướng mà ăn, bỏ nhất hạng đó. Vừa bùi vừa thơm. Đang ngồi học, tự nhiên hai chú nháy vào giữa trang sách nộp mạng!... Vào nhà ngay đi, nghe chưa?”*. Vậy đấy, tình cảm của những người bạn nghèo chân thật, đáng quý là thế. Nhiều khi sự quan tâm chỉ là những hành động rất nhỏ bé, đơn giản nhưng thật ấm áp và đáng quý biết bao.

3.2.4 Ngôn ngữ

3.2.4.1. Ngôn ngữ sinh động, phù hợp với tâm lý trẻ thơ

Hoài Dương từng tâm sự: *“Tôi gắng chắt lọc từ cuộc sống ngôn ngữ, bẻ bộn những gì tinh túy nhất, trong ngần nhất để viết cho các em”*. Chính vì

vậy mà trong các trang văn của Trần Hoài Dương viết cho thiếu nhi, người đọc dễ dàng nhận thấy một lớp ngôn từ.

Có lẽ vì đối tượng hướng tới là trẻ thơ nên có một điều rất dễ nhận thấy trong các sáng tác của Trần Hoài Dương là cốt truyện rất đơn giản, nhưng qua đó để lại rất nhiều bài học sâu sắc, ý nghĩa. Hoài Dương đã cố gắng xây dựng cốt truyện thật đơn giản, lựa chọn ngôn ngữ trong sáng, giản dị với một lớp nghĩa để cho trẻ em dễ đọc, dễ cảm nhận.

Trong *Em bé và bông hồng*, câu chuyện thật đơn giản khi nói về một em bé gái vì quá thích bông hồng nhưng, muốn có bông hồng nhưng để khoe với các bạn. Cô bé đã không nghe lời mẹ - không được ngắt hoa, bẻ cành. Cô bé đã lên ngắt bông hồng khi mẹ không để ý. Và kết quả là bông hồng bị héo úa, không còn tươi đẹp, lung linh như khi nó còn trên cây, các bạn của cô bé không được ngắm nhìn bông hồng tuyệt đẹp nữa. Cuối cùng cô bé thấy ân hận và tự hứa với bản thân là sẽ nghe lời mẹ, không tự ý ngắt hoa, bẻ cành nữa.

Hay như trong câu chuyện *Con đường nhỏ* nói về một chú Bê con đã không được đi đến cánh đồng cỏ thơm ngát ở phía trang trại xa chỉ vì chân chú bẩn. Mà tại sao chân chú lại bẩn? Tại vì con đường nhỏ rất bẩn? Vậy tại sao con đường nhỏ trước ngõ nhà lại bẩn? Bởi vì Bê húc rào đồ, làm vương vãi rơm ra. Vậy có nghĩa là Bê phải giữ cho con đường nhỏ trước nhà phải sạch thì chân Bê mới sạch sẽ và Bê mới được đi chơi xa. Đó cũng sẽ là bài học cho các em thiếu nhi khi phải giữ vệ sinh cơ thể và đường làng lối xóm thật sạch sẽ thì mới thành con ngoan trò giỏi được.

Đến với *Lá non*, chúng ta lại được chìm đắm trong thế giới thơ mộng của cô bé Trang – cô bé rất yêu thiên nhiên, cây cỏ. Trang yêu lắm những búp lá non của cây com ngội, cây long não. Trang thích đến mê mẩn, nhất là những đêm có mưa bụi lất phất “*đi mãi mà không ướt áo*”, “*Chỉ thấy má và tay mát lạnh, đầu tóc, vai áo ... nhấp nháy những giọt nước nhỏ li ti*”. “*Trang cùng các bạn ngửa cổ ngược nhìn, háo hức uống từng ngụm mùi*

huong, từng ngậm màu lá nước mát”. Trang vừa đi vừa ngừng lên nhìn những cành long nảo xù xì, cằn cỗi mà vòm lá lại mỏng mơn tươi non đến mức suýt vấp ngã mấy lần. Và vào mùa lá non năm nay, Trang thấy tiếc đứt ruột khi lại phải nằm viện gần hai tháng. Thế là không được ngắm nhìn những cành lá non mơn mớn, không được tận hưởng không khí trong lành, mát dịu của mùa lá non đang nảy đều. Qua câu chuyện của bạn Trang, các bạn đã được bồi đắp thêm tình yêu thiên nhiên, cây cỏ và sẽ có ý thức bảo vệ, trân trọng những vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời.

Cũng viết về tình yêu thiên nhiên, cây cỏ nhưng *Cây lá đỏ* lại mang lại một câu chuyện với ý nghĩa mới. Trong vườn nhà Ngọc Loan có rất nhiều loại cây ăn quả có giá trị. Tuy nhiên, lại có một cây chẳng có ý nghĩa gì và không mang lại lợi ích gì cho gia đình. Mọi người gọi nó là cây lá đỏ vì cứ vào dịp gần Tết là cây ấy lại đỏ rực lên như một đám lửa đêm. Gia đình Ngọc Loan có ý định chặt bỏ cây lá đỏ đi để trồng cây nhãn Hưng Yên. Ngọc Loan đã nhắn tin cho chị Phương và nhận được thư hồi âm của chị, xin với ông bà bố mẹ đừng chặt cây đó đi. Tuy cây lá đỏ không ăn quả được nhưng nó lại rất có ý nghĩa với chị Phương vì đó là kỉ niệm của chị Duyên – người bạn thân thiết nhất của chị Phương – nay đã hi sinh ngoài chiến trường. Cây lá đỏ không còn đơn thuần là một cái cây, nó trở thành vật kỉ niệm để chị Phương nhớ về người bạn thân của mình. Và màu đỏ của cây cũng chính là màu đỏ của máu – của sự hi sinh anh dũng của chị Duyên.

Đến với trẻ thơ thì mọi thứ phải thật đơn giản, trong sáng bởi tâm hồn trẻ thơ vốn rất hồn nhiên, vô tư. Và Hoài Dương đã làm được việc đó. Ông đã chắt lọc tất cả những gì tinh túy nhất của cuộc đời, của cuộc sống xô bồ để mang lại cho trẻ thơ thế giới trong ngần còn mãi. Ông đã sống, viết và dành trọn cả đời mình cho những người bạn nhỏ tuổi. Để rồi, khi Hoài Dương ra đi, không chỉ trẻ thơ mà chính những người lớn cũng thấy ngậm ngùi, thương tiếc.

3.2.4.2. Ngôn ngữ giàu chất thơ

Nhà thơ Hoàng Cát đã từng viết: “...Theo tôi, cái phần đặc sắc nhất để làm nên một Trần Hoài Dương riêng biệt, một Trần Hoài Dương nhà văn độc đáo - ấy là các truyện ngắn dành cho lứa tuổi học trò. Ở những truyện ngắn loại này, tôi có thể khẳng định rằng, mỗi mẩu chuyện là một áng thơ, văn xuôi từ hình thức, nhịp điệu lời văn đến mạch cảm xúc bên trong của tác phẩm”[55,tr.10]. Trong các sáng tác của Hoài Dương, chúng ta bắt gặp không ít những đoạn văn rất đẹp, nhẹ nhàng, trữ tình về phong cảnh thiên nhiên hay đơn giản chỉ là thể hiện tâm trạng của nhân vật trữ tình.

Ngay trong những đoạn mở đầu của hồi kí *Miền xanh thắm*, chúng ta đã có thể thấy những dòng cảm nhận rất riêng, thể hiện tâm hồn tinh tế lãng mạn của cậu bé Thiện khi ngồi trên tàu từ Hà Nội lên Bắc Giang trọ học:

“Buổi sáng ấy trời đẹp lạ lùng. Gần mười giờ, nắng vẫn rất dịu. Những đám mây lông ngỗng phơ phất bay tản mát khắp bầu trời. Từng cụm, từng cụm mây bông nõn, mỏng tang trôi chậm chậm trên nền trời xanh thắm, trong vắt. Gió vi vút thổi. Có thể nhận ra từng đợt gió trườn đi nhẹ nhàng trên cánh đồng qua từng đợt sóng lúa lúc xanh đậm, lúc hoe vàng cuộn cuộn xô dạt tới nơi xa tít tắp.... Ngồi bên cửa sổ, tôi thỏa sức nhìn ra cánh đồng. Ở những cánh đồng trũng, lúa xanh mơn mớn. Trên những thửa ruộng cao, người cày, người cuốc, người tát nước, người gieo hạt.... Những chú bé chăn trâu, chăn bò nhảy cẫng lên reo hò đến khản giọng chào đón con tàu. Có chú còn chạy đuổi theo một thôi dài. Bọn bò bê nhiều con cũng thôi gặm cỏ, ghéch mặt lên nhìn theo con tàu, miệng bồm bẻm nhai, đôi mắt ngơ ngác. Ở đâu các thửa ruộng, đây đó cắm những lá cờ đỏ sao vàng, cờ hòa bình xanh da trời ở giữa có con chim bồ câu trắng tung cánh bay....”[24,tr.5]. Đó là khung cảnh thanh bình, yên ả của miền Bắc – Bắc Giang những ngày đầu giải phóng được sống trong khung cảnh hòa bình, rộn ràng, náo nức. Và chú bé Thiện như “đắm

chìm trong một cảm giác ngây ngất trước bao cảnh đẹp mới lạ lần đầu tiên được thấy”.

Rồi có lúc, Thiên còn rất ngỡ ngàng và say đắm trước vẻ đẹp vừa thơ mộng vừa cổ kính của Hà Nội: *“Vừa ngoặt qua đường Lý Thường Kiệt, tôi sững sờ trước hai bờ cây óng vàng. Gió nhè nhẹ thổi. Tiếng lá xào xạc, hơi khô và sắc chứ không mềm mượt như dạo mùa xuân lá non. Thỉnh thoảng một làn gió mạnh lướt qua, lá cuốn bay lên, chung chiêng chao lượn mãi mới chịu rơi xuống lá tả. Xen kẽ giữa những vòm lá rục là một vài cây đã rũ hết lá. Đó là những cây nhạy cảm với thời tiết, lá vàng sớm và rụng sớm. Những cây này lại có một vẻ đẹp riêng. Nổi lên trên nền trời xám nhạt mây phẳng lì là những cành cây trơ trụi màu hung nâu. Cành cây com nguội mảnh dẻ, li ti lẫn tẩn nhiều nhánh nhỏ nên khi lá vàng rụng hết, vòm cây lại có một vẻ đẹp mờ ảo, mông lung như khói. Đây đó, trên một vài cành trơ trụi còn để lộ ra những búi cây ỏ gà lá xanh đậm, trong xa ngỡ như tổ chim. Cái giống cây com nguội này đẹp cả bốn mùa. Mùa thu, mùa đông thì thế. Mùa xuân lại đẹp một cách nồn nà. Các nhánh cành trơ trụi suốt cả mùa đông, đến khi có mưa xuân rì rả thấm đẫm đất đai, đầm đìa cây cỏ, các cành cây ẩm ướt thẫm đen lại, từ các nách lá cũ bắt đầu trồi ra các nanh mầm xanh sáng bé xíu. Chỉ vài ba ngày sau, các nanh mầm nở bung ra thành những chồi non bụ bẫm. Cả bờ cây phẳng phát một màu xanh mơ hồ, như có như không, như mơ như thực. Rồi màu xanh hiện hình dần trong làn mưa bụi, nồn nà như ngọc, xanh mượt màu cốm non. Thật là hạnh phúc được đi dưới những vòm lá xanh non ấy, nghe tiếng lá lay động một cách dịu dàng....”* [24,tr.123].

“... Những chiếc lá bàng khô cong, đỏ tía, nhìn từ dưới lên càng thêm đỏ vì ánh nắng từ trên cao rọi xuống. Nhìn ra xung quanh, tôi ngỡ ngàng vì tầng cao tầng thấp lớp lớp lá bàng đỏ rục. Còn đường Tràng Thi này đẹp là nhờ những cây bàng cổ thụ. Cây hai bên đường cao vút, ngả vào nhau, làm thành một con đường hầm chạy dài hun hút, mát rượi. Mùa xuân, những hàng

cây tung bùng nảy lộc. Búp hàng non ban đầu đỏ tía, dần chuyển sang màu xanh nõn, mập mạp, khỏe mạnh giống như trăm nghìn con bướm đang chụm cánh chỉ chờ ai đó rung cành là đồng loạt bay lên. Gần suốt cả năm, con đường rợp bóng cây xanh. Vào độ tháng mười, tháng mười một, lá ửng dần lên thành màu đỏ tía. Rồi lá rụng, để lại những thân bàng xù xì, gân guốc, thẫm đen lại dưới làn mưa xuân phơi phới. Tôi đã từng đứng hàng giờ dưới những gốc bàng cổ thụ có đến trăm tuổi, trong làn gió xuân dịu nhẹ, dưới bầu trời mờ mịn hơi nước và bụi mưa li ti... Tôi lẳng lặng ngược nhìn lên những vòm cây trụi lá, chỉ có những nhánh cành đan xen vào nhau như những tấm lưới chằng chịt. Đây đó còn sót lại dăm ba chiếc lá bàng thẫm đỏ, giống hệt những chú cá vàng tung tăng trong biển trời mờ mịn sương khói, bị mắc lại giữa tấm lưới đen thẫm những cành bàng giao nhau kia....” [24,tr.125].

Trong *Lá non* lại là sự tiếc nuối của cô bé Trang khi phải nằm viện gần hai tháng trời trong một căn buồng kín mít giữa mùa lá non đang nảy đều. Tuy nhiên, từ căn phòng bệnh viện, Trang cũng đã có sự quan sát rất tinh tế và nhận ra được sự đổi thay của cây cối trong mùa tháng hai, tháng ba – mùa cây thay lá, nảy lộc: “*Lộc cây com nguội trắng ngà, li ti lẫn tẩn như bèo non. Lộc bàng khi mới nhú màu hung nâu. Chỉ vài ba ngày sau, nó chuyển sang màu xanh nõn, mập mạp chúm chím nhưng những búp hoa. Thoáng nhìn một cây bàng vừa nảy lộc, cứ ngỡ vừa có một đàn bướm xanh ở đâu bay về đậu khắp cành. Chúng có thể sẵn sàng bay tung lên bất cứ lúc nào. Nhưng Trang thích nhất vẫn là những cây long não, thứ cây đẹp cả bốn mùa. Mùa hạ, lá cây xanh đậm, sau những cơn mưa như trút nước, đường phố dát toàn bằng lá cây long não đã hơi bị giập nát, tỏa hương thơm lừng không gian. Mùa thu xen kẽ giữa các nhánh cành là những chiếc lá đỏ thẫm, lủng liểng đùng đưa như những trái hồng chín mọng, như những chiếc đèn lồng trong đêm hội hoa đăng. Mùa đông rét buốt nhưng cây vẫn không trụi lá. Dọc phố, những hàng cây bè bạn đã trơ cành, riêng cây long não vẫn rục rờ hồng tươi dưới một*

bầu trời phẳng lì mây xám, không một chút ánh nắng. Hình như tất cả các sắc màu rực rỡ bốn phương tích tụ lại trong vòm cây long não. Rồi đến tháng giêng hai, khi mưa xuân rì rả thấm đẫm lá cành, khắp thân cây long não đen thẫm lại. Vỏ cây long não vốn dày, lại nứt nẻ thành nhiều đường rãnh như khoác một tấm nhung kẻ nên giữ được độ ẩm lâu, các loài rêu cỏ tha hồ sống gửi. Vì thế, thân long não thường bám đầy những đám rêu cỏ sùm sòa. Trong lúc những chiếc lá già vẫn còn bám trên cây, những mầm lá non và nụ hoa đã âm thầm chuẩn bị ra đời. Những kẽ lá cương dần và nhu nhú chiếc nanh mầm xanh sáng. Nụ hoa nở cùng lá non. Lá non được bọc rất cẩn thận trong một lớp vỏ mỏng tựa những chiếc búp đa nhỏ xíu. Lá non và nụ cứ lớn dần lên. Cho đến một hôm chợt có gió nồm ào về, đường phố rụng toì bởi những chiếc lá vàng lá đỏ. Cành long não khẽ rùng mình, những chiếc lá già rụng xuống mà như bay lượn, để lại một vòm xanh tươi mới, lá non xanh mượt, sáng cả trời đất”[22,tr.20]. Trang yêu đến mê mẩn những cành lá non đó. Và Trang còn ao ước sau này được vào học trường Đại học tổng hợp, khoa sinh vật. “Trang sẽ đi sâu nghiên cứu về đời sống cây cỏ. Trong những quyển sách của mình, Trang đã ép được không biết bao nhiêu hoa, lá. Có những thứ hoa, thứ lá Trang nhờ bố và các bác các chú lấy ở mãi đỉnh núi Phăng-xi-păng cao nhất nước – Vì bố của Trang là một cán bộ địa chất, được đi rất nhiều nơi” [22,tr.23].

Như vậy, khi viết cho trẻ thơ, Trần Hoài Dương đã đưa đến cho các độc giả nhí của chúng ta những trang văn nhẹ nhàng, giàu chất trữ tình. Bằng ngôn ngữ nhẹ nhàng, tình cảm như những lời thủ thi, tâm tình, ông đã đưa những nhân vật của mình đến gần hơn với thế giới tuổi thơ. Để rồi qua đó các em sẽ nhận ra được ẩn sau lớp ngôn từ đậm chất thơ ấy là những câu chuyện sâu sắc, những bài học vô cùng ý nghĩa và điều đó cũng làm sống dậy biết bao kí ức tuổi thơ trong lòng bạn đọc.

Tiểu kết chương 3: Đến với thế giới nhân vật trẻ thơ, Trần Hoài Dương đã chứng tỏ được tài năng của mình trong nghệ thuật xây dựng nhân vật. Đó là nghệ thuật miêu tả ngoại hình, tính cách và hành động của nhân vật. Có thể nói, Hoài Dương đã rất dụng công trong việc miêu tả ngoại hình, hành động để làm nổi bật tính cách của nhân vật. Đặc biệt, Trần Hoài Dương rất thành công trong việc miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật. Hoài Dương đã nắm bắt rất rõ và phân tích khá sâu sắc diễn biến tâm lí của trẻ thơ: một sự ngây thơ, hồn nhiên, đáng yêu đúng nghĩa của tuổi thơ. Ông cũng đã sử dụng ngôn ngữ sinh động, hấp dẫn, nhẹ nhàng, giàu chất thơ, rất phù hợp với tâm lí lứa tuổi trẻ thơ.

KẾT LUẬN

“*Trần Hoài Dương cả đời viết cho thiếu nhi*”, đó là nhận định của nhiều người. Nhưng chính Trần Hoài Dương lại thừa nhận mình không chỉ viết cho thiếu nhi. Ông có ý thức viết cho cả người lớn đọc. Với tâm huyết và lòng yêu nghề, Trần Hoài Dương đã nhận được nhiều giải thưởng cao quý.

Tìm hiểu và nghiên cứu toàn bộ tác phẩm của Trần Hoài Dương để có những cách nhìn nhận, đánh giá rõ ràng và cụ thể hơn về những đóng góp của ông cho văn học thiếu nhi quả là ước muốn chưa dễ dàng thực hiện. Do đó, lựa chọn một số tác phẩm của Trần Hoài Dương viết cho thiếu nhi để nghiên cứu, chúng tôi hi vọng có thể đưa ra những đánh giá khái quát ban đầu về nhân vật trẻ thơ trong truyện viết cho thiếu nhi của Trần Hoài Dương. Trong luận văn, chúng tôi tập trung thể hiện các kiểu dạng nhân vật và hình thức thể hiện nhân vật trong một số sáng tác của ông để thấy được những nét chân thực, hồn nhiên của thiếu nhi, thấy được sự trong sáng, lòng vị tha và tình người ấm áp ... của trẻ nhỏ. Để xây dựng thế giới nhân vật trẻ em phong phú, nhiều màu sắc, Trần Hoài Dương đã sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật (miêu tả ngoại hình, tính cách, hành động, diễn biến tâm lí). Đây chính là các phương tiện giúp nhà văn thể hiện được bản chất, tính cách của nhân vật trong tác phẩm một cách độc đáo, và sinh động nhất.

Ở mảng đề tài viết cho thiếu nhi, Trần Hoài Dương đã phát huy được những sở trường, đồng thời đóng góp nhiều tác phẩm có giá trị cho mảng đề tài này. Trần Hoài Dương âm thầm sống và mài miệt viết. Ông viết dường như chỉ để mang lại niềm vui và tình yêu thương cho con trẻ. Ông không từ chối bất cứ thể loại gì, kể cả những mẩu chuyện con con – những chuyện con con nhưng đầy thú vị. Ông không ưa giới thiệu ồn ào về các tác phẩm của mình. Bởi vậy, con người và tác phẩm của ông sẽ còn sống mãi với bạn đọc nhiều thế hệ, đặc biệt là các độc giả nhỏ tuổi.

Phạm Đình Ân trong *Người say mê viết về cái đẹp non tơ, trong trẻo* đã nhận xét: “*Suy nghĩ và hành xử của Trần Hoài Dương có phần phức tạp, ẩn giấu. Tuy nhiên, trên trang viết, cảm thức và cái nhìn đời sống của anh lại thiên về duy mỹ. Anh viết về cái đẹp, nhưng lại dành cho bạn đọc nhỏ tuổi, cho nên cái đẹp ấy được tác giả mặc định là cái đẹp non tơ, trong trẻo. Hướng đến cái đẹp non tơ, trong trẻo là cảm hứng sáng tạo của Trần Hoài Dương*” [55,tr.298].

Truyện ngắn, mẫu chuyện của Trần Hoài Dương thấm đượm chất trữ tình và giàu chất thơ, đậm yếu tố lãng mạn và tinh thần nhân đạo. Không quan tâm nhiều đến những cảnh ồn ào, sôi động, ly kỳ, gây cười vốn dễ lôi cuốn trẻ nhỏ, nhà văn tập trung khai thác nội tâm, quan hệ tình cảm và miêu tả thiên nhiên. Nhiều truyện của anh giống như những bài thơ văn xuôi. Ngay cả những truyện tưởng như không gọi cho bạn đọc liên tưởng đến ngay đến bài thơ thì chất thơ cũng ẩn hiện đây đó trên những câu văn, đoạn văn. Nhiều truyện không có chuyện mà đọc, thấy vẫn là truyện, chứ không phải là tản văn. Những truyện kiểu này thường gây được thiện cảm đối với hầu hết các em gái tuổi trên nhi đồng, lứa tuổi bắt đầu có nội tâm, có chuyển biến rõ rệt về cảm nghĩ và có cả dao động phần nào ở giai đoạn đầu hình thành nhân cách người nữ.

Trần Hoài Dương cũng yêu thiên nhiên đến mức say đắm. Tình yêu đó, tác giả dày công truyền cho bạn đọc nhỏ tuổi. Dưới ngòi bút của nhà văn, thiên nhiên có hồn, thiên nhiên rất non tơ và rất đẹp. Có lẽ, ít có nhà văn nào tả cảnh thiên nhiên hoa lá, cây xanh, mây trời.... một cách tinh tế, tươi non, thơ mộng, giàu mỹ cảm đến thế. Thiên nhiên đẹp lên nhiều lần, trẻ thơ đẹp lên nhiều lần ở tất cả mọi trang văn của Trần Hoài Dương. Ngay từ tập truyện ngắn đầu tiên, anh viết cách nay năm mươi năm, đã thể hiện điều đó.

Bên cạnh văn chương thì bạn bè còn nể trọng Trần Hoài Dương ở nhân cách. Có thể khẳng định, ở ông hoàn toàn là một sự nhất quán trong những trang viết và con người.

Ngày ông qua đời đã thực sự gây bất ngờ, ngỡ ngàng không chỉ đối với gia đình mà còn với tất cả bạn bè, bạn đọc và nhiều thế hệ thiếu nhi đã từng đọc ông, gặp ông, được cùng ông trò chuyện, tâm sự. Và rồi là một sự hụt hẫng, trống vắng. Dù là quen biết hay chỉ được đọc, được nghe tên nhưng nhiều người đã dành những tình cảm, những lời lẽ hết sức trọng nể, chân tình để nói, để viết xúc động về Trần Hoài Dương, một tài năng, một tấm lòng, một nhân cách.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn An (2005), *Chân dung văn học ở Việt Nam – nguồn gốc và sự ra đời*, *Tạp chí Nhà văn*, (số 10), tr.43 - 54.
2. Tạ Duy Anh (chủ biên) (2000), *Nghệ thuật viết truyện ngắn và ký*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
3. Nguyễn Nhật Ánh (2003), *Ngôi trường mọi khi*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Nhật Ánh (2003), *Thiên Thần nhỏ của tôi*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Nhật Ánh (2003), *Chú bé rắc rối*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Nhật Ánh (2003), *Trại hoa vàng*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
7. Nguyễn Nhật Ánh (2003), *Cô gái đến từ hôm qua*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Nhật Ánh (2003), *Thằng quỷ nhỏ*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
9. Nguyễn Nhật Ánh (2003), *Những cô em gái*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
10. Nguyễn Nhật Ánh (2003), *Nữ sinh*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
11. Nguyễn Nhật Ánh (2006), *Chuyện xứ Lang Biang*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
12. Nguyễn Nhật Ánh (2010), *Kính vạn hoa*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
13. Nguyễn Nhật Ánh (2011), *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
14. Lại Nguyên Ân (1984), *Xung quanh thể tài chân dung văn học*, *tuần báo Văn nghệ*, (số 49), tr.9-10.
15. Lại Nguyên Ân (1999), *150 thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
16. Vũ Bằng (2002), *Mười chín chân dung nhà văn cùng thời*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

17. Phạm Thị Bền (2005), *Thế giới trẻ thơ qua cách nhìn của Nguyễn Nhật Ánh trong bộ truyện Kính vạn hoa*, Luận văn thạc sĩ khoa học Ngữ văn, chuyên ngành Văn học Việt Nam, mã số 5.04.33, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
18. Trần Hoài Dương (1966), *Đến những nơi xa*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
19. Trần Hoài Dương (1975), *Cuộc phiêu lưu của những con chữ*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
20. Trần Hoài Dương (1976), *Con đường nhỏ*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
21. Trần Hoài Dương (1978), *Cây lá đỏ*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
22. Trần Hoài Dương (1981), *Lá non*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
23. Trần Hoài Dương (1983), *Em bé và bông hồng*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
24. Trần Hoài Dương (2014), *Miền xanh thẳm*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
25. Trần Hoài Dương (2014), *Những chuyện hay viết cho thiếu nhi*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
26. Hà Minh Đức (1999), *Lý luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
27. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2009), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
28. Lê Bá Hán, La Khắc Hòa, Phùng Ngọc Kiếm, Nguyễn Xuân Nam, *Lý luận văn học*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
29. Bùi Văn Huệ, Phạm Thị Hạnh Mai, Nguyễn Xuân Thức (2009), *Giáo trình tâm lí học tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
30. Nguyễn Thanh Hà (2013), *Thế giới nghệ thuật truyện đồng thoại của Trần Hoài Dương và ý nghĩa giáo dục đối với học sinh tiểu học (Khảo sát qua tập truyện Cô bé mảnh khảnh)*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

31. Quang Hùng, Minh Nguyệt, (2007) *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Bách Khoa, Hà Nội.
32. Dương Thu Hương (1986), *Hành trình ngày ấu thơ*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
33. Vũ Thị Hương (2009), *Thế giới nghệ thuật truyện Nguyễn Nhật Ánh*, luận văn thạc sĩ Văn học, Trường ĐHSP Hà Nội.
34. Nguyễn Ngọc Ký (1970), *Những năm tháng không quên*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
35. Vi Thùy Linh (2011), Nhà văn Trần Hoài Dương: Một thế giới trong ngàn còn mãi, *báo Thể thao Văn hóa*, tr. 34-35.
36. Lã Thị Bắc Lý (2008), *Giáo trình văn học trẻ em*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
37. Phương Lưu, Trần Đình Sử, Nguyễn Xuân Nam, *Lý luận văn học*, Nxb Giáo Dục.
38. Vũ Ngọc Phan (1989), *Nhà văn hiện đại*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
39. Vũ Ngọc Phan (1989), *Nhà văn hiện đại*, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
40. Phạm Thị Minh Phúc (2011), *Thế giới trẻ thơ trong truyện viết cho thiếu nhi của Võ Quảng*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Vinh.
41. Phùng Quán (2006), *Tuổi thơ dữ dội*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
42. Lê Minh Quốc (2012), *Nguyễn Nhật Ánh – Hoàng tử bé trong thế giới 38*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
43. Xuân Sách (2001), *Đội thiếu niên du kích Đình Bảng*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
44. Trần Đăng Suyền (2003), *Nhà văn, hiện thực đời sống và cá tính sáng tạo*, Nxb Văn học, Hà Nội.

45. Trần Đình Sử (1996), *Lý luận và phê bình văn học*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
46. Bùi Ngọc Tấn (2005), *Viết về bè bạn*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
47. Vân Thanh (1999), *Phác thảo văn học thiếu nhi Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
48. Vân Thanh, Nguyễn An (biên soạn) (2002), *Bách khoa thư văn học thiếu nhi Việt Nam, tập 1, tổng quan*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
49. Hồ Anh Thái (2005), *Lang thang trong chữ*, Nxb Trẻ, Hà Nội.
50. Hồ Anh Thái (2005), *Bốn lối vào nhà cười*, Nxb Đà Nẵng.
51. Nguyễn Thị Mộng Thơ (2011), *Hình tượng nhân vật trẻ em trong sáng tác của Thạch Lam, Nam Cao, Nguyễn Hồng trước cách mạng tháng Tám 1945*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Đà Nẵng.
52. Nguyễn Thị Thom (2013), *Nhân vật trẻ thơ trong truyện cổ tích và ý nghĩa giáo dục đối với học sinh Tiểu học*, luận văn thạc sĩ giáo dục học, Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
53. Đỗ Lai Thúy (2009), *Nghiên cứu văn học Việt Nam – Những khả năng và thách thức*, Nxb Thế Giới.
54. Trần Bá Thủy (2015), *Trần Hoài Dương – Mãi xanh miền xanh thắm*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
55. Trần Lê Quỳnh – Huy Thắng (biên soạn) (2015), *Trần Hoài Dương – Con người – tác phẩm*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
56. Nguyễn Thị Đài Trang (2013) *Nhân vật trẻ em trong truyện Nguyễn Nhật Ánh*, luận văn thạc sĩ ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam, Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
57. Xuân Tùng (1994), *Nhà văn qua con mắt những người thân*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
58. Anh Vân (2006), *Nguyễn Nhật Ánh: Nhà văn trụ đỡ tinh thần các em*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.